

Huy Liệu làm Trưởng đoàn, vào Huế tiếp nhận sự thoái vị của Vua Bảo Đại. Cuộc lễ sẽ diễn ra vào ngày 30/8, ngày 28/8 đoàn sẽ lên đường

Họp với Thường vụ Trung ương, Bác Hồ nhất trí những vấn đề đối nội, đối ngoại, mở rộng thành viên Chính phủ trong tình hình mới. Bác đề nghị mở rộng hơn nữa thành phần Chính phủ lâm thời, mời thêm các nhân sĩ, trí thức như Cụ Nguyễn Văn Tố (không đảng phái) làm Bộ trưởng Bộ Xã hội; ông Nguyễn Mạnh Hà (Công giáo) Bộ trưởng Bộ Kinh tế; ông Vũ Trọng Khánh (Đảng Dân chủ) Bộ trưởng Bộ Tư pháp; ông Đào Trọng Kim (không đảng phái) làm Bộ trưởng Bộ Giao thông công chính; ông Vũ Đình Hòe (Đảng Dân chủ) Bộ trưởng Bộ Giáo dục; ông Phạm Ngọc Thạch (Nam bộ) Bộ trưởng Bộ Y tế.

Ông Mười Hương nhớ lại trong các Vị Bộ trưởng trong Chính phủ lúc đó, chỉ có cụ Nguyễn Văn Tố là người vẫn đội khăn, mặc áo dài cổ truyền, không mặc complet, mà cũng không đeo cà-vạt (cravate).

Bác Hồ đề nghị với Thường vụ Trung ương cuộc mít tinh ra mắt Chính phủ lâm thời nên làm lớn, có đọc Tuyên ngôn độc lập, làm sớm trước khi quân Tưởng vào Hà Nội. Thường vụ Trung ương nhất trí chọn ngày 2/9/1945 làm mít tinh ra mắt Chính phủ lâm thời tại quảng trường Ba Đình. Ngẫu nhiên ngày này lại trùng với ngày Nhật phải ký đầu hàng Đồng minh trên chiếc chiến hạm Missouri của Mỹ.

Ông Trường Chinh nói với ông Mười Hương:

- Ngày 2/9 tới, chính thức được chọn là **ngày Độc lập**, vì hôm đó Bác Hồ sẽ thay mặt Chính phủ đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, mở đầu kỷ nguyên mới của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Bác chỉ thị phải làm một cuộc mít tinh thật lớn và trọng thể. Ta cần huy động đông đảo nhân dân đủ các tầng lớp xã hội của Thủ đô, các đội vũ trang cách

mạng như Giải phóng quân, đội tự vệ nam, nữ, dân quân tham gia, để biểu dương lực lượng và khí thế cách mạng. Ta có mời các đại diện quốc tế tới dự. Đây là cuộc lễ đánh dấu một sự kiện trọng đại của đất nước, có ý nghĩa cả về chính trị và văn hóa. Thường vụ Trung ương đã giới thiệu anh Trần Huy Liệu và anh Xuân Thủy trong Tổng bộ Việt Minh làm Trưởng và Phó Ban tổ chức, nhưng các anh ấy mới về, anh xem trong số anh em Văn hóa cứu quốc có ai tháo vát, tin cậy giới thiệu vào ban tổ chức. Cố nhiên Thành ủy và chính quyền Thành phố Hà Nội cũng có trách nhiệm động viên, huy động nhân dân nội, ngoại thành đông đảo tham gia. Nhưng phụ trách chính việc tổ chức là anh em Văn hóa cứu quốc, ai có thể cáng đáng việc này?

Suy nghĩ một lát, ông Mười Hương mạnh dạn giới thiệu hai ông Nguyễn Hữu Đang và Phạm Văn Khoa. Đồng chí Trường Chinh đồng ý, riêng ông Nguyễn Hữu Đang đồng chí Trường Chinh đã biết từ thời làm báo công khai hồi Mặt trận Dân chủ, một nòng cốt của Đảng hoạt động rất tích cực trong phong trào Truyền bá quốc ngữ và Văn hóa cứu quốc ngay từ những ngày đầu tiên, sau đó có lúc bị Pháp bắt, vừa rồi lại được đi dự Đại hội quốc dân ở Tân Trào; được cử làm Thứ trưởng Bộ Văn hóa trong Chính phủ lâm thời.

Đồng chí Trường Chinh bảo ông Mười Hương đưa hai ông Đang và Khoa sang Khai trí Tiến Đức giới thiệu với các ông Trần Huy Liệu và Xuân Thủy.

Có một vấn đề rất cần thiết trong giao dịch của cán bộ hoạt động tại Thủ đô, một trong những thành phố lớn của cả nước là từ chiến khu về, quần áo của cán bộ lãnh đạo đều đã cũ và không còn phù hợp với sinh hoạt thành phố, thêm nữa lại chuẩn bị cho ngày lễ Độc lập – Ngày hội của dân tộc, ông Mười Hương báo cáo với ông Nguyễn Lương Bằng,

cho xuất **vải** của **kho Nhà Doan** ta vừa tiếp quản, may cho đồng chí **Trưởng Chinh** hai bộ đồ **kaki** và một bộ đồ mặc rét; may cho cả **mấy anh lãnh đạo** nữa.

Ngay sau đó, có mặt các đồng chí **Trưởng Chinh**, **Nguyễn Lương Bằng**, **Trần Đăng Ninh** và ông **Mười Hương**, đồng chí **Nguyễn Lương Bằng** nói với ông ông **Mười Hương** :

- Bây giờ khởi **nghĩa đã thắng lợi** ở Hà Nội và nhiều nơi, ta chưa có **tổ chức bảo vệ** cho **Chính phủ** và **Trung ương Đảng**. **Thường vụ Trung ương** đã quyết định hai bộ phận, một bộ phận do **tôi phụ trách** lo **bảo vệ Bác Hồ** và một bộ phận do **anh phụ trách** **bảo vệ Tổng Bí thư Đảng**. Đảng ta có **truyền thống Tổng Bí thư đảm nhiệm** cả công tác tư tưởng, cho **nên anh phải giúp Tổng Bí thư** lo việc in ấn, xuất bản, **phát hành báo chí**.

**Thường vụ Trung ương** giao cho **tôi** chịu trách nhiệm về công tác tài chính, **nhưng Đảng không có tiền**, các đồng chí có trách **nhiệm phải tự lo**. **Tôi có trách nhiệm** lo cho **Bác**, **anh Mười Hương** **chăm lo** cho **anh Trưởng Chinh**.

Ông **Mười Hương** **liên báo cáo** với các đồng chí, cơ sở **Nhà Doan ở số 6 phố Balny** (**Hàng Vôi**, sau này là phố **Trần Nguyên Hãn**, **trụ sở Bộ Lương thực**) do ông phụ trách, có **một kho lớn thuốc phiện**, **bạc Hoa xòe**, **muối**, **thuốc tây**, **vải vóc...** Vừa rồi **thực hiện ý** của đồng chí **Trưởng Chinh**, ông đã **gửi lên Tân Trào** một số thuốc men cần thiết. Nay **đề nghị Trung ương** cho người đến tiếp nhận và **quản lý**.

Hôm sau, đồng chí **Nguyễn Lương Bằng** cho ông **Chương**, vốn là **công nhân Nhà máy dệt Nam Định** cùng với ông **Trần Bảo** (**Bảo Toét** sau này làm **Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động Việt Nam**) đến tiếp nhận. **Kho này phục vụ** ngay cho **Trung ương mới về Hà Nội** và cho cả cuộc **kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm** nữa.

**Quản lý kho** là các ông **Lê Văn Đức** và **Phạm Ngọc Côn**, đều đã tham gia **Việt Minh**. Khi **Nhật làm đảo chính lật Pháp**, chúng vẫn dùng hai ông **trông nom kho**, cho **nên việc tiếp quản thuận lợi**.

Khi đồng chí **Nguyễn Lương Bằng** được **Chính phủ** cử làm **Thống đốc Ngân hàng Nhà nước**, thì ông đưa ông **Lê Văn Đức** về làm **phó**. Ông **Nền (Ngọc)** **công nhân** người ngoại thành **Hà Nội**, làm lái xe cho **Bác** suốt thời kỳ **kháng chiến chống thực dân Pháp**. Khi đồng chí **Nguyễn Lương Bằng** đi làm **Đại sứ ở Liên Xô**, đồng chí mang theo ông **Nền**. Đến **Hội nghị Paris 1969 - 1972**, ông **Nền** lại được cử sang **Pháp phục vụ** ông **Xuân Thủy**, **Trưởng phái đoàn đàm phán của nước ta**.

Ngày 28/8, **Bác Hồ** cho gọi ông **Nguyễn Hữu Đang** tới để **trao nhiệm vụ Trưởng ban tổ chức** ngày lễ 2/9. Ông **Mười Hương** có mặt trong buổi này. **Bác hỏi** ông **Nguyễn Hữu Đang**:

- **Chú có làm được không?**

Ông **Nguyễn Hữu Đang** trả lời:

- **Thưa Bác**, chỉ còn **bốn ngày**, thời gian **gấp quá**, e có **nhiều khó khăn**.

**Bác không giải thích**, mà chỉ **ôn tồn** động viên ông **Nguyễn Hữu Đang** phải làm bằng được để xứng đáng với lòng tin cậy của **Chính phủ**.

Ông **Nguyễn Hữu Đang** về ngay **Bộ Tuyên truyền**. **Bộ trưởng Trần Huy Liệu** còn đang có mặt ở **Huế** để tiếp nhận sự thoái vị của **Vua Bảo Đại** chưa về. Ông **Nguyễn Hữu Đang** dùng điện thoại liên lạc với các báo chí yêu cầu **đăng gấp Thông cáo trên trang nhất** của báo ra ngày 29/8, về **cuộc lễ mừng ngày Độc lập**, ra mắt **Chính phủ lâm thời** vào ngày 2/9. Ngay sau đó, ông **Đang** thành lập **Ban tổ chức** gồm các ông **Lê Trọng Nghĩa**, **Thành ủy** trong Ủy ban quân sự cách

mạng Hà Nội; Phạm Văn Khoa (Truyền bá quốc ngữ và văn hóa cứu quốc); Nguyễn Huy Tường, Lưu Văn Lợi (Văn hóa cứu quốc); Nguyễn Dực (Hướng đạo); Trần Lâm (Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam); Nguyễn Văn Đáng (công nhân nhà in Lê Văn Tân). Kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh được mời tham gia thiết kế và cùng một số anh em công nhân thi công, dựng một lễ đài uy nghi, trang trọng.

Em ông Nguyễn Văn Phổ, chủ hiệu sửa radio Majestic đã góp công trong việc xây dựng hệ thống vô tuyến điện và truyền thanh trong ngày tổ chức lễ Độc lập.

Ngày 2/9, chiếc xe Citroen do ông Nền (Ngọc) lái đợi sẵn trước nhà 48 Hàng Ngang, ông Mười Hương cũng túc trực tại đây. Bác Hồ vừa bước ra khỏi nhà, bỗng thấy xuất hiện mấy anh trang phục quần áo kaki mới, mỗi người đeo một khẩu "côn bạt" (loại súng lục kiểu mới của Mỹ lúc ấy rất hiếm), vai lại khoác khẩu tiểu liên Thompson, trong rất oai vệ đứng cạnh xe.

Nét mặt Bác hơi nghiêm, quay lại hỏi:

- Các chú này ở đâu ra thế?

Ông Mười Hương vội bước lại gần thưa với Bác đó là mấy anh do Sở Liêm phóng của ta (anh Chu Đình Xương làm Giám đốc) cử sang để đi bảo vệ Bác.

Bác cười, rồi ôn tồn nói:

- Bác không cần đến các chú. Không được làm điều gì để nhân dân chê trách. Các chú về đi.

Bác lên xe. Người mở cửa, mời Bác lên ngồi ghế sau là ông Vũ Đình Huỳnh, người được giao làm nhiệm vụ lễ tân. Ông Nền lái xe, ngồi cạnh là bác sĩ Lê Văn Chánh, người đã được ông Mười Hương tiến cử lên Tân Trào phục vụ Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân Đại hội. Xe Bác đi giữa, hai bên là hai hàng xe đạp của đội tự vệ công nhân cứu quốc Hà Nội, mặc quần áo giản dị, không có vũ khí, do

công nhân hãng AVIAT Trần Ngọc Minh chỉ huy, được Bác đồng ý cho đi theo.

Ngày 2/9, một lần nữa cả Hà Nội tràn ngập cờ đỏ sao vàng và các biểu ngữ mang khẩu hiệu đủ các thứ tiếng Việt Nam, Pháp, Anh, Hoa.

Người Hà Nội xuống đường. Nhân dân các tỉnh chung quanh kéo về Hà Nội. Dòng thác người vô tận đổ về quảng trường Ba Đình lịch sử. Đủ mặt: các dân tộc, các giai cấp, các tôn giáo, đảng phái, lứa tuổi. Anh em tự vệ trai, gái gọn gàng trong những bộ quần áo trên truyền thống Việt Nam, mang theo súng, mã tấu, long đao, côn, dao găm... Có cả đơn vị Giải phóng quân, trang bị súng, đạn, đã từng chiến đấu ở các chiến khu làm khiếp đảm bọn phát xít và làm nức lòng nhân dân ngưỡng mộ, hùng dũng đi trong hàng ngũ, tham dự cuộc mít tinh.

Từ khi có Hà Nội đến giờ, chưa bao giờ người Hà Nội thấy một cuộc Hội lớn đến thế và đông người đến thế. Có tới gần một triệu người dự ngày hội Độc lập, ra mắt Chính phủ lâm thời.

Tại quảng trường Ba Đình đã dựng một kỳ đài đồ kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh thiết kế và công nhân xây dựng tạo nên, chung quanh căng vải đỏ và trắng, một cột cờ sơn trắng vươn lên cao chót vót.

Các đoàn thể theo trật tự tiến vào quảng trường. Gần kỳ đài là đoàn thể Phụ lão, đoàn thể Phật Giáo, Công giáo, chị em phụ nữ. Một đơn vị Giải phóng quân, lưỡi lê sáng loáng cắm ở đầu ngọn súng xếp hàng ngang phía sau kỳ đài. Một đội tự vệ súng lục trong tay, đứng chen khít nhau thành một hàng rào bao quanh ngay sát kỳ đài kéo dài cho đến đầu đường cột cờ (nay là đường Điện Biên). Từ kỳ đài nhìn xuống, một biển người đông đảo, trên đó phấp phới một rừng cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ.

Hai giờ, xe hơi của Bác, có đoàn xe đạp hai bên tháp tùng, từ từ tiến vào quảng trường và đỗ lại. Bác và các thành viên Chính phủ lâm thời bước lên kỳ đài. Tất cả đều ngược mắt chú ý xem ai là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Buổi lễ bắt đầu. Quân nhạc cử bài "Tiến quân ca". Lá cờ đỏ sao vàng được từ từ kéo lên ngọn cột cờ, theo chiều gió bay phấp phới. Trên kỳ đài các thành viên Chính phủ đầu trần, đứng lên giơ cao nắm tay trái lên ngang tai để chào. Bên dưới gần một triệu cánh tay cũng giơ lên. Tất cả yên lặng rất trang nghiêm.

Sau khi đại biểu Ban tổ chức đọc chương trình buổi lễ và giới thiệu Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bác Hồ mặc bộ quần áo kaki, đội chiếc mũ dãi dầu mưa nắng, bước ra lễ đài và bỏ mũ. Thay mặt cho Chính phủ, Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trình trọng tuyên bố trước thế giới:

"Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đứng về phía Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập. Và thực sự đã thành một nước độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy...".

Giọng Bác đọc sang sảng. Lời văn bản Tuyên ngôn đanh thép, khúc triết, rõ ràng. Bác đọc xong, tất cả hoan hô như sấm trong sự nồng nhiệt say sưa chưa bao giờ thấy.

Bản Tuyên ngôn độc lập là sự phát triển Chương trình Việt Minh của hội nghị lần thứ Tám (5/1941) của Trung ương. Nó kết tinh những quyền lợi cơ bản và những nguyện

vọng tha thiết nhất của dân tộc Việt Nam và nói lên tinh thần trong sáng, khí phách anh hùng của nhân dân ta.

Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của biết bao nhiêu người con anh hùng Việt Nam đã hy sinh vô cùng anh dũng trong các nhà tù, trại tập trung trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường.

Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của bao nhiêu hy vọng, bao nhiêu cố gắng, bao nhiêu tin tưởng của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Với bản Tuyên ngôn, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, lịch sử Việt Nam sang trang. Tên tuổi Việt Nam lại được ghi trên bản đồ thế giới, một kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam bắt đầu.

Lúc đó, ông Mười Hương đứng sau Bác Hồ. Trời nắng, Bác đầu trần, đang đọc Bản Tuyên ngôn, Bác bỗng dừng lại, cất tiếng hỏi rất thân mật qua micro:

- Đồng bào có nghe rõ tiếng tôi không?

Cả biển người đáp lại như sấm dậy "Có".

Ông Mười Hương thấy cụ Nguyễn Văn Tố, như thường lệ đi đâu Cụ vẫn cẩn thận mang theo chiếc ô đen quen thuộc, ông Mười Hương nảy ra ý kiến, mạnh dạn đến gần Cụ Nguyễn Văn Tố, khẽ khàng nói: "Thưa Cụ, xin Cụ cho mượn chiếc ô để anh em dùng che nắng cho Cụ Chủ tịch".

Cụ Nguyễn Văn Tố biết ông Mười Hương lúc làm truyền bá quốc ngữ, nhất là mấy ngày chuẩn bị cho cuộc lễ ngày 2/9, cho nên Cụ Tố đưa ngay và nói: "Ngài cứ dùng". Được Cụ Nguyễn Văn Tố đồng ý, ông Mười Hương nhanh chóng giao cho một bảo vệ cầm ô che nắng cho Bác. Nhà nhiếp ảnh Nguyễn Bá Khoản chớp được hình ảnh Bác Hồ đọc Tuyên ngôn trên lễ đài, có chiếc ô đen che nắng. Đó chính là cái ô của Cụ Nguyễn Văn Tố.

## XVI

Ngay sau khi đặt chân về Hà Nội, việc khẩn cấp trước mắt Thường vụ Trung ương theo dõi, đôn đốc các địa phương tiến hành khởi nghĩa, xây dựng bộ máy Nhà nước mới và biết bao công việc trọng đại khác như chuẩn bị đối phó với quân Đồng minh sắp kéo vào Đông Dương tước vũ khí quân Nhật đầu hàng; tăng gia sản xuất, cứu đói... Tuy nhiên, Thường vụ Trung ương vẫn đặc biệt quan tâm đến công tác tư tưởng, tuyên truyền, báo chí và giới văn hóa, văn nghệ.

Ngày 25/8, Sài Gòn – Chợ Lớn và hầu hết các tỉnh Nam bộ đang đưa quần chúng xuống đường ra mắt chính quyền cách mạng, thì tại hội quán Khai Trí Tiến Đức, Thường vụ Trung ương có cuộc họp với tất cả cán bộ tuyên truyền, báo chí, văn hóa, văn nghệ, do đồng chí Trường Chinh, lúc bấy giờ dùng bí danh là Nhân chủ trì. Cuộc họp có đồng chí Phạm Văn Đồng tham dự, đồng chí Trường Chinh giới thiệu là một nhà văn hóa. Trong cuộc họp này, ta cũng mời Louis Caput, Bí thư của Đảng xã hội (SFIO) đến dự. L.Caput đã đến chào đồng chí Trường Chinh và nói ông ta đã tỏ thành thật trong cuộc họp ở số nhà 16 phố Delorme. Sau này, ông Mười Hương vẫn giữ mối liên hệ với L.Caput khi ông ta đã vào Sài Gòn.

Vào kháng chiến ít ngày, đồng chí Trường Chinh xem báo L'Entente của Pháp thấy đưa tin Chính phủ Pháp tặng Huân chương Légion d'honneur cho ba người là Caput, Seyberlich và Orion, đồng chí Trường Chinh nói với ông Mười Hương như thế chúng tỏ họ thừa nhận nhóm xã hội cộng sản đã có liên lạc với Việt Minh trước khi cuộc cách mạng của ta nổ ra và thắng lợi.

Ngay sau cuộc họp ở Khai Trí Tiến Đức, đã có sự sắp đặt bố trí công việc cho một số cán bộ phụ trách chuyên

ngành. Các ông Đặng Thai Mai, Nguyễn Hồng, Xuân Diệu, Nam Cao, Nguyễn Đình Thi và nhiều văn nghệ sĩ khác được giao xây dựng và phát triển Hội Văn hóa cứu quốc, với Tạp chí Tiền Phong, ra hàng tháng. Hội Văn hóa cứu quốc do ông Đặng Thai Mai làm Chủ tịch, ông Nguyễn Đình Thi làm Tổng thư ký.

Các ông Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu, Lưu Văn Lợi được giao biên soạn sách đen, thu thập và xuất bản những chứng cứ tố cáo tội ác của thực dân Pháp trong 80 năm cai trị Việt Nam.

Nhà văn Nguyễn Công Hoan được cử làm Giám đốc Sở Kiểm duyệt Bắc bộ, ngồi vào cái ghế của tên trùm mật thám Cousseau trước đây. Y vốn thạo cả tiếng Việt, lại rành chữ Hán Nôm, làm Giám đốc I.P.P (Thông tin, tuyên truyền, báo chí), trụ sở ở phố Fourès, nay là phố Đinh Lễ. Một tháng sau, chức này chuyển sang cho ông Lưu Văn Lợi, còn Nhà Văn Nguyễn Công Hoan nhận chức vụ mới Giám đốc Sở Tuyên truyền Bắc bộ.

Các ông Như Phong, Tô Hoài về làm báo Cứu Quốc với ông Xuân Thủy. Ông Nguyễn Công Mỹ, em nhà văn Nguyễn Công Hoan làm Giám đốc Nha Bình dân học vụ.

Hội văn hóa cứu quốc còn được giao nhiệm vụ xuất bản một tờ báo bằng tiếng Pháp để đấu tranh với thực dân Pháp và tranh thủ dư luận tiến bộ Pháp ủng hộ nền độc lập của Việt Nam. Tờ báo này đồng chí Trường Chinh giao cho ông Lưu Văn Lợi tổ chức. Ông Lưu Văn Lợi điều ông Lê Tư Luyến, người cung cấp tin cho ông Mười Hương, Nhật sắp làm đảo chính, về lo bài vở, in ấn.

Tiếp đó, đồng chí Trường Chinh bảo ông Mười Hương làm việc với Thành ủy Hà Nội lên danh sách một số cán bộ cốt cán, kể cả cán bộ chung quanh Trung ương, khoảng trên 100 người, để đến chiều thứ Bảy, tới Tòa Thị chính

Thành phố (trụ sở Ủy ban nhân dân bây giờ), nghe ông Trường Chinh nói chuyện những vấn đề thế giới cũng như trong nước mà báo chí không thể giải thích công khai. Từ đấy thành nề nếp hai tuần một lần, dù bận thế nào đồng chí Trường Chinh cũng thu xếp đến nói chuyện.

Sau ngày 19/8, tờ Tin Mới đổi thành Dân Quốc; báo Đông Pháp, do Ngô Văn Phú làm Chủ nhiệm, sau ngày 9/3/1945, đổi là Đông Phát, nay thành Dân Thanh, có nhà in riêng, tòa soạn ở 94 phố Hàng Gai. Cả hai tờ báo này có số lượng phát hành hàng ngày khá lớn, nay đổi giọng ủng hộ Chính phủ mới và viết với giọng điệu vừa phải để đủ vừa lòng từng đối tượng người đọc. Báo Bình Minh, do Nhật tài trợ xuất bản sau ngày đảo chính của Nhật, không cần đăng ký xin phép, tòa soạn, nhà in ở số 51 phố Hàng Bông, nay tự đóng cửa. Ban Công vận Trung ương và Xứ ủy tiếp quản ngôi nhà này (sau trở thành trụ sở của Báo Lao động).

Mười ngày sau cuộc khởi nghĩa của Hà Nội thắng lợi, Báo Cứu Quốc của Tổng bộ Việt Minh do ông Xuân Thủy làm Chủ nhiệm, công khai ra mắt bạn đọc. Tòa soạn và nhà in đóng tại số 44 Lý Thái Tổ, ngay trước hồ Hoàn Kiếm (nay là trụ sở Báo Hà Nội Mới). Đó là trụ sở của bọn "Phụng sự quốc gia" thân Nhật, do Lê Quang Luật và Trần Trung Dung (Tri huyện, sau vào Nam làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cho Ngô Đình Diệm) thuộc nhóm trí thức có thể lực trong Công giáo cầm đầu. Địa điểm này trước cuộc đảo chính của Nhật, là trụ sở của tờ L'Action (Hành động) của Pháp.

Báo Cứu quốc ban đầu hai ngày ra một số, từ ngày 9/9/1945, ra hàng ngày.

Cũng ngay sau ngày họp ở Khai Trí Tiến Đức, ông Mười Hương và ông Phạm Văn Khoa được giao nhiệm vụ đi liên hệ nhận khu nhà của Era, nguyên Giám đốc Chính

trị sự vụ của Toàn quyền Đông Dương ở số nhà 58 phố Richaud (nay là Trụ sở Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam phố Quán Sứ) để làm trụ sở của Báo Cờ Giải phóng. Nhà này ở phố vắng, lại trung tâm thành phố, rất tiện cho việc giao dịch đón tiếp cán bộ khắp nơi về liên lạc với báo Đảng.

Tại phòng khách rất sang trọng của ngôi biệt thự hai tầng này, đồng chí Trường Chinh đã chủ trì cuộc họp thành lập cơ quan báo Đảng. Do ông Mười Hương đề nghị, ông Phạm Văn Khoa được chọn làm người đại diện công khai, đứng tên trong đơn xin phép ra báo, gửi lên Bộ Nội vụ với chức danh quản lý của báo. Ngày 10/9/1945, Bộ Nội vụ đã cấp giấy phép cho Báo Cờ Giải Phóng, cơ quan tuyên truyền cổ động của Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương, xuất bản vào ngày thứ Năm và Chủ Nhật hàng tuần.

Ngay sau ngày 2/9, một tờ áp phích lớn, in trên giấy khổ rộng, do họa sĩ Trần Đình Thọ có sự cộng tác của họa sĩ Nguyễn Sáng vẽ, rất đẹp được dán cùng khắp Hà Nội:

"Hãy đọc Báo Cờ Giải Phóng, cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Đông Dương, lợi khí sắc bén đấu tranh giải phóng dân tộc".

Đồng chí Trường Chinh chăm lo xây dựng báo, tăng cường thêm cho báo các ông Thôi Hữu, Sơn Tùng (Lê Hữu Kiều tức Nam Mộc từ miền Nam mới ra), Nguyễn Huy Tưởng, Thép Mới. Trong cuộc họp đầu tiên, đồng chí Trường Chinh bảo ông Mười Hương cùng dự và vui vẻ nói:

Qua kinh nghiệm làm báo của Đảng, chúng tôi rút ra một số điều nên và không nên. Trước khi cùng nhau làm việc, tôi trình bày những điểm đó để các đồng chí phát biểu ý kiến. Nếu chúng ta đồng ý với nhau được thì ta lấy đó làm cơ sở cho sự cộng tác lâu dài.

Chúng ta phải biết trau dồi văn phong cho tốt. Nghề báo chính là nghề văn, một nghề gian khổ mà cao quý. Phải có văn phong mới tuyên truyền hiệu quả chủ nghĩa

của Đảng. Nhờ có lời nói, có văn chương mới tuyên truyền được chủ nghĩa Mác Lê nin trong quần chúng.

Văn hay gồm hai tố chất: tính khoa học cao độ kết hợp với nhiệt tình tràn đầy. Nhiệt tình là ở sự chân thành của người cộng sản. Khoa học là biết phân tích, biết khái quát, theo phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lê nin.

Các anh nên đọc lại văn Hán Việt của Cụ Phan Bội Châu, có sức lôi cuốn sôi nổi, nhưng Cụ lập luận không khoa học. Nói chung tình cảm trong văn chương của nhà ái quốc rất tốt, song tư tưởng của Cụ không còn phù hợp với thời đại. Những người cộng sản nhiệt tình phải cao hơn, vì nhiệt tình của ta là nhiệt tình của quảng đại quần chúng nhân dân. Nhiệt tình cách mạng kết hợp với quan điểm và phương pháp khoa học làm cho văn ta phải cao hơn. Nhưng văn đó phải gian khổ mới rèn được. Không những phải nguyên cứu chủ nghĩa mà còn phải gặm giũ quần chúng. Phải hòa mình với anh em cùng giai cấp, thông cảm với tình cảm cách mạng lớn lao của quần chúng, làm cho tình cảm đó nhiễm vào ngòi bút của mình; tìm trong cuộc sống những đề tài sinh động, đáp ứng tình thế và ước muốn của quần chúng. Phải biết bắt mạch phong trào quần chúng, hơi thở của quần chúng, lắng nghe tiếng nói quần chúng. Không vì danh hão cá nhân, nhưng không có dũng khí cá nhân thì không có văn, không có phong cách.

Phương châm của chúng ta là phải viết cho sắc, cho gọn, thật ngắn, không viết thừa chữ, không nói dông dài. Điều quan trọng cần nhớ là viết không phải chỉ cho những người trí thức đọc, mà cho cả đông đảo quần chúng công nông hiểu được. Một số bài tôi viết, tôi đọc cho các đồng chí trong chi bộ xã nghe. Các đồng chí ấy ngồi đan rổ, đan rá, tôi mang bài đến đọc, chỗ nào đồng chí mình chưa hiểu, thì mình phải tìm cách diễn đạt lại. Quần chúng là thầy dạy. Phải căng tai ra mà nghe người góp ý...

Anh em rất hứng thú với những buổi hướng dẫn và truyền kinh nghiệm viết báo của đồng chí Trường Chinh. Đồng chí Trường Chinh còn cho mời cả ông Đặng Thai Mai, người đã nổi tiếng viết và dịch nhiều sách, đến giới thiệu các thể loại văn chương và kinh nghiệm viết cho tập thể làm Báo Cờ Giải Phóng của Đảng.

Ngày 12/9/1945, Cờ Giải Phóng ra số 16 là số đầu tiên xuất bản công khai tại Hà Nội, in măng-xét màu đỏ tươi, giấy trắng với số lượng một vạn bản.

Trên trang nhất, đồng chí Trường Chinh viết:

“Mấy năm sống và tranh đấu hoàn toàn bí mật, ngày nay Cờ Giải Phóng ra mắt các bạn đọc một cách dễ dàng hơn.

Vượt qua mọi gian lao nguy hiểm, Cờ Giải Phóng luôn luôn nêu cao tinh thần phấn đấu của giai cấp thợ thuyền Đông Dương và của các dân tộc bị áp bức Đông Dương.

Ngày nay, chính quyền đã ở trong tay nhân dân, nhưng cuộc cách mạng giải phóng dân tộc chưa hoàn thành. Nạn ngoại xâm đang uy hiếp chung ta. Nhân dân Đông Dương còn phải phấn đấu nữa. Cách mạng đang tiến bước. Cờ giải phóng vẫn phải tung bay trước gió, xua tan mọi lực lượng xâm lược.

Cờ Giải Phóng nguyện xung phong lãnh đạo đồng bào toàn quốc giữ gìn đất nước, củng cố chính quyền nhân dân”.

Khi bàn ra báo, chưa có nhà in riêng, đồng chí Trường Chinh giao cho ông Mười Hương và ông Phạm Văn Khoa đi thương lượng với nhà in Taupin của Pháp ở số 5 đường Nam Bộ (nay là một siêu thị). Chủ người Pháp đã về nước, chỉ để lại một người quản lý xí nghiệp người Pháp. Người Pháp này đồng ý in thuê cho báo cộng sản. Ông Phạm Văn Khoa thay mặt cho “Dưới bóng Cờ Giải Phóng, muôn triệu người hãy xếp hàng lại, tiến lên báo”, ký hợp đồng theo đúng thủ tục pháp lý.

Có sự giúp đỡ tích cực của ông Mười Hương, ông Phạm Văn Khoa tỏ ra có nhiều sáng kiến, rất tháo vát, quảng giao, lịch thiệp. Ông vận động nhà tư sản công giáo Mai Văn Hàm chủ báo Dân Quốc, quỳn năm tạ gạo vào lúc dân còn đang đói, nhờ số gạo đó báo đã tiếp đón chu đáo các đại biểu khắp các địa phương tìm đến Tòa soạn báo Đảng và với Trung ương Đảng. Cơ quan báo Đảng là nơi tiếp xúc với quần chúng, quần chúng tìm đến Đảng qua cơ quan báo của Đảng.

Ông Phạm Văn Khoa tập hợp khá đông số thanh thiếu niên lứa tuổi 14, 15 phần nhiều là học sinh, lúc bấy giờ anh em gọi là đội quân Gavroche, nhân vật thiếu niên trong tác phẩm của Victor Hugo viết về cuộc Cách mạng tư sản Pháp, nhận báo, rồi tủa đi phân phát báo và lấy đăng ký mua lâu dài. Báo phát hành bán hết veo, nhiều nơi, nhất là các tỉnh yêu cầu mà không có.

Ông Phạm Văn Khoa còn có sáng kiến nhân một buổi liên hoan văn nghệ chào mừng thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, ông chiêu tập một đoàn nữ sinh đẹp, áo dài, ôm Báo Cờ Giải Phóng đi bán khắp các hàng ghế... Mục đích chính là để quảng cáo báo Đảng. Số Báo Cờ Giải Phóng, sau lên tới mấy vạn bản. Nhưng, cũng không dám in nhiều vì giấy khan hiếm lắm.

Tuy nhiên, Báo Cờ Giải Phóng mới ra được hai số 16 và 17, thì quân đội Tưởng đã kéo vào Hà Nội. Nhà 58 phố Richaud, nơi Tòa soạn báo đóng, ta chưa treo biển, sĩ quan Tưởng đã đến yêu cầu dọn đi để chúng chiếm.

Tòa soạn báo phải tạm thời chuyển sang nhà số 26 phố Nhà Thờ, một cơ sở cách mạng, để làm nơi tiếp khách. Còn phòng phát hành đặt tại nhà kiến trúc sư Võ Đức Diên, trước mặt hồ Gươm (sau này có lúc là hiệu kem Long Vân), gần ga tàu điện và ngã năm các phố Hàng Đào, Hàng Gai, Cầu Gỗ, Lê Thái Tổ, Đinh Tiên Hoàng. Cứ sắp

đến giờ phát hành báo là đội quân Gavroche ngồi chờ đông nghẹt ở bùng binh ga tàu điện.

Sau đó, trụ sở Báo Cờ Giải Phóng dự định chuyển đến trường Duvilier (nay là trường Phan Chu Trinh), phố Hàng Đầy. Vì khách tìm đến Báo Đảng ngày càng đông, đồng chí Nguyễn Lương Bằng phụ trách tài chính của Đảng đã cấp cho ông Phạm Văn Khoa 2.000 đồng Đông Dương, để sửa lại phòng tiếp khách và chỗ làm việc cho trang trọng. Nhưng sửa chữa vừa xong, chưa kịp dọn đến thì quân Tàu Tưởng lại đến chiếm mất.

Đồng chí Trường Chinh triệu tập các ông Mười Hương, Phạm Văn Khoa đến làm việc, có đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Thường vụ Trung ương, đồng chí Trần Đăng Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng dự.

Đồng chí Nguyễn Lương Bằng nói:

- Thường vụ Trung ương phân công cho tôi chịu trách nhiệm về công tác tài chính. Nhưng Đảng không có tiền. Chúng ta cố gắng lắm mới ra nổi tờ báo của Đảng. Ra báo là tốn tiền lắm. Từ nay, anh Hương và anh Khoa phải tự lo, phấn đấu mà tự túc về tài chính, trang trải các khoản chi tiêu cho cơ quan báo Đảng, không được để lãng phí tiền của Đảng. Làm ăn phải biết tính toán, tiết kiệm từng xu cho cách mạng. Cố gắng đi liên hệ với các nơi để tìm trụ sở ổn định cho báo Đảng.

Phải đến số Báo Cờ Giải Phóng ra ngày 30/9/1945, mới chính thức ghi địa chỉ Tòa soạn số 44B phố Hàng Bồ. Nhà này của ông Phạm Lê Bổng, trước đây là cửa hàng bán pháo Bình Đà nổi tiếng. Ông Phạm Lê Bổng đã lui về đồn điền Nho Quan, chỉ còn bà vợ và hai con gái ở lại. Bà vợ ông Phạm Lê Bổng là em gái vợ ông Trịnh Văn Bô, lâu nay không buôn bán gì. Hai cô con gái tham gia phong trào Phụ nữ Thành Hoàng Diệu. Nhờ vậy, gia đình ông Phạm Lê Bổng nhiệt tình giúp đỡ cách mạng.



Ngay sau khi báo Đảng mới xuất bản công khai ở Hà Nội, ông Mười Hương và đồng nghiệp được đón tiếp những vị khách quý. Đó là các ông Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Sơn, Lý Ban từ Diên An, Trung Quốc trở về nước, đã đến cơ quan báo Đảng để tìm tới Trung ương. Ông Nguyễn Khánh Toàn là nhà trí thức cách mạng, đã du học trường Đại học Phương Đông của Quốc tế cộng sản ở Mátxcova, giỏi nhiều ngoại ngữ. Người cao, to, đường bệ, cử chỉ lịch sự, nói chuyện có duyên và hấp dẫn. Ông là nhà văn hóa, nhà báo có tài. Ngay sau khi được tin, Bác Hồ và đồng chí Trường Chinh đã tiếp ông Nguyễn Khánh Toàn. Bước đầu Thường vụ Trung ương phân công ông Nguyễn Khánh Toàn giúp ông Lưu Văn Lợi làm tờ báo tiếng Pháp La Respublique, sau đổi tên là Le Peuple (Nhân dân). Tiếp đó, Báo Sự Thật ra đời thì ông Nguyễn Khánh Toàn, với bút danh Hồng Lĩnh thường viết các bài bình luận thời sự quốc tế.

Ông Nguyễn Sơn, tên thật Vũ Nguyên Bác, sinh ở Hà Nội, quê làng Kiêu Ky, huyện Gia Lâm, tham gia cách mạng từ 15 tuổi, từng sang Pháp, rồi về Trung Quốc, là một trong “chín anh em họ Lý” được Bác Hồ trực tiếp giáo dục, dìu dắt, khi Bác ở Quảng Châu những năm 1924-1927. Với bí danh Hồng Thủy, ông Nguyễn Sơn tham gia cuộc khởi nghĩa ở Quảng Châu, rồi sau đó theo cuộc “Vận lý Trường Chinh”, là một nhà chỉ huy quân sự có tài, một nhà văn hóa xuất sắc.

Về nước, ông Nguyễn Sơn được Bác Hồ và Thường vụ Trung ương phân công cùng ông Hoàng Đạo Thúy làm công tác đào tạo cán bộ trường võ bị Trần Quốc Tuấn. Năm 1948, ông Nguyễn Sơn được Chính phủ phong quân hàm Thiếu tướng và phụ trách quân khu IV.

Ông Lý Ban, người Nam bộ, về nước được Trung ương phân công làm công tác vận động người Hoa.

Ngày 16/9, tại phòng phát hành báo, tạm thời nhờ Văn phòng kiến trúc sư Võ Đức Diên ở bờ Hồ, ông Mười

Hương vô cùng vui mừng gặp lại Chiến sĩ (Erwin Borchers), Ernst Frey (Nguyễn Dân), Schrodgers (Lê Đức Nhân) được ra khỏi trại tù binh do Nhật giam giữ ở Xuân Mai, tìm đến báo Đảng để bắt liên lạc với Đảng Cộng sản Đông Dương. Tất cả ôm lấy nhau. Phút gặp nhau thật vô cùng xúc động, cuộc gặp tưởng như không bao giờ có được!

Chiến sĩ nói với ông Mười Hương:

- Những người cộng sản Việt Nam thật sáng suốt, thấy trước được diễn biến của thời cuộc. Bây giờ lại nắm được chính quyền cả nước. Thật là kỳ diệu!

Ông Mười Hương đưa tất cả về cơ sở Nhà Đoàn, số 8 phố Balny (sau đổi là phố hàng Vôi, nay là phố Trần Nguyên Hãn). Tất cả ngỏ ý muốn tiếp tục phục vụ cách mạng Việt Nam.

Đồng chí Trường Chinh đã thân mật tiếp các chiến sĩ quốc tế chống phát xít trên gác kho nhà Đoàn. Đồng chí hoan nghênh tinh thần chiến đấu rất dũng cảm của ba người, đã dứt khoát đi với cách mạng Việt Nam và phân công ba người về làm báo La République (Cộng hòa) với ông Lưu Văn Lợi.

Đồng chí Trường Chinh giao nhiệm vụ cho ông Mười Hương và Lưu Văn Lợi lo đời sống sinh hoạt cho ba chiến sĩ quốc tế thật chu đáo.

Chiến sĩ nhận viết bài nhằm vận động binh lính Pháp và lê dương. Lê Đức Nhân là bình luận viên quốc tế. Còn Nguyễn Dân (Frey) chuyên bàn về các vấn đề quân sự và quân đội viễn chinh Pháp.

Ba chiến sĩ quốc tế trên đây cùng với một số nữa, như Walter Ullrich (Hồ Chí Long), Georges Wachters (Hồ Chí Thọ)... đi với cách mạng Việt Nam suốt 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, làm nhiều nhiệm vụ: Địch vận, đài phát thanh, kỹ sư quân giới, huấn luyện quân sự... có nhiều công lao đóng góp, nhất là trong Chiến dịch Điện Biên

Phủ, cho nên đã được Chính phủ ta tặng nhiều huân chương cao quý.

Ngay sau khi Cách mạng Việt Nam giành được chính quyền, thực dân Pháp đưa quân sang đánh chiếm Nam bộ và âm mưu mở rộng ra cả nước. Bác Hồ và Trung ương thấy rõ ý đồ đen tối đó, cho nên đề ra nhiều chủ trương để ứng phó. Một trong những chủ trương đó là làm công tác vận động Pháp kiều. Công tác này, ban đầu đồng chí Trường Chinh thay mặt Thường vụ Trung ương giao cho các ông Bùi Lâm, Phan Tư Nghĩa, Mười Hương, Lưu Văn Lợi và một số nữa. Bộ phận này giữ liên lạc với Louis Caput, Bí thư chi bộ xã hội (SFIO), Lemerre, công chức Bưu điện... Qua những người này, báo La République được gửi đi Nam Trung bộ và tới Sài Gòn. Có khi chúng ta còn nhờ chuyển cả bạc Đông Dương, vàng cho các đơn vị đang chiến đấu ở phía Nam.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, ta giành được chính quyền, nhưng từ tháng 9/1945, trở đi thì nhân dân Việt Nam đứng trước những trở lực vô cùng to lớn. Ở phía Nam từ vĩ tuyến 16 trở vào, quân Anh mang danh nghĩa đồng minh, kéo tới tước vũ khí quân Nhật bại trận, nhưng chúng giúp cho thực dân Pháp đánh chiếm Sài Gòn ngày 23/9/1945 rồi mở rộng cuộc xâm lược ra toàn Nam bộ và Nam Trung bộ.

Còn phía Bắc, 20 vạn quân Tưởng được phân công từ vĩ tuyến 16 trở ra, đã kéo vào chiếm đóng hầu hết các thành phố và thị trấn lớn. Mượn danh nghĩa tước vũ khí quân Nhật bại trận, chúng mưu mô biến Việt Nam thành thuộc quốc của chúng. Quân Tưởng được kéo vào Đông Dương cũng là quỷ kế của đế quốc Mỹ, vì Mỹ hy vọng sau chiến tranh Tưởng sẽ nắm bá quyền ở Trung Quốc và chúng sẽ thông qua Tưởng để nắm lấy Đông Dương, biến Đông Dương nằm trong vùng ảnh hưởng của Mỹ.

Ngoài việc cướp bóc, hạch sách quân đội Tưởng còn mang theo một lũ phản động: Việt Nam quốc dân Đảng, Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội, đại biểu chính trị của tầng lớp tư sản, địa chủ phản động, để làm tay sai, hòng thực hiện tham vọng của chúng. Mục tiêu cụ thể của bọn Mỹ - Tưởng là "Tiêu diệt Đảng ta; phá tan Việt Minh; giúp cho bọn phản động Việt Nam đánh đổ chính quyền nhân dân để lập một chính phủ tay sai cho chúng".

Quân đội Tưởng lếch thếch kéo đến đâu là bọn Việt Nam quốc dân Đảng bám gót đến đấy. Chúng công nhiên đối lập với chính quyền nhân dân ở địa phương, mưu toan lật đổ chính quyền ấy. Chúng đã lập tổ chức Việt Nam quốc dân Đảng, Việt Nam cách mạng đồng minh hội có trụ sở ở Hà Nội và các thị trấn, thị xã Bắc Ninh, Kép, Vĩnh Yên, Móng Cái, Lạng Sơn, Hồng Gai. Riêng ở Vĩnh Yên, Việt Trì, Phú Thọ, Lào Cai, Lạng Sơn, chúng đã lập ra chính quyền phản cách mạng.

Tại thủ đô Hà Nội, quân đội Tưởng trực tiếp đe dọa sự tồn tại của Chính phủ Trung ương bằng những thủ đoạn bỉ ổi. Dựa vào áp lực quân sự, chúng đòi thay đổi thành phần Chính phủ, loại các Bộ trưởng là đảng viên cộng sản ra ngoài Chính phủ, đưa bọn tay sai của chúng vào thay thế trước khi bầu cử Quốc hội; chúng buộc cách mạng phải dành cho chúng 70 ghế không hợp pháp trong Quốc hội khóa đầu tiên.

Thêm nữa, hậu quả của chiến tranh và nạn đói đã làm cho nhân dân ta xơ xác, cộng thêm nạn lụt 9 tỉnh miền Bắc. Tình thế đã khó khăn lại khó khăn thêm!

Giành được chính quyền là việc khó, nhưng giữ vững chính quyền lại càng khó khăn hơn.

Tình thế thật là nghiêm trọng "nghìn cân treo trên sợi tóc"!

Bác và Trung ương kêu gọi cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Miền Nam. Trung ương tìm mọi cách chi viện vũ khí, phương tiện vào Nam. Các đội quân Nam tiến lên đường vào trực tiếp chiến đấu cùng chiến sĩ và đồng bào miền Nam.

Ở trụ sở làm báo thường tập trung nhiều người và hay có những trao đổi tranh luận với nhau. Trong một cuộc như thế, có người nêu thắc mắc, tại sao Cách mạng Tháng Tám ta thành công như thế, chính quyền dân chủ cộng hòa tiến bộ đã ra đời, mà Liên Xô chưa công nhận, Liên Xô mà lên tiếng công nhận thì nước ta cũng thêm sức mạnh tinh thần và chỗ dựa chống lại một lũ đế quốc đến xâm lăng.

Ông Mười Hương nêu thắc mắc đó của anh em với đồng chí Trường Chinh lúc đó lại có Bác Hồ đang ở đấy. Bác nói:

- Liên Xô chưa thể công nhận ta trong lúc này, vì còn quá sớm. Chúng ta phải chứng minh ta đủ sức giữ nền độc lập của ta đã. Công nhận ta mà ta thua thì rồi rắc rối về ngoại giao lắm. Nhưng trong lòng các đồng chí Liên Xô ủng hộ ta đấy. Chúng ta chiến đấu cho chính nghĩa, vì chính nghĩa, càng ngày càng được nhiều nước ủng hộ, không lo.

Nghe những lời giải thích của Bác, ông Mười Hương thấy sáng ra và sau đó, ông nói lại với anh em.

Giữa tháng 9, trên Báo Cờ Giải Phóng số 17, trước ngày quân Pháp nổ súng chiếm Sài Gòn, đồng chí Trường Chinh đã viết bài xã luận vạch trần âm mưu của đế quốc Anh và Pháp, tố thái độ kiên quyết chống lại bọn xâm lược:

“Phái bộ Anh trong Nam đã vi phạm chủ quyền của nhân dân ta. Họ đã dùng vũ lực chiếm phủ Nam bộ và dung túng cho một số Pháp kiều khiêu khích đồng bào ta.. Một lần nữa, nhân dân ta biểu lộ tinh thần đoàn kết anh dũng, yêu chuộng hòa bình tự do, độc lập. Một lần nữa, nhân dân ta quyết không để cho bọn thực dân Pháp trở

lại.. Nếu một nước nào dùng vũ lực áp bức chúng ta thì chúng ta chỉ có một cách: *Đoàn kết và quyết đánh!*”.

Ngay tại Sài Gòn, đồng chí Hoàng Quốc Việt, Thường vụ Trung ương đang có mặt tại đó, nhân danh Tổng bộ Việt Minh, ngày 9/9/1945, tức là trước ngày Pháp nổ súng chiếm Sài Gòn 14 ngày đã ra lời kêu gọi, sau đó đều đăng trên các báo công khai xuất bản tại Sài Gòn, nội dung như sau:

*“Lời kêu gọi của Việt Minh.*

Cùng toàn thể nhiệt tình yêu nước, các giới sĩ, nông, công, thương, binh.

Trong hạ tuần tháng trước, chúng ta đã đem lại chính quyền cho dân tộc một cách rất hòa bình và nhanh chóng. Nhưng bây giờ, chúng ta sắp phải đem xương máu ra để giữ vững nền độc lập của Tổ quốc. Bởi thực dân Pháp muốn xâm phạm nó.

Giặc Pháp đã động binh ở đôi tỉnh bên Lào và định vượt dãy núi Trường Sơn để đè ép ta một lần nữa. Song chúng đã bị đội quân giải phóng từ miền Bắc tiến về đánh chặn (chặn).

Những vụ định đổ bộ của quân Pháp ở vài tỉnh miền duyên hải đã bị đánh lui. Đứng trước cái nguy cơ chung ấy, các đoàn thể trung thành cứu quốc, các nhân sĩ hữu tâm với giống nòi, ắt nên đình hết mọi sự xung đột chính khiến bất cứ ở trên hội trường hay trên báo chí. Hãy đình hết những mưu mô khôn khéo muốn giành quyền đoạt lợi cho giai cấp đảng mình. Cũng như các vị chiến sĩ dù đã từng vào sinh ra tử quyết không nên nhắc đến công lao để khỏi chạnh lòng các thân sĩ muốn ra giúp nước lúc này.

Còn những người trước đây đi vào con đường lầm lạc, ít nhiều đã giúp vào công việc đô hộ của ngoại quốc thiết tưởng phải biết mình mà ngời yên là hơn hết. Dưới sự

khoan dung của đồng bào, của chính quyền công minh, những người có lỗi ấy chớ tưởng mình còn trong (...) thì quân thù mới không tìm ra cơ hội đánh vào... sườn ta được... được một khối lực lượng như vậy mới bảo vệ được quốc gia trong cơn phong ba sắp tới.

Hỡi các đoàn thể nhiệt tâm với dân tộc!

Nhận nhiệm vụ của đoàn thể giao cho, chúng tôi tới đây cộng tác với các bạn, nhưng trước hết chúng tôi mong các bạn hãy dẹp ngay bầu không khí quá... nghiệt và gay gắt của đảng phái ở Nam bộ để chúng ta tuần tự thực hiện cuộc thống nhất của Mặt trận dân tộc toàn quốc.

Chúng tôi xin thành thật nói rằng những đoàn thể trong hay ngoài Việt Minh không nên phân biệt nhau, sự nóng nảy chỉ đưa ta đến chỗ chia rẽ thêm. Chỉ bàn bạc trên báo cũng chưa đủ, hãy tìm nhau bình tĩnh cùng nhau đàm đạo, ta mới hiểu nhau, nhận thức nhau.

Hễ khi nào chúng ta đồng ý đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi đảng cấp và cá nhân thì lúc ấy chúng ta sẽ bắt tay nhau chiến đấu. Được vậy, chúng ta mới cùng nhau tiến trên con đường sống được.

Hỡi anh chị em đồng bào thân tín!

Giữa lúc quốc gia đa sự lúc mà quân thù đã ném và sẽ ném tiền mà mua chuộc những phần tử vô lương để dùng đủ thủ đoạn, tìm cơ hội quấy rối ta. Ta bối rối thì quân thù vui sướng. Hàng ngày, mắt ta đã thấy cử chỉ của chúng. Chúng đang sửa soạn súng đạn để một lần nữa giầy xéo nước ta, tiêu diệt nòi giống ta. Muốn tránh những nỗi lầm than và cay đắng của bảy tám mươi năm qua, chúng ta hãy một mặt lột mặt nạ bọn khiêu khích, bọn phản quốc để cho chúng phải im miệng; một mặt nữa phải thi hành triệt để huấn lệnh của Chánh phủ lâm thời:

Cấm dân Việt Nam không đăng lính.

Cấm bán lương thực và dẫn đường liên lạc.

Cấm làm tay sai cho quân Pháp.

Đồng thời xin gia nhập Việt Minh thật đông dặng gây một lực lượng quốc gia mạnh mẽ ủng hộ chánh phủ lâm thời toàn quốc, chánh phủ cách mạng địa phương. Được như vậy, ta mới đánh tan được sự quấy rối ở trong, sự xâm lược từ ngoài.

Hỡi quốc dân!

Kế tục tinh thần quả cảm của những cha anh chúng ta đã vì nước quên mình, chúng ta ngày nay, đứng trước sự cần kíp phải bảo vệ quốc gia, ta phải tranh đấu cho nước ta hoàn toàn độc lập, mỗi một người dân Việt Nam dù trai hay gái phải tự nguyện đem thân cống hiến cho quốc gia. Được như vậy, chúng ta mới xứng đáng là con khôn của dân tộc, là công dân đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Toàn dân đoàn kết muôn năm!

Đánh tan chánh sách thực dân Pháp!

Việt Nam hoàn toàn độc lập!

Ngày 9/9/1945

Đại biểu Tổng bộ Việt Minh

Hoàng Quốc Việt – Cao Hồng Lãnh”

Trong Lời kêu gọi này có đoạn nói “Giặc Pháp đã động binh ở đôi tỉnh bên Lào và định vượt dãy núi Trường Sơn...”. Lúc đó, Trung ương Đảng và Chính phủ đã giao cho một số cán bộ cốt cán như các đồng chí Song Hào, Bùi Quang Tạo, Bí thư khu 10 tổ chức lực lượng Tây tiến làm hai nhiệm vụ: Đánh chặn quân Pháp xâm nhập và tổ chức giúp cách mạng Lào.

Ngày 23/9/1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, thì cũng ngay ngày hôm đó trên Báo Cờ Giải Phóng số 20, tỏ rõ quyết tâm đánh đuổi giặc Pháp:

“Thực dân Pháp, nhờ thế lực phái bộ Anh đã đánh úp ta ở Nam bộ. Chúng đã chiếm Sài Gòn. Chúng dở ngay những thủ đoạn khủng bố dân ta, đàn áp những người yêu nước. Rồi đây chúng còn hoành hành nữa nếu chúng ta không kịp đập tan lực lượng của chúng đi. Đây cũng là lúc chúng ta nhắc lại lời thề mà chúng ta đã đồng thanh phát biểu trong ngày Độc lập... Chúng ta trên dưới một lòng, hai mươi lăm triệu người như một, quyết tâm đánh đuổi giặc Pháp”.

Trong tình thế miền Nam như thế, tại Hà Nội bọn chỉ huy Tàu Tưởng như Lư Hán, Tiêu Văn, Vương Chí Ngũ, Chu Phúc Thành... thường xuyên ép buộc Chính phủ ta. Chúng dung túng cho bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách bắc loa ở 80 phố Quan Thánh suốt ngày chửi Việt Minh và công kích Bác Hồ; chiếm khu Ngũ Xã, trường Nguyễn Trãi và nhiều biệt thự làm trụ sở. Đồng thời tổ chức những vụ bắt cóc, tống tiền làm rối loạn thành phố. Chúng đã bắt cóc và thủ tiêu ông Trần Đình Long, sau khi thoát khỏi nhà tù Sơn La, đang tham gia Ủy ban hành chính Bắc bộ, phụ trách công tác đối ngoại.

Báo L'Entente của kiều dân tư sản Pháp, do Sainteny và Léon Pignon chỉ đạo, tái bản, nhằm khiêu khích ta và lôi kéo tay sai.

Gay gắt nhất là bọn sĩ quan Tàu Tưởng. Một lần, viên sĩ quan của Lư Hán đến đòi gặp Bác Hồ và đi xộc ngay vào phòng Bác đang làm việc. Hôm đó, ông Mười Hương lái xe đưa đồng chí Trường Chinh đến làm việc với Bác và đang ngồi chờ ở phòng ngoài. Thấy viên sĩ quan sừng sộ và định đi thẳng vào phòng Bác Hồ đang làm việc, ông Mười Hương ngăn lại và nói phải đợi người vào trình Chủ tịch đã. Y cứ đòi vào. Ông Kháng (Lý) nhắc ông Mười Hương cứ để hấn vào, ta chỉ để phòng diễn biến xấu thôi.

Chiều hôm đó, đồng chí Trường Chinh gặp ông Mười Hương nói:

- Hôm nay, Bác phê bình cậu nóng đấy. Nóng nấy thì dễ bị khiêu khích, hỏng việc. Bác hỏi cậu có biết chuyện Việt Vương Câu Tiễn không? Xưa kia, để chờ đợi, Câu Tiễn phải nuốt phân, nhưng là phân vật chất, chỉ nuốt qua cổ là trôi ngay, còn bây giờ là phân tinh thần, nuốt vào không được, khạc không ra.

Ông Mười Hương nhận khuyết điểm. Và đối với ông, đó là bài học nhớ đời.

Ngay sau ngày lễ 2/9, Bác Hồ chủ trì cuộc họp Chính phủ đề ra những công việc cấp bách, trong đó “Chống giặc ngoại xâm, chống giặc đói, chống giặc dốt”, được nhân dân cả nước hưởng ứng.

Bác nói: “Có thể dân còn đói, nhưng không được để có người chết đói”. Bác và Thường vụ Trung ương đề ra lập hũ gạo cứu đói, hàng tuần cán bộ nhịn ăn một bữa dành gạo giúp đỡ đồng bào. Bác làm gương, mỗi bữa bốc một nắm gạo bỏ vào hũ gạo cứu đói. Đồng chí Trường Chinh nói với Văn phòng Tổng Bí thư “Chúng ta cần nghiêm túc thực hiện, một nắm gạo tuy nhỏ, nhưng việc này có ý nghĩa lớn”.

Về tài chính, Tàu Tưởng ép ta phải tiêu tiền Quan Kim mất giá của chúng. Thường vụ Trung ương chủ trương Chính phủ ta làm việc với Lư Hán, Tiêu Văn, nói rõ quân Trung Quốc thay mặt đồng minh vào Đông Dương tước vũ khí quân Nhật bại trận, cần giữ kỷ luật, an ninh có như vậy thì chính quyền các địa phương mới có thể cung cấp gạo, lương thực cho quân đội Trung Quốc. Việc tiêu tiền Quan Kim không thể được, vì việc in tiền, phát hành tiền do Ngân hàng Đông Dương. Nhật hiện nay vẫn chiếm giữ Ngân hàng, Chính phủ Việt Nam không thể ra lệnh cho họ.

Nhưng, một vấn đề đặt ra là ta không thể để tình trạng này kéo dài, mà phải có tiền riêng của ta. Khi bàn đến vấn đề này, có ý kiến cho rằng việc in tiền phải theo thông lệ quốc tế, phải có vàng, bạc bảo đảm.

Thường vụ Trung ương chủ trương: Tiền của ta in và phát hành để chi tiêu trong nước, nhân dân ta ủng hộ, tán thành việc lưu hành tiêu dùng là được. Không có vàng, nhưng có dân tin nhiệm, bảo đảm là có thể in, phát hành tiền. Sau đó, ta phát hành tiền Cự Hồ.

Để in tiền cần phải có máy in hiện đại, phải đi mua, nhưng ta lại chưa có tiền nước ngoài (ngoại tệ). Bác và Thường vụ Trung ương đề ra “Tuần lễ vàng” và “Quỹ độc lập”, được nhân dân cả nước từ Bắc chí Nam nhiệt liệt hưởng ứng. Số vàng của nhân dân đóng góp, Bác chỉ thị cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng:

- Vàng, bạc nhân dân ủng hộ, chú phải hết sức tiết kiệm, sử dụng cho đúng. Chú báo cáo với Thường vụ Trung ương chia làm ba phần, một phần cho người mang ra nước ngoài mua một số máy vô tuyến điện phân cho các khu để bảo đảm liên lạc giữa Trung ương và các khu và chuẩn bị kháng chiến; một phần mua phụ tùng máy móc tốt cho Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam làm nhiệm vụ giới thiệu nước ta với thế giới. Còn lại một phần đúc thành thỏi gửi cho Nam bộ kháng chiến.

Theo sự chỉ đạo của Thường vụ Trung ương, đồng chí Nguyễn Lương Bằng giao cho ông Nguyễn Văn Cánh, Trưởng phòng Nam bộ (sau này là Trưởng ban tiếp tế ATK), bà Hai Sóc, Phó Trưởng phòng, ông Khuất Duy Tiến và một số thiếu niên, trong đó có anh Ba Nhỏ (Nguyễn Hồng Minh, con ông Cánh) đang công tác tại Tòa soạn Báo Sự Thật, đem về tiệm vàng Kim Nguyên phố Gạch (quê ông Khuất Duy Tri), đúc thành thỏi. Sau đó, ông Nguyễn Văn Cánh và bà Hai Sóc đóng số vàng đó thành từng kiện nhỏ,

qua nhóm tình báo Khu 5 Trung bộ, cụ thể qua ông Nha Sĩ Cư (nay vẫn còn sống ở Nha Trang, Khánh Hòa), chuyển cho Ủy ban kháng chiến Nam bộ, lúc đó đang đóng ở Khánh Hòa, có sự giúp đỡ của một người Pháp tên là Hervé, đang giữ chức Giám đốc Bưu điện Nam Đông Dương.

Nắm được chủ trương thâm độc “diệt cộng” của Tàu Tưởng, trước tình thế vận mệnh quốc gia “nghìn cân trên sợi tóc”, ngày 5/11/1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố “tự giải tán”, thực chất là rút vào bí mật. Lúc Bác và Thường vụ Trung ương bàn việc giải tán Đảng, có ý kiến nói nếu giải tán Đảng cần đưa ra Đại hội Đảng hoặc Ban Chấp hành Trung ương.

Bác hỏi: “Nếu giải tán Đảng thì có ảnh hưởng gì đến việc chuẩn bị và tiến hành kháng chiến không?”

Đồng chí Nguyễn Lương Bằng nói:

- Đảng ta lãnh đạo cách mạng, nhưng không phải ai cũng biết. Toàn dân hiện chỉ biết và tuân theo Chính phủ do Hồ Chủ tịch lãnh đạo. Còn Hồ Chủ tịch, còn Chính phủ là nhân dân tin tưởng quyết tâm kháng chiến.

Bác nói: “Tình hình lúc này là cấp bách không có thời gian triệu tập Đại hội và Ban Chấp hành Trung ương. Chúng ta phải chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, đến khi có Đại hội Đảng sẽ báo cáo.

Ngay lúc Đảng tuyên bố giải tán, Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác ra đời. Báo Cờ Giải Phóng của Đảng cũng tự đình bản.

Trên báo số 33 ra ngày 18/11/1945, đồng chí Trường Chinh viết trong bài *Mấy lời từ biệt*:

“Đảng Cộng sản Đông Dương đã tự ý giải tán. Cờ Giải Phóng, cơ quan của Đảng từ biệt bạn đọc từ nay. Luôn bốn năm tranh đấu bí mật trong những điều kiện hết sức gian nan, *Cờ Giải Phóng* mới ra ánh sáng được hai tháng. Trong

thời gian ngắn ngủi ấy, *Cờ Giải Phóng* đã làm được những gì? Nó vừa kiến thiết vừa phá hoại, vừa đề nghị vừa chỉ trích. Ráng hết sức thống nhất Mặt trận dân tộc chống Pháp xâm lược, nó bồi bổ sức tin của đồng bào đối với sự nghiệp cứu nước và kêu gọi chí căm hờn của toàn dân đối với bọn Pháp xâm lăng. Nó kiên quyết tẩy trừ những tàn tích xấu xa của chế độ cũ, đặng gom góp một phần vào việc xây dựng chính quyền mới. Riêng về Đảng, nó vừa tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, vừa xúc tiến công việc phát triển hàng ngũ cách mạng của giai cấp vô sản - giai cấp tiên phong.

Ngày nay, vì mục đích tối cao của Tổ quốc, *Cờ Giải Phóng* phải xa các bạn. Nhưng con đường giải phóng dân tộc đã vạch rõ. Các bạn hãy dũng cảm tiến lên!"

Thực hiện chủ trương của Thường vụ Trung ương, ngay sau khi *Cờ Giải Phóng* đình bản, đồng chí Trường Chinh đã giao cho ông Mười Hương và một số nữa chuẩn bị ra *Báo Sự Thật*. Ông Lê Hữu Kiều được đứng tên làm đơn xin phép ra báo. Ngày 3/12/1945, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký quyết định cho phép *Báo Sự Thật*, cơ quan tuyên truyền của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương xuất bản.

Đồng chí Trường Chinh vẫn trực tiếp chỉ đạo *Báo Sự Thật*. Do công việc nhiều, đồng chí định điều đồng chí Trần Đình Long, một đồng chí cộng sản đã được đào tạo từ Liên Xô về, người đã cùng đồng chí làm báo hồi Mặt trận Dân chủ, về trực thay mình; nhưng chưa kịp, thì đồng chí Trần Đình Long lại bị bọn phản động bắt cóc và thủ tiêu. Đồng chí Nguyễn Công Miêu (em nhà văn Nguyễn Công Hoan), khi bị thực dân Pháp kết án tử hình năm 1933 lấy tên theo thẻ thân mua được là Phạm Văn Khương, sau khi thoát khỏi nhà tù Côn Đảo, làm Xứ ủy viên Nam bộ, vừa từ trong Nam ra, được Thường vụ Trung ương phân

công trực làm *Báo Sự Thật*, từ đây đồng chí lấy tên là Lê Văn Lương.

Số 1 *Báo Sự Thật* xuất bản ngày 5/1/1946, một ngày trước khi tiến hành bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ động hòa, kêu gọi cử tri cả nước "*Tất cả hãy đến những thùng phiếu!*"

Sau khi đi họp Tân Trào về, ông Hoàng Đạo Thúy phụ trách tổ chức Hướng đạo toàn Đông Dương, điện cho ông Tạ Quang Bửu phụ trách tổ chức Hướng đạo Trung bộ ra Hà Nội. Ông Tạ Quang Bửu là nhà khoa học lớn, đã du học ở Pháp, ở Anh, giỏi tiếng nước ngoài. Tuy ông Tạ Quang Bửu có tham gia Chính phủ Trần Trọng Kim, nhưng Bác Hồ vẫn lấy ông về làm Văn phòng của Bác, chuyên về công tác đối ngoại.

Trước ngày 2/9, với danh nghĩa đại diện cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp, ông Tạ Quang Bửu được giao tiếp xúc với A. Patti (Archimedes L.A.Patti), đại tá phụ trách bộ phận tình báo Mỹ ở Đông Dương. Sau đó, ông Tạ Quang Bửu được giao nhiệm vụ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Ông Tạ Quang Bửu ra Hà Nội cho gọi người em là Tạ Quang Đệ tức Đạm, đã tốt nghiệp trường Đại học Luật và hoạt động trong phong trào Hướng đạo, ở Thanh Hóa ra. Ngày 25/8/1945, ông Mười Hương đã đón tiếp ông Tạ Quang Đạm ở kho nhà Đoan. Ông Tạ Quang Đạm được giao nhiệm vụ cùng với ông Hoàng Đạo Thúy giúp công tác xây dựng Cục Thông tin của Bộ Quốc phòng. Một thời gian sau, ông Tạ Quang Đạm được cử làm sĩ quan liên lạc Việt - Pháp. Ông Mười Hương đã giới thiệu ông Tạ Quang Đạm với đồng chí Trường Chinh.

Tháng 10/1945, đồng chí Trường Chinh giao nhiệm vụ cho ông Mười Hương giúp đồng chí lập ra Tổ nghiên cứu thuộc Văn phòng Tổng Bí thư. Đồng chí Trường Chinh đã mời ông Nhuận Chi, một nhà cách mạng lão thành, giỏi

chữ Hán, về làm việc trong tổ này. Ngoài ra, Tổ còn có các ông Tạ Quang Đạm, Diệu Bình. Gần kháng chiến chống thực dân Pháp ông Tạ Quang Đạm lại cùng làm việc với ông Mười Hương trong ban G.L.A (Giao thông, Liên lạc, An toàn khu). Qua quá trình làm việc, biết rõ ông Tạ Quang Đạm, ông Mười Hương giới thiệu ông Tạ Quang Đạm vào Đảng cộng sản Đông Dương. Tháng 5/1947, đồng chí Trường Chinh điều ông Tạ Quang Đạm về làm Báo Sự Thật. Báo do đồng chí Hoàng Tùng làm chủ nhiệm, ông Tạ Quang Đạm Phó Chủ nhiệm. Từ đây bạn đọc thường thấy có bài viết về thời sự cũng như nghiên cứu trên Báo Sự Thật, dưới ký tên Quang Đạm.

Ngày 6/1/1946, cả nước tiến hành Tổng tuyển cử, kể cả trong vùng đang kháng chiến chống thực dân Pháp, bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cuộc bầu cử trong hoàn cảnh khó khăn như thế đã được toàn dân hưởng ứng nhiệt liệt, thành công thật tốt đẹp.

Đầu năm 1946, Quốc hội khóa 1 mở phiên họp đầu tiên, công nhận Chính phủ do Hồ Chủ tịch lãnh đạo. Ngay sau khi vừa ra đời, Chính phủ đã thành lập Ban dự thảo Hiến pháp được thông qua trong kỳ họp thứ hai (ngày 9/11/1946). Thế là từ đây, nhân dân Việt Nam đã có đầy đủ: Quốc hội, Chính phủ, Hiến pháp, một Hiến pháp tiến bộ nhất thời bấy giờ ở Đông Nam Á và cũng là loại Hiến pháp dân chủ tiến bộ trên thế giới.

Tuy nhiên, ngay lập tức, Lư Hán, Tiêu Văn đến ép Chính phủ ta phải để cho Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch nước cùng 70 ghế trong Quốc hội cho bọn Việt Cách, Việt Quốc, không cần qua bầu cử. Chúng còn đòi phải cho Nguyễn Tường Tam làm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Vũ Hồng Khanh làm Phó Chủ tịch Quân ủy Hội, Chu Bá Phượng làm Bộ trưởng Bộ Kinh tế. Còn hai bộ Nội vụ và Quốc phòng, chúng đòi phải để cho người không đảng phái nắm giữ.

Thay mặt Thường vụ Trung ương, đồng chí Trường Chinh báo cáo với Bác:

Trong Chính phủ ta đã mời được một số vị trước làm quan trong Triều đình Huế, có người tham gia Chính phủ Trần Trọng Kim, nhiều trí thức tân học tiến bộ, nhưng chưa có vị nào là bậc khoa bảng cao thời Nho học. Đề nghị Bác cho mời cụ Huỳnh Thúc Kháng ra làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Bác đồng ý và nói để trao đổi với Nguyễn Hải Thần. Nguyễn Hải Thần cũng tán thành. Sau đó, đồng chí Trường Chinh giao cho ông Mười Hương điện cho đại diện Chính phủ ở miền Trung với nội dung yêu cầu chuyển lời của Hồ Chủ tịch và Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần mời cụ Huỳnh ra làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Thực hiện ý của Trung ương, đồng chí Võ Nguyên Giáp trước kia có lúc làm Báo Tiếng Dân với cụ Huỳnh cũng gửi điện thiết tha mời cụ Huỳnh ra Hà Nội làm việc.

Đồng chí Nguyễn Duy Trinh điện ra nói là đã chuyển điện tới cụ Huỳnh, nhưng trong này bọn Việt Nam quốc dân Đảng dùng uy tín của Nguyễn Hải Thần, đang ra sức lôi kéo cụ.

Lúc bấy giờ trong cán bộ ta cũng có ý kiến cho rằng cụ Huỳnh hay tự hào quê cụ có "Tứ hùng danh kiệt, Ngũ phụng tề phi", cụ tỏ thái độ không ưng đàn bà con gái cắt tóc ngắn, mặc quần xà lỏn đi biểu tình khi phong trào quần chúng nổi lên.

Nhận được điện, ông Mười Hương báo cáo với đồng chí Trường Chinh và hỏi như thế này có báo cáo với Bác không. Đồng chí Trường Chinh đáp ngay:

- Phải báo cáo với Bác chứ, các anh trong ấy báo cáo sự thật đấy.



Sau đó, đồng chí Trường Chinh sang trình với Bác bức điện của đồng chí Nguyễn Duy Trinh từ miền Trung gửi ra. Bác nói:

- Đảng ta là Đảng yêu nước, chú có tin cụ Huỳnh là người yêu nước không. Tại sao Đảng ta yêu nước, có đường lối đúng mà lại không thuyết phục được cụ. Chú cứ điện gấp nói rằng tôi và Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần mời cụ ra Hà Nội.

Cụ Huỳnh ra và ở lại nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Ông Cao Pha (Nguyễn Thế Lương, sau này là Thiếu tướng quân đội trước khi về hưu), đồng hương của cụ Huỳnh, được gặn cụ kể lại:

- Trước khi ra Hà Nội cụ nói "Ta già rồi. Nghe tiếng Nguyễn Ái Quốc đã lâu, nhưng chưa được gặp. Ta ra Hà Nội xem thế nào, chứ ta không nhận làm gì đâu. Bây giờ ta hết thời rồi".

Khi cụ ra và nhận nhiệm vụ rồi, ông Cao Pha hỏi cụ "Cụ bảo chỉ ra thăm cụ Hồ, sao cụ lại nhận việc".

Cụ trả lời: "Ta ra Hà Nội gặp cụ Hồ, rồi sang thăm cụ Nguyễn Hải Thần, thấy cụ Nguyễn vừa có "ả phù dung" lại có cả "mỹ nữ" phù trợ. Làm cách mạng thế cũng sướng thật, hi!

Còn khi gặp cụ Hồ, cụ nói đến đá cũng phải mềm. Ta nhận nhiệm vụ cũng là vì lợi ích quốc dân.

## XVII

Sau khi quân Anh giúp cho quân Pháp xâm lược Nam bộ, tháng 2/1946 làm xong nhiệm vụ tước vũ khí quân Nhật, quân Anh rút khỏi Đông Dương. Quân đội Nhật cũng đã

hồi hương. Pháp đã chiếm đóng hầu hết đô thị Nam bộ và cực Nam Trung bộ.

Quân Tưởng còn ở miền Bắc, nhưng tại Trung Quốc Tưởng Giới Thạch phải đối phó với Hồng quân Trung Hoa đang đánh cho chúng những đòn chí tử ở phía Bắc, buộc Tưởng Giới Thạch cho Hà Ứng Khâm sang Hà Nội, điều Lư Hán và 20 vạn quân (gồm 2 quân đoàn 50 và 62) về nước đưa lên phía Bắc chống lại Hồng quân.

Pháp biết tình hình ấy, đã mặc cả với Tưởng, ký *Hiệp ước Trùng Khánh* (tháng 2/1946) nhường lại cho Tưởng những đặc quyền mà Pháp đã chiếm của Trung Quốc từ thời Mãn Thanh (như các tô giới, đất Quảng Châu Văn, kể cả quãng đường sắt từ Lào Cai đi Côn Minh, Vân Nam của Công ty tư nhân Pháp..) đổi lại Trung Quốc cho quân Pháp được đưa quân vào đóng ở miền Bắc Việt Nam thay thế cho quân đội Tưởng.

Bác Hồ và Trung ương Đảng thấy rõ âm mưu đen tối và thâm độc của thực dân Pháp và quân Tưởng. Để tránh tình trạng cùng một lúc phải chống đối với hai kẻ thù nước ngoài như người xưa thường nói "lưỡng đầu thọ địch", ta đồng ý ký với Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946, trong đó Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp. Nước Việt Nam có Chính phủ, Nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Việc thống nhất đất nước sẽ được quyết định bằng một cuộc trưng cầu dân ý. Việt Nam đồng ý để 15.000 quân Pháp vào thay quân Tưởng và sẽ rút dần trong 5 năm, mỗi năm 1/5. Hai bên ngừng bắn và sẽ mở đàm phán tại một trong ba nơi: Hà Nội, Sài Gòn hoặc Paris.

Ta không tin vào sự thành thật của bọn cực đoan hiếu chiến thực dân Pháp, nhưng lúc đó cần phải có sách lược mềm dẻo, sáng suốt, nhằm gạt quân Tưởng về nước và ta

tranh thủ thời gian khẩn trương chuẩn bị cuộc kháng chiến với chúng.

Một buổi chiều, sau khi họp với các đồng chí lãnh đạo Trung ương để bàn việc ban hành chỉ thị “*Hòa để tiến*” trở về, đồng chí Trường Chinh hỏi ông Mười Hương: Anh có biết anh Lê Duẩn không?

Ông Mười Hương đáp:

- Anh Lê Duẩn mới ở Nam ra, tôi chưa biết gì về anh ấy. Hiện anh Ba đang ở bên nhà khách Chính phủ, anh cần gì tôi sang mời anh ấy.

Đồng chí Trường Chinh nói:

- Vừa rồi trao đổi về bản thảo Chỉ thị *Hòa để tiến*, anh Lê Duẩn có ý kiến việc ký Hiệp định sơ bộ với Pháp là cần thiết, nhưng thế nào rồi chúng cũng đánh ta thôi. Tôi thấy ý kiến ấy đúng, anh chuẩn bị pha cà phê cho tôi, đêm nay tôi phải viết cho xong bản chỉ thị để sáng mai báo cáo với Bác và ban hành kịp thời vào ngày 9/3/1946.

Sau khi ta ký Hiệp định sơ bộ, bọn phản động tung ra luận điệu: Để cho quân Pháp ra Bắc là đầu hàng; Việt Minh, Hồ Chí Minh bán nước cho Pháp... và ra sức chống phá. Trung ương chủ trương làm một cuộc mít tinh lớn ở quảng trường Nhà hát lớn để giải thích cho quần chúng.

Khi xe ô tô của đồng chí Võ Nguyên Giáp vừa tới chỗ mít tinh, bọn phản động ném một quả lựu đạn, nhưng may lựu đạn không nổ. Đồng chí Trần Huy Liệu, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền lên giải thích, lại nói rằng “Tôi vừa ở Hải Phòng về, qua cầu Long Biên thấy có treo cờ tam tài của Pháp, trông thật chướng mắt”.

Đồng chí Võ Nguyên Giáp lên nói chuyện, đồng bào chưa thông. Đến lượt Cụ Huỳnh ra, Cụ nói “Tôi vừa ra nhận việc mấy ngày trước đây, Chính phủ ta là Chính phủ kháng chiến. Nay là Chính phủ “đình chiến”.

Bên dưới có tiếng xì xào. Bác Hồ bước ra nói:

- Nếu chúng ta đánh thì 5, 10 năm nữa mới giành được độc lập, mà qua Hiệp định 5 năm nữa, ta tổ chức trưng cầu dân ý cũng giành được độc lập, bà con thấy thế nào?

- Nhiều tiếng hô đáp lại “đồng ý”. Bác định quay vào, bỗng bật lên tiếng nói to “đánh!”.

Thế là Bác đứng lại nói: “Hồ Chí Minh thà chết chứ không bao giờ bán nước!”.

Bác Hồ và Trung ương hết sức mềm mỏng, nhẫn nại, nhân nhượng với Pháp, nhưng biết trước khó mà tránh khỏi chiến tranh với bọn hiếu chiến Pháp, rất thèm muốn quyền lợi ở Đông Dương, quyền lợi mà chúng đã hưởng 100 năm rồi.

Đồng chí Trường Chinh bảo ông Mười Hương điện mời đồng chí Hoàng Quốc Việt đang ở miền Nam, ra họp.

Cuộc họp của Thường vụ Trung ương có Bác tham dự, giải quyết mấy vấn đề lớn.

1. Đề phòng khả năng thực dân Pháp mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra cả nước, ta cần chia Khu. Khu là đơn vị chỉ huy kháng chiến cấp dưới của Chính phủ Trung ương. Cả nước chia thành 13 khu, khu thứ 13 mang danh hiệu khu 14, tức là không có danh hiệu Khu 13.

Ở Nam bộ đang kháng chiến chống thực dân Pháp chia làm 3 Khu: 7, 8 và 9. Mỗi Khu đều được trang bị vũ tuyến điện; đường giao thông từ Trung ương tới các khu, tỉnh và cho tới làng, xã phải bảo đảm thông suốt, nhanh chóng, an toàn, bí mật.

2. Riêng đối với Nam bộ, cần sắp xếp cơ quan lãnh đạo Xứ ủy, làm thế nào nội bộ Xứ ủy thống nhất, Xứ ủy có thống nhất thì mới bảo đảm công tác lãnh đạo kháng chiến ở Nam bộ có kết quả. Đảng bộ Nam bộ cần được củng cố từ trên xuống đến tận chi bộ.

Ngay sau đó, Trung ương tăng cường cho Nam bộ mấy cán bộ quân sự giỏi như các đồng chí Nguyễn Bình đã qua học trường quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc), người thành lập và chỉ huy Đệ tứ Chiến khu (Chiến khu Đông Chiêu, mang danh Trần Hưng Đạo); Hoàng Đình Giông, Ủy viên Trung ương bầu trong Đại hội lần thứ nhất của Đảng năm 1935; Nguyễn Sơn, mới từ Trung Quốc về. Đồng chí Nguyễn Sơn phụ trách Trung bộ. Lúc đó, ngoài Bắc cũng đang thiếu cán bộ lãnh đạo quân sự, nhưng do cần thiết Trung ương vẫn phải cử đi tăng cường cho miền Nam. Quyết định bổ nhiệm các đồng chí do Bác Hồ với danh nghĩa Chủ tịch nước, trực tiếp ký. Trước khi các đồng chí ra đi, Bác Hồ đã gặp, dặn dò rất thân tình và chu đáo.

Sau khi quân Pháp đặt chân được lên miền Bắc rồi, chúng liền ra sức xây dựng mạng lưới phản động, lên kế hoạch từng bước chống ta và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược.

Tuy nhiên, chúng vẫn phải mở cuộc họp hai bên ở Đà Lạt; mời phái đoàn Chính phủ ta sang họp ở Fontainebleau và mời Bác Hồ là Thượng khách sang thăm nước Pháp.

Như thế là, với việc ký Hiệp định sơ bộ và những việc làm trên đây, trên thực tế, Pháp là nước đầu tiên trên thế giới, công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, tuy về mặt ngoại giao chính thức thì chưa có.

Một buổi sáng, ông Mười Hương lái xe đưa đồng chí Trường Chinh đến phòng làm việc bí mật của Báo Sự Thật đặt trên gác kho Nhà Đoan, phố Hàng Vôi, đồng chí Trường Chinh nói:

- Mấy tuần trước tôi bảo anh đánh điện mời anh Hoàng Quốc Việt ra họp Ban Thường vụ Trung ương, nhưng do bận nhiều việc quá anh Việt chưa ra được. Nay Trung ương vừa nhận được tin đoàn đại biểu Quốc hội Nam bộ, do

đồng chí Tôn Đức Thắng dẫn đầu, vừa mới lên xe lửa ở Tuy Hòa (Phú Yên). Chỉ nay mai đoàn sẽ ra tới Hà Nội.

Đồng chí Tôn Đức Thắng là đồng chí cộng sản tiêu biểu của miền Nam. Xuất thân từ công nhân, đồng chí sang Pháp, làm thủy thủ trên chiến hạm Pháp được điều đi Biển Đen, chống phá cuộc Cách mạng Nga và chính quyền Xô viết vừa ra đời. Đồng chí Tôn Đức Thắng đã tham gia cuộc phản chiến thắng lợi, buộc đế quốc Pháp phải rút hạm đội về nước.

Trở về Sài Gòn, đồng chí Tôn Đức Thắng đã đi vào giai cấp công nhân xây dựng Công đoàn, tham gia Kỳ ủy Việt Nam cách mạng Thanh niên, bị Pháp bắt và đưa đi đầy Côn Đảo 15 năm, sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, mới được rước về và được bầu làm Bí thư Xứ ủy Nam bộ. Nhưng đồng chí xin rút và đề cử đồng chí Lê Duẩn thay.

Trong cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/1/1946, đồng chí được nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn bầu làm đại biểu của Quốc hội, Bác Hồ sẽ gặp đồng chí Tôn Đức Thắng và đoàn đại biểu của Nam bộ trước khi đi Pháp và tôi cũng sẽ gặp. Vậy giao cho anh việc sắp xếp thời gian, địa điểm chuẩn bị đón đồng chí Tôn Đức Thắng.

Ông Mười Hương đã quen công việc này, nên nói ngay:

- Thưa anh, không thiếu gì nơi tiếp khách, nhưng theo tôi, thuận tiện hơn cả vẫn là trong khu phố cũ. Ngôi nhà 51 Hàng Bồ, trên gác Xứ ủy Bắc kỳ thường tiếp khách. Nhà này treo biển "Nhà in Lao động", vừa là nơi đóng cơ quan Ban Công Vận Xứ, ở đối diện nhà 44B, trước kia có lúc là trụ sở công khai của Báo Cờ Giải Phóng. Ông Mười Hương đã nhiều lần theo đồng chí Trường Chinh đến đấy, cho nên được đồng chí Trường Chinh đồng ý ngay.

Mấy hôm sau, buổi sáng ông Mười Hương đưa đồng chí Trường Chinh đến 51 phố Hàng Bồ, rồi đi đón Bác Tôn ở

nhà số 8 Lê Thái Tổ, xế nhà Thủy Tạ hồ Hoàn Kiếm. Ngôi biệt thự này của ông Hồ Đắc Điền, một nhân sĩ yêu nước, mà đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã bí mật bố trí cho Bác Hồ ở từ sau ngày 2/9/1945, khi Bác đã tới làm việc ở Bắc Bộ Phủ.

Những ngày đầu ra Hà Nội, Bác Tôn là khách quý của Bác Hồ và Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Sáng sáng Bác Hồ thường đến với Bác Tôn, ăn sáng với cháo hoa và miếng đậu phụ kho hoặc ít đường cát. Còn "khách" mà Bác Tôn thường tiếp ở đây là các ông trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Tất cả "khách" của Bác Tôn đều được mời ăn phở gánh ở đầu phố Hàng Hành do anh Khương mua về. Anh Khương là tù chính trị Sơn La về, được đồng chí Nguyễn Lương Bằng bố trí phục vụ Bác Hồ, nay phục vụ Bác Tôn.

Ăn sáng xong, ông Mười Hương mời Bác Tôn ra xe. Ông Mười Hương nói:

- Thưa Bác hôm nay cháu đón Bác tới chỗ anh Trường Chinh.

Bác Tôn nheo mắt cười:

- Đồng chí ơi, đừng kêu tôi là Bác. Tiếng Bác chỉ nên dành cho Bác Hồ của chúng ta thôi. Cứ gọi tôi là anh Hai Thắng.

Đầu tháng 4/1946, Bác Hồ và Thường vụ Trung ương bàn việc tổ chức các phái đoàn đi Hội nghị Đà Lạt và sang Pháp. Phái đoàn sang Pháp do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn, Bác Tôn Phó Trưởng đoàn và 8 đại biểu quốc hội: Hoàng Tích Tri, Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Văn Luận (Trần Danh Tuyên), Đỗ Đức Dục, Nguyễn Tấn Gi Trọng, Trịnh Quốc Quang, Trần Ngọc Danh (em Trần Phú) và Huỳnh Văn Tiểng. Ngày 16/4/1946, Đoàn lên máy ở Gia Lâm, đi Pháp. Đối với Bác Tôn, đây là lần thứ hai sang Pháp, sau khi về nước cuối năm 1920.

Phái đoàn trong đó có Bác Tôn đi được ít ngày, thì đồng chí Trường Chinh bảo ông Mười Hương:

- Có một việc anh cần làm ngay. Đó là đi đón chị Hai Súc và hai con gái của Bác Tôn mới ở Quảng Ngãi ra. Cần thu xếp chỗ ăn, ở cho chu đáo. Chị Hai Súc, người Học Môn là một đảng viên cộng sản kiên cường, có nhiều công lao với cách mạng, nhất là phục vụ mấy cuộc họp của Trung ương những năm 1937-1939; trông nom săn sóc con gái chị Nguyễn Thị Minh Khai và anh Lê Hồng Phong, khi cả hai bị Pháp bắt và chị Minh Khai bị chúng xử tử hình. Chị được Trung ương điều ra Hà Nội công tác. Nhân dịp này, đồng chí Đoàn Thị Giàu (Bác Tôn gái), đảng viên của chi bộ Vĩnh Kim (Mỹ Tho) gửi hai con gái theo cha ra Bắc học tập. Cả ba người đi theo cùng đoàn Bác Tôn, nhưng đến Quảng Ngãi hai em Hạnh, Nghiêm con Bác Tôn bị bệnh, chị Hai Súc tự nguyện ở lại trông nom chăm sóc hai cháu, nay khỏi bệnh, mới ra được.

Ông Mười Hương vội ra trụ sở Quốc hội, gặp ông Nguyễn Văn Cánh, đại biểu của tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Văn Cánh nói với ông Mười Hương:

- Theo Quyết định của Chính phủ, Phòng Nam bộ trực thuộc Chính phủ vừa được thành lập. Tôi được phân công về làm phòng đó, trụ sở ở 19 Tông Đản (nay là Hội Y học dân tộc). Anh về báo cáo lại với anh Trường Chinh là Phòng Nam bộ đã đón chị Hai Súc và hai cháu con Bác Tôn và ở luôn trong trụ sở của phòng rồi.

Nghe ông Mười Hương báo cáo về việc Phòng Nam bộ đã tiếp đón và thu xếp mọi việc chu đáo, đồng chí Trường Chinh cũng lấy làm mừng.

Sau đó, bà Hai Súc được phân công làm Phó phòng Nam bộ.

\*\*\*

Trước khi đi Pháp, Bác đề nghị với Thường vụ Trung ương mời cụ Huỳnh Thúc Kháng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ làm Quyền Chủ tịch nước, trong thời gian Bác đi Pháp. Bác dặn dò Thường vụ Trung ương:

- Đảng ta lãnh đạo, nhưng công việc gì thuộc Chính phủ giải quyết thì phải báo cáo xin ý kiến cụ Huỳnh. Cụ Huỳnh là quyền Chủ tịch nước, có quyết định rồi thì các chú mới được thực hiện.

Thường vụ Trung ương đã nghiêm chỉnh thực hiện ý kiến của Bác.

Trong thời gian Bác đi Pháp, quân Tưởng chưa rút hết, bọn Đại Việt, lúc này đã sáp nhập với Việt Nam quốc dân Đảng, lấy tên là Quốc dân Đảng, ra sức hoạt động quấy rối. Dựa vào thế lực quân Tưởng, chúng thực hiện bắt cóc, tống tiền, cướp của, giết hại nhiều người, gây hoang mang trong quần chúng, phá hoại chính quyền cách mạng. Khi Pháp đưa quân vào miền Bắc, chúng liền chuyển sang câu kết với thực dân Pháp, đẩy mạnh chống đối chính quyền của ta. Chúng âm mưu tiến hành đảo chính.

Theo quy định của Hiệp định sơ bộ, ở Hà Nội quân Pháp chỉ được đóng trong thành và hành quân qua các khu vực đường vườn hoa Canh Nông (bây giờ là Công viên Lê nin góc đường Trần Phú – Điện Biên Phủ).

Gần đến ngày kỷ niệm Quốc khánh của Pháp ngày 14/7, Sainteny, Ủy viên Cộng hòa Pháp xin phép Chính phủ ta cho chúng được tổ chức một cuộc duyệt binh quanh bờ hồ Hoàn Kiếm.

Chúng có âm mưu rất thâm độc là nhân lúc quân đội Pháp đang diễu binh, thì bọn Đại Việt sẽ ném lựu đạn vào đơn vị lính người Phi, gây thương vong. Quân Pháp lấy cơ đó, vu cho Việt Minh đánh chúng, rồi lập tức xua quân đi

đánh chiếm các cơ quan đầu não, bắt các cán bộ lãnh đạo cao cấp của ta. Bọn Quốc dân Đảng cũng nhân cơ hội đó, có sẵn vũ khí trong tay, từ những cơ sở ở Hà Nội và các nơi nổi dậy phối hợp làm cuộc đảo chính.

Ông Lê Giản, Giám đốc Nha Công an Bắc bộ, có ông Nguyễn Tạo mới ở Nam ra cộng tác, thông tin cho Mười Hương nắm được âm mưu và hành động thâm độc của chúng và qua ông Hoàng Hữu Nam (Phan Bội em ông Phan Thanh) báo cáo với đồng chí Trường Chinh.

Đồng chí Trường Chinh nói với ông Mười Hương:

- Thường vụ Trung ương nhận định việc này rất nghiêm trọng, ta phải xử lý. Nhưng giải quyết việc này do Chính phủ quyết định. Bác đã dặn, những việc đối nội, đối ngoại thuộc Chính phủ thì phải xin ý kiến cụ Huỳnh là quyền Chủ tịch nước. Thường vụ Trung ương phải thực hiện đúng ý của Bác. Anh sang nói với anh Hoàng Hữu Nam (đồng hương của cụ Huỳnh, đang làm Chánh Văn phòng Phủ Chủ tịch), để anh Hoàng Hữu Nam báo cáo với cụ Huỳnh.

Ông Mười Hương sang làm việc với ông Hoàng Hữu Nam. Ông Nam hẹn ông Mười Hương tối lại nhà ông nghe kết quả. Y hẹn, ông Mười Hương đến. Ông Hoàng Hữu Nam kể lại: “Cụ Huỳnh bảo trước khi đi Pháp, cụ Hồ đã dặn “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, bất biến là phải giữ đoàn kết dân tộc, nhưng như thế này đoàn kết sao được. Cụ nói bọn phản quốc thì phải trị, nhưng phải có chứng cứ cụ thể”.

Bên Công an khẩn trương lên kế hoạch hành động, giao cho đơn vị trinh sát điều tra và bao vây bắt chúng.

Ngày 12/7/1946, trước ngày Quốc khánh Pháp hai ngày, thực hiện lệnh của ông Nguyễn Tạo, ông Lê Hữu Qua cho anh em từ sáng sớm tinh mơ đột nhập trụ sở 132 phố Duvigneau (nay là Bùi Thị Xuân) của bọn Đại Việt, mặc dù

chung quanh chúng đào cộng sự, rào dây kẽm gai, tổ chức canh phòng cẩn thận. Ta bắt được chúng đang in truyền đơn kêu gọi lật đổ Chính phủ Việt Minh và lấy được đủ kế hoạch bạo động, thông báo, yết thị... Tất cả chất đầy một xe ô tô, mang về, đưa lên báo cáo cụ Huỳnh.

Nhìn thấy tận mắt những tang vật, cụ Huỳnh nói:

- Trước khi đi cụ Hồ bảo phải chăm lo đoàn kết, nay họ làm vậy như thế này sao mà đoàn kết được, ta phải trị thôi. Các thầy chuẩn bị kỹ, mai tôi sẽ báo cáo trước Hội đồng Chính phủ và tôi sẽ có ý kiến.

Hôm sau, họp Chính phủ, cầm chiếc quạt thước chỉ về phía các viên Bộ trưởng do Tàu Tưởng ép ta phải cho tham gia Chính phủ (Nguyễn Tường Tam, Bộ trưởng Ngoại giao, làm trưởng đoàn đi Hội nghị Đà Lạt, đã bỏ trốn), cụ Huỳnh nói:

- Trước đây, tôi ngỡ các ông cũng là người ái quốc, ái quần, bây giờ thì rõ các ông chỉ là lũ bán nước, hại dân. Như thế này phải trị thôi!

Đã có lệnh của cụ Huỳnh, Nha Công an liền triển khai tiến công vào ba trụ sở của bọn phản động: Một, ở phố Thiên Quang; hai ở phố Quán Thánh và ba là nhà số 7 phố Ôn Như Hầu (phố Nguyễn Gia Thiều hiện nay). Ở cả ba nơi chúng đều chống cự lại ta, nhưng bị ta nhanh chóng dẹp tan. Ta thu được nhiều tài liệu, chứng cứ hoạt động phản nước hại dân của chúng. Riêng ở số 7 phố Ôn Như Hầu, ta bắt được Phan Văn Kích, Ủy viên Trung ương Quốc dân Đảng, trong một phòng còn hai người đang bị trói cùng nhiều dụng cụ tra tấn, trên tường dính đầy máu, ngoài vườn ta phát hiện nhiều hố chôn người, do chúng giết và thủ tiêu. Đúng là một tổ quỷ!

Cụ Huỳnh đã có công kiên quyết trấn áp bọn phản động, góp phần ổn định tình hình nước ta, trước khi đi vào

cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong sự kiện bảo vệ an ninh Tổ quốc này, ông Nguyễn Tạo góp công lớn.

Đầu tháng 8/1946, ông Mười Hương được đồng chí Trường Chinh gọi đến và nói:

- Ta đã giành chính quyền một năm rồi, mà báo Đảng vẫn cứ phải đi thuê tư nhân in. Như thế là không bình thường, vẫn bị động. Ta cần một nhà in riêng để chủ động in sách, báo và những tài liệu của Đảng. Thường vụ Trung ương đã bàn và quyết định mua hai nhà in. Một nhà in chuyên in giấy bạc Cụ Hồ, gọi là nhà in Tài Chính. Một nhà in chuyên in sách, báo của Đảng.

Về nhà in tiền, ta mua lại nhà in Taupin của tư sản Pháp, nơi đây ta đã hợp đồng thuê in Báo Cờ Giải Phóng và Sự Thật, khi mới khởi nghĩa thắng lợi. Còn nhà in sách, báo của Đảng, đồng chí Trường Chinh đồng ý đề nghị của ông Mười Hương giao cho các ông Phạm Đức Khiêm, Nguyễn Lương Hoàng và Phạm Văn Khoa lo liệu.

Sau gần 2 tháng đi tìm hiểu, khảo sát ông Mười Hương và ba ông nói trên báo cáo với đồng chí Nguyễn Lương Bằng cho mua nhà in Trung - Bắc Tân văn ở số nhà 34-36 phố Phùng Hưng. Nhà in này là một trong những nhà in ra đời sớm nhất ở Hà Nội. Ta mua Nhà in này của ông Nguyễn Văn Luận, bạn của ông Nguyễn Văn Vĩnh. Tuy có nhỏ hơn một chút so với Nhà in Lê Văn Tân và Nhà in Minh Sang, nhưng Nhà in Trung - Bắc Tân văn cũng đáp ứng được nhu cầu in sách, báo của Đảng trước mắt và suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Nhà in được vinh dự Tổng Bí thư Đảng đặt tên cho là Nhà in Tiến Bộ.

Nhà in chính thức khai trương ngày 8/9/1946 và Báo Sự Thật từ số 53, ra ngày 13/9/1946, in tại nhà in này.

Cuốn sách Cách mạng Tháng Tám của tác giả Trường Chinh do Nhà Xuất bản Sự Thật phát hành tháng 9/1946 là cuốn sách in đầu tiên của Nhà in Tiến Bộ. Đây là tác phẩm quan trọng viết về một cuộc cách mạng thắng lợi mới thành công khoảng một năm.

Sau khi ký bản Tạm ước 14/9/1946, Bác Hồ ở Pháp về, có một số trí thức du học ở Pháp thành tài, tình nguyện theo Bác về giúp nước.

Lúc Bác đặt chân lên bến cảng Hải Phòng, đồng bào, đồng chí mới thực sự vui mừng. Làm việc với Ban Thường vụ Trung ương, Bác nói:

- Nhân dân Pháp tốt lắm, các đồng chí cộng sản Pháp, những người Pháp có thiện chí đều ủng hộ nước ta độc lập. Nhưng cánh hiếu chiến thực dân thì rất ngoan cố không chịu từ bỏ quyền lợi của chúng ở Đông Dương.

Ta phải ký Tạm ước 14/9 (Modus Vivendi) để kéo dài thời gian chuẩn bị chống lại hành động gây chiến tranh xâm lược nước ta của chúng. Cuộc kháng chiến toàn quốc của ta là khó tránh khỏi. Công việc chuẩn bị kháng chiến cần rất khẩn trương, bí mật.

Cụ Huỳnh gặp Bác nói:

"Tôi đã già yếu, không thể cùng Chính phủ đi kháng chiến, tôi đề nghị cho tôi được về quê nghỉ ngơi, có việc gì vừa sức tôi càng đáng".

Bác Hồ trao đổi với Thường vụ Trung ương về đề nghị của cụ Huỳnh và giao cho đồng chí Phạm Văn Đồng, lúc đó đang làm đại diện của Chính phủ ở Khu V, thực hiện.

Đồng chí Trường Chinh triệu tập một cuộc họp Thường vụ Trung ương mở rộng, có các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh, Lê Đức Thọ, Trần Quốc Hoàn, có thêm ông Mười Hương. Đồng chí Trường Chinh nói:

- Theo ý Bác, Thường vụ Trung ương cần phải chủ động khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến toàn quốc, trong đó có nhiệm vụ chuẩn bị cơ sở vật chất. Để làm việc này Thường vụ Trung ương quyết định thành lập một Ban gọi là Ban Giao thông, Liên lạc, An toàn khu gọi tắt là G.L.A, do đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Trưởng ban và gồm các anh Trần Đăng Ninh, Trần Quốc Hoàn và Trần Quốc Hương.

Nếu cuộc kháng chiến nổ ra, cơ quan Trung ương sẽ dời thủ đô, lên đóng ở một nơi an toàn trên khu Việt Bắc. Ban G.L.A có ba nhiệm vụ lớn như sau:

Một là, cần tổ chức mạng lưới giao thông liên lạc và tuyến điện đi các khu và mạng lưới giao thông đường bộ song hành, liên hoàn đến các tỉnh (tới Khu V) cho thông suốt, bảo đảm an toàn. Giao thông là mạch máu của tổ chức. Giao thông tốt thì mọi việc dễ dàng. Giao thông xấu thì mọi việc đình trệ.

Hai là, tiến hành từng bước bí mật cho sơ tán di chuyển từ Hà Nội ra Thanh Oai, Quốc Oai, rồi Hưng Hóa, Phú Thọ tới Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang), những máy móc cần thiết phục vụ trước mắt cho việc sản xuất vũ khí, như làm súng, đạn, lựu đạn, mìn, địa lôi...; máy móc sản xuất thuốc, dụng cụ y tế, cả máy móc bảo đảm việc in ấn sách, báo. Trong quá trình di chuyển giữ vững liên lạc với các Khu, để sự chỉ đạo của Trung ương được liên tục.

Các Bộ được lệnh của Trung ương cho sơ tán, di chuyển những thứ thuộc Bộ mình, dưới sự đôn đốc của Ban này. Cho nên Ban này cần phối hợp công tác chặt chẽ với các Bộ, các ngành của Chính phủ và quân đội.

Ba là, nghiên cứu và đề xuất với Trung ương việc thành lập ATK, căn cứ địa an toàn cho cuộc kháng chiến. Ban tổ chức ra những đơn vị Công tác Đội, lo việc bố trí địa điểm

làm việc, hoạt động cho các cơ quan của Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận..., đặc biệt chú ý nơi làm việc của Chủ tịch nước, Chính phủ và Thường vụ Trung ương.

Ban này có con dấu riêng khắc ba chữ G.L.A để điều hành nhiệm vụ (Hiện còn lưu được con dấu này).

Ông Mười Hương báo cáo trong kho Nhà Đoan đã được kiểm kê, còn nhiều thứ quý như thuốc phiện, bạc trắng dầm xòe, thuốc tây, vải vóc, khoảng 2.000 tấn muối và nhiều thứ nữa...

Đồng chí Nguyễn Lương Bằng nói:

- Ta cần di chuyển máy móc để chủ động sản xuất vũ khí. Vừa rồi anh Vũ Anh, Ủy viên Trung ương, từ Cao Bằng về cho biết có một nhà máy sản xuất vũ khí trên đó, được thành lập từ hồi chuẩn bị khởi nghĩa, hiện vẫn được duy trì và tiếp tục sản xuất. Bác đã nhắc anh Vũ Anh cố gắng sản xuất nhiều vũ khí để chuẩn bị kháng chiến.

Anh Hương có trách nhiệm điều hành việc sơ tán tất cả những thứ trong kho Nhà Đoan lên chiến khu, nhất là các máy móc, nhưng đặc biệt chú ý phải di chuyển hết số muối. Tôi cũng còn phải cố gắng đưa số muối ở Văn Lý lên. Bác dặn tôi rằng: Vàng, bạc những thứ khác có thể bỏ lại, nhưng muối thì dứt khoát phải mang đi bằng được, mang đi cho hết.

Ông Mười Hương không rõ đồng chí Nguyễn Lương Bằng chuyển được bao nhiêu tấn muối từ Văn Lý lên chiến khu, riêng ông Mười Hương chuyển hết hai nghìn tấn muối từ kho phố Hàng Vôi ra Ba Thá (sông Đáy), từ đó đưa lên Việt Bắc. Ngoài ra ông Mười Hương cho chuyển hết số hàng quý, cùng một số máy móc theo đường sông, đưa lên Tuyên Quang. Với số máy móc này, ta thành lập Nhà máy Trần Hưng Đạo và nhà máy chuyên đóng thùng xe tải chạy bằng than (gazosel).

Công việc lúc đó rất nhiều, làm việc rất căng thẳng, khẩn trương, Trung ương đã điều hàng trăm cán bộ cấp tỉnh đưa xuống cơ sở củng cố căn cứ địa, giúp Ban G.L.A. Ban G.L.A đã hoàn thành những nhiệm vụ do Thường vụ Trung ương giao cho, giữ được an toàn, bí mật.

Để tăng cường cho Ban này, Thường vụ Trung ương điều nữ đồng chí Lê Thị Lịch, Bí thư Tỉnh ủy Phúc Yên, giao nhiệm vụ phụ trách Công tác Đội. Ông Mười Hương đề nghị với đồng chí Trường Chinh điều thêm cho Ban hai ông Tạ Quang Đạm và Trần Trọng Quát, những người có nhiều kinh nghiệm hoạt động của tổ chức Hướng đạo. Đồng chí Trường Chinh đồng ý.

Ông Mười Hương nghĩ lại, lệnh của Bác phải di chuyển hết số muối ở kho Nhà Đoan và từ Văn Lý lên càng nhiều càng tốt, thật là sáng suốt! Lương thực trong đó có gạo thì trên chiến khu vùng rừng núi rất thiếu, nhưng còn có thể lo được, chứ muối thì không thể kiếm đâu ra. Số muối đưa lên Việt Bắc phục vụ cho quân đội ta chiến đấu nhiều năm và phục vụ cho cả đồng bào miền núi.

Quân đội Tưởng rút hết về nước, lũ tay sai “có tên tuổi” cũng cuốn gói theo sau. Tay chân bên dưới thì nằm yên chờ thời.

Quân đội Pháp ngày càng phá ta trắng trợn và càng bộc lộ dã tâm xâm lược của chúng.

Ngày 19/10/1946, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng họp, do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Đây là hội nghị quân sự lớn nhất của Đảng sau khi ta giành được chính quyền. Hội nghị nhận định “Không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng phải nhất định đánh Pháp”. Hội nghị khẳng định “Phải tự tin rằng tuy kém về kỹ thuật, vũ khí nhưng với một tinh thần dẻo dai bền bỉ, mình nhất định sẽ thắng”.



Hội nghị đề ra xây dựng lực lượng vũ trang về mọi mặt, chú ý đặc biệt xây dựng Đảng trong quân đội.

Tổng kết hội nghị, Tổng Bí thư phát biểu: “Trước giai đoạn khó khăn, Đảng ta phải thống nhất ý chí, hành động và kỷ luật mới ứng phó mọi mặt quá trình đấu tranh dài đặc khó khăn và phức tạp; muốn thế chúng ta những người đảng viên phải rèn luyện lấy mình, bỏ lợi ích cá nhân, phục tùng lợi ích Đảng, bộ phận phục tùng toàn Đảng. Phải có tổ chức có sinh hoạt, có sinh hoạt phải có tập đoàn chỉ huy, có tập đoàn chỉ huy mới tránh được sai lầm và chắc chắn đi đến thắng lợi”.

Cũng vào thời gian này, để chuẩn bị cuộc kháng chiến, Bác Hồ viết văn bản *Công việc khẩn cấp bây giờ*, trong đó Bác chỉ rõ: Kháng chiến và kiến quốc. Một mặt phá hoại. Một mặt kiến thiết. Phá hoại để ngăn địch. Kiến thiết để đánh địch.

Bác viết: “Ta phải hiểu và phải cho dân hiểu rằng: Cuộc kháng chiến sẽ rất gay go cực khổ. Dù địch thua đến 99%, nó cũng ráng sức cắn lại. Vì nó thất bại ở Việt Nam, thì toàn bộ cơ nghiệp đế quốc nó sẽ tan hoang. Vì vậy nó sẽ đem nhiều viện binh (cũng không quá số 10 vạn) tàu bay, xe tăng. Nó sẽ tàn phá khủng bố rất dữ dội. Mục đích là mong làm cho dân ta hoang sợ, do hoảng sợ đến đầu hàng... Ta kiên quyết chống chọi cho qua giai đoạn “chớp nhoáng” đó, thì địch sẽ xẹp, ta sẽ thắng. Vì vậy, ta phải có và phải làm cho dân ta có tín tâm và quyết tâm... Cố gắng sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo, thì ra sẽ gặp mùa xuân. Qua khỏi trận khủng bố ráo riết của địch, thì ta sẽ thắng lợi”.

Ngày 20/11/1946, quân Pháp nổ súng ở Hải Phòng, sau đó lại gây chuyện ở Lạng Sơn, Bắc Ninh.

Ngay lập tức, Thường vụ Trung ương, nhân danh Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương, đưa ra *Lời kêu*

*gọi*, giao cho bộ phận ông Mười Hương điện cho các Khu, các tỉnh, đồng thời cho in và phát hành rộng rãi. Nội dung như sau:

“Hỡi quốc dân đồng bào!

“Quân Pháp đã mở cuộc tấn công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn. Họ dùng hải, lục, không quân đánh phá các vị trí quân sự của ta ở cảng. Họ dùng máy bay, trọng pháo, xe thiết giáp bắn giết cả thường dân ta, dùng liên thanh, súng cối nã vào dân tản cư, phần đông là đàn bà, con nít. Họ công nhiên xâm phạm Hiệp định sơ bộ Việt – Pháp 6/3/1946 và Tạm ước 14/9/1946. Họ phản lại chữ ký của đại biểu Pháp, đi ngược lại ý nguyện hòa bình của hai dân tộc Việt – Pháp. Họ phá tình giao hảo mới nhóm lên giữa hai nước Pháp và ta.

Hành động của họ không ngoài hai mục đích dưới đây:

1. Thi hành chính sách “việc đã rồi”, tiến công về quân sự hòng bắt ta nhượng bộ nhiều hơn, hòng đặt lại quyền thống trị trên khắp nước ta, trước khi một chính phủ mới, cấp tiến hơn, thành lập ở Pháp, một điều có thể có sau cuộc tổng tuyển cử Pháp ngày 10/11/1946.

2. Cướp lấy thuế quan của nước ta để tự giải quyết nạn tài chính thiếu hụt của họ, đồng thời làm cho chính phủ ta khó khăn thêm về tài chính.

Hai lý do mà đại biểu Pháp Lami đưa ra trong phiên họp với các nhà báo 23/11/1946 ở Hà Nội (bảo vệ Hoa Kiều, thực hiện quan thuế liên bang) đều không đúng. Việc quân Pháp ngăn cản ta thu thuế quan và nổ súng bắn trước vào công an của ta hôm 20-11-1946 chỉ là khởi điểm của cả một kế hoạch tiến công đã định sẵn.

Sự thật đã chứng minh rằng thực dân Pháp ngang nhiên khiêu hấn. Chúng định dùng võ lực bắt ta phải nhượng bộ. Nhưng không khi nào ta chịu. Tạm ước 14-9 là

bước nhân nhượng cuối cùng. Nhân nhượng nữa là phạm đến chủ quyền của nước, là hại quyền lợi cao trọng của dân tộc!

Vì thế dân và quân của ta phải kháng chiến ở Hải Phòng và Lạng Sơn. Thực dân Pháp vô cùng tham vọng. Họ không biết trọng tín nghĩa; họ khinh thường dư luận thế giới và dư luận bên Pháp. Hành động của họ bất chính, vì nó chỉ phụng sự cho quyền lợi ích kỷ của một số người quen đi áp bức, bóc lột. Trái lại, cuộc kháng chiến của ta hoàn toàn hợp chính nghĩa, vì chúng ta chiến đấu để bảo vệ quyền lợi chính đáng của cả một dân tộc muốn sống cho ra sống, nhất quyết không chịu trở lại đời nô lệ, vì chúng ta chiến đấu để bênh vực tạm ước đã ký, để củng cố sự đoàn kết thân ái và bình đẳng giữa hai dân tộc Việt và Pháp.

Hỡi các chiến sĩ Hải Phòng và Lạng Sơn anh dũng! Các bạn đang hy sinh phấn đấu bảo vệ đất nước yêu quý của Tổ tiên ta để lại. Cùng đồng bào miền Nam, các bạn đang đem xương máu xây bức tường thành ngăn bọn phản động Pháp, bảo vệ những thành tích vẻ vang của Cách mạng Tháng Tám.

Toàn quốc đang dõi trông bước tiến của các bạn.

Những chiến công đầu tiên của các bạn đang phấn khởi toàn dân, làm vững chắc thêm sự tin tưởng của dân tộc ta vào vận mệnh nước nhà.

Hỡi toàn quốc đồng bào! Những hành động của Pháp xâm phạm chủ quyền Việt Nam rất có thể lan rộng. Tình thế vô cùng nghiêm trọng. Hãy sẵn sàng chiến đấu để tự vệ bất cứ nơi nào và chỗ nào! Mỗi người dân Việt Nam lúc này phải hăng hái gánh nhiệm vụ thiêng liêng bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc. Đoàn kết phấn đấu nhất định chúng ta sẽ thắng.

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Hồ Chủ tịch muôn năm!

Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác ở Đông Dương”.

Để đề phòng tình hình xấu xảy ra, ngày 26/11, Thường vụ Trung ương quyết định chuyển chỗ ở của Bác ra ngoài thành, do đồng chí Nguyễn Lương Bằng bố trí.

Các ông giữ vị trí chủ chốt trong Chính phủ cũng rút ra khỏi nội thành, hầu hết ra phía Ngã Tư Sở, trên đường đi Hà Đông. Đồng chí Phạm Văn Đồng tới ở nhà bà Hai Khoái, chủ một xưởng dệt ở Đống Đa. Đồng chí Võ Nguyên Giáp về ở với Nhà văn Đặng Thai Mai ở Ngã Tư Sở. Đây là biệt thự Cây Liễu đồng chí Nguyễn Lương Bằng vừa mua cho Đảng. Chỗ ở của đồng chí Nguyễn Lương Bằng, đồng chí tự lo, vì đồng chí quen biết nhiều cơ sở tin cậy.

Sau khi Bác về ở 48 phố Hàng Ngang, thì ông Mười Hương thu xếp ông Trường Chinh về ở nhà cụ Từ Nguyên, bố mẹ vợ tương lai của ông Mười Hương, số 6 phố Hàng Đào.

Một bữa tình cờ gặp lại Louis Caput, ông Mười Hương được Caput cho biết sắp về Pháp và nói: “Tôi sắp về Pháp, ngôi nhà 35 phố Quang Trung tôi đang ở, các anh muốn dùng làm gì thì làm”.

Ông Mười Hương nhờ cụ Từ Nguyên giao dịch với L.Caput, rồi đưa đồng chí Trường Chinh về ở đấy. Tại đây, một hôm đồng chí Trường Chinh đi công tác, ông Mười Hương đang đi xe đạp từ Nhà in Lê Văn Tân phố Hàng Bông, về tới ngã tư đường Careau (nay là ngã tư Quang Trung – Lý Thường Kiệt) thì thấy một thằng Tây có dáng khả nghi, đạp xe bám theo sau. Ông Mười Hương hết sức cảnh giác đề phòng. Sắp tới nhà, ngang Nhà Thông tin Tuyên truyền (nay là Sứ quán Campuchia), ông Mười Hương

thấy thằng Tây đã tới gần, ông vội áp xe nhảy xuống núp sau một gốc cây to trên vỉa hè. Thằng Tây rút súng nhằm bắn ông Mười Hương, nhưng không trúng. Nghe tiếng súng nổ, tự vệ của ta ùa chạy ra, thằng Tây vội tẩu thoát theo đường ngõ Hạ Hồi.

Thấy ở nhà 35 phố Quang Trung không an toàn, ông Mười Hương báo cáo với đồng chí Nguyễn Lương Bằng cho chuyển chỗ ở của đồng chí Trường Chinh. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng cũng đã nghĩ tới việc bố trí nơi ở tương đối ổn định, kín đáo, bảo đảm cho đồng chí Trường Chinh, không phải đi nhờ vả ai cả.

Đồng chí Nguyễn Lương Bằng bàn với ông Mười Hương mua ngôi nhà 47 phố Hàng Chuối. Nhưng người bán đòi nhiều tiền quá, ta không có đủ tiền mua. Sau đó, đồng chí Nguyễn Lương Bằng có quen chị Phú, bàn mỗi bên bỏ ra một nửa tiền, để mua ngôi nhà đó, do chị Phú đứng tên chủ sở hữu.

Khi rời nhà 35 phố Quang Trung thì đồng chí Trường Chinh tới ở nhà này. Như trên đã nói, khi có quyết định Bác và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Chính phủ phải sơ tán ra ngoại thành, lúc đầu ông Mười Hương định đưa đồng chí Trường Chinh tới ở nhà cụ Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, nhưng ông Trần Huy Liệu đã đang ở đấy rồi, ông Mười Hương thu xếp đưa đồng chí Trường Chinh đến ở nhà ông Tuần phủ họ Đào ở Thái Hà Ấp. Cho đến ngày 19/12/1946, ngày ta phát lệnh toàn quốc kháng chiến, thì đồng chí Trường Chinh chuyển đi Quốc Oai, rồi huyện Thạch Thất, Sơn Tây.

Lúc chưa sơ tán, hàng ngày, buổi sáng ông Mười Hương có nhiệm vụ đưa đồng chí Trường Chinh đến chỗ Bác làm việc, rồi đi các nơi, tới các cơ quan hoặc dự các cuộc họp, cho đến chiều tối mới về nhà, ăn cơm xong, nghỉ một lúc,

đồng chí Trường Chinh lên lầu nhà 47 Hàng Chuối, lại tiếp tục làm việc hoặc đọc sách, nghiên cứu tới khuya. Trong lúc đất nước đang chuẩn bị kháng chiến rất căng thẳng, bận bịu giải quyết biết bao nhiêu công việc cấp bách, ông Mười Hương vẫn thấy đồng chí Trường Chinh không bỏ việc đọc sách, nghiên cứu.

Thời gian này, theo yêu cầu của đồng chí Trường Chinh, ông Mười Hương qua nhiều bạn bè thân cận, đã giới thiệu Chủ tịch Tổng hội sinh viên Lê Văn Giăng, có trình độ văn hóa chung sâu, rộng, biết nhiều ngoại ngữ, về làm Văn phòng Tổng Bí thư. Ngoài công việc hàng ngày, ông Lê Văn Giăng có nhiệm vụ tìm, mượn sách theo yêu cầu của ông Trường Chinh, để ông đọc và nghiên cứu.

Một buổi tối, lên chỗ đồng chí Trường Chinh, ông Mười Hương thấy ông đang say sưa đọc một cuốn sách viết về Clausewitz. Thấy ông Mười Hương lại gần, đồng chí Trường Chinh ngừng đọc và nói:

- Dù ta không muốn cũng khó tránh khỏi đánh nhau với bọn hiếu chiến thực dân Pháp. Chúng ta buộc phải cầm súng đứng lên bảo vệ chủ quyền dân tộc vừa mới giành được.

Pháp là nước mạnh, quân đội thiện chiến, có vũ khí tối tân. Còn ta, nhân dân có tinh thần yêu nước rất cao, quyết tâm chiến đấu để bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được. Nhưng lực lượng vũ trang của ta còn ít và yếu, kinh nghiệm chiến đấu chưa nhiều. Chiến tranh, kháng chiến là việc lớn, có quan hệ đến vận mệnh của toàn dân tộc, không phải chuyện bàn xuông.

Ta phải học tập ông cha ta như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung... làm sao mà một nước nhỏ có thể thắng được nước lớn kéo quân đến xâm lược nước ta. Ta phải học kinh nghiệm kháng chiến chống

Nhật của Trung Quốc và kinh nghiệm chiến tranh của các nước khác nữa. Ai có kinh nghiệm tốt, giúp cho ta được, ta đều phải học.

Đọc Clausewitz, nhà chiến lược quân sự lớn của Đức, tôi thấy có mấy điểm đáng chú ý:

Chiến tranh (kháng chiến) giữa hai bên phải tính đến tương quan lực lượng, bên nào chọn được cách đánh, đánh cho phù hợp với lực lượng, với trình độ của mình, bảo tồn, duy trì được lực lượng, bên ấy sẽ chiếm lợi thế.

Chiến tranh (kháng chiến) ai xây dựng được hậu phương ngày càng vững mạnh, càng lớn, thì có thể giành phần thắng cuối cùng về phần mình.

Trong chiến tranh (kháng chiến) có trận thắng, có trận thua nhưng trận thắng cuối cùng mới là quyết định...

Như thế là Trung ương Đảng, Chính phủ và nhân dân ta từng bước một, đã chuẩn bị sẵn sàng cả về vật chất và tinh thần cho cuộc kháng chiến, dù ta muốn tránh.

Trước sự nhân nhượng của Chính phủ ta, bị thúc đẩy bởi tham vọng mù quáng, bọn hiếu chiến Pháp càng lấn tới. Được tăng thêm viện binh, quân Pháp càng hung hăng. Ngay tại thủ đô Hà Nội, bọn Tây mỗ đồ ngang nhiên kéo đến Nha Thông tin của ta ở phố Tràng Tiền, giữa nội thành, gây rối, phá phách.

Ngày 16/12/1946, bộ phận thuộc G.L.A của ông Mười Hương được giao đánh điện gấp gửi cho Xứ ủy Nam bộ, như sau:

“Theo tình hình bên Pháp và lòng tham của thực dân, chỉ có một cuộc *chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài, gay gắt, khó khăn* mới giải quyết được chủ quyền Việt Nam. Chủ trương của Đảng đã nhất định gấp rút chuẩn bị. Tình hình rất căng. Phải cho đồng chí và dân chúng hay,

nhận rõ *trường kỳ kháng chiến*. Việc giữ các đô thị lớn và thành phố không phải là vấn đề khẳng định và thế nào thắng lợi cũng về ta. Tất nhiên ta phải chịu trăm ngàn khổ sở nữa. Nhiệm vụ Nam bộ là không để cho Pháp đem hết tài sản chiếm được ở Nam bộ ra đánh Trung, Bắc. Việc hành binh phải có ý thức uy hiếp Sài Gòn. Nhất là phá quân nhu, đạn dược ở Sài Gòn. Việc này phải làm cho kỳ được. Tổ chức phá hoại tàu bè chuyên chở. Mật thiết liên lạc với phái tả Pháp.

Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương”.

Ngày 17, 18/12/1946, quân Pháp nổ súng bắn vào tự vệ và nhân dân ta ở phố Hàng Bún, bao vây trụ sở Công an của ta phố Hàng Đậu. Trong ngày 18, Pháp gửi cho ta một thông điệp với giọng rất trịch thượng “Công an Việt Nam không làm tròn nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự. Nếu tình hình này kéo dài, thì bắt đầu từ ngày 20/12/1946, quân đội Pháp sẽ làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh toàn thành phố Hà Nội”.

Thực chất đây là một tối hậu thư của kẻ ỷ thế mạnh, coi thường ta, chúng báo cho ta biết trước, chúng sẽ chiếm Hà Nội vào ngày 20/12/1946. Ngày 17 và 18, Bác và Thường vụ Trung ương họp ở Vạn Phúc quyết định phát động cả nước kháng chiến, đề ra những vấn đề cơ bản về đường lối kháng chiến. Tức là ta phải giành thế chủ động, không để bị động!

Chiều ngày 19/12/1946, Bác Hồ, đồng chí Trường Chinh và một số cán bộ chủ chốt bàn quyết định quân dân ta mở đầu cuộc kháng chiến ngay tối hôm đó. Cuộc họp chỉ hơn nửa giờ, kết thúc rất nhanh chóng. Quyết định đó được bộ phận G.L.A hỏa tốc gửi đi các Khu bằng vô tuyến điện.

Đài VMA của Nam bộ đặt ở Khu 9 (Tây Nam bộ), nơi xa xôi nhất nước, nhận được điện có nội dung như sau:

“Giặc Pháp đã hạ tối hậu thư đòi tước khí giới đội tự vệ và công an ta. Chính phủ đã bác tối hậu thư ấy. Như vậy chỉ 24 giờ là cùng, chắc chắn giặc Pháp sẽ nổ súng. Chỉ thị của Trung ương: Tất cả hãy sẵn sàng”.

Khoảng gần 4 giờ chiều, ngày 19/12/1946, ông Mười Hương đang có mặt ở Nhà in Tiến Bộ, để đôn đốc việc di chuyển nốt máy móc, thì đồng chí Trường Chinh bất ngờ xuất hiện.

Ông hỏi ông Mười Hương:

- Sao giờ này, cậu còn ở đây?

Ông Mười Hương thưa:

- Còn chiếc máy in Victoria nặng một tấn này, em đôn đốc anh em đưa lên xe chuyển đi là xong hết. Tất cả giấy, máy móc cần thiết đã chuyển đi cả rồi. Em chưa về được chỗ cậu Hồng để báo cho nó đi (Từ khi đồng chí Trường Chinh dời nhà 47 phố Hàng Chuối, ông Mười Hương vẫn cấm cậu Hồng trông nom ở đó, đi chợ, nấu ăn, quét sân, như nhà vẫn có người ở bình thường).

Đồng chí Trường Chinh nói như ra lệnh:

- Làm gì thì làm, đến 6 giờ chiều là cậu phải đi ngay ra khỏi Hà Nội!

Ở cương vị cao nhất Đảng, chịu trách nhiệm về đường lối, chính sách và bao công việc quan trọng trước toàn dân, thế mà vào lúc khẩn trương nhất, ông đã “cưỡi đầu sóng ngọn gió”, đi vào nơi nguy hiểm trước giờ chủ động nổ súng đánh địch, để đôn đốc và tận mắt thấy cán bộ, nhân dân Thủ đô chuẩn bị kháng chiến như thế nào!

Ông Mười Hương dời khỏi Hà Nội, khi thành phố đã lên đèn. Đúng 19 giờ 55 phút, từ phía Hà Đông, ông Mười Hương nghe thấy tiếng súng nổ dữ dội từ pháo đài Láng của ta bắn vào Thành, nơi quân Pháp đóng. Đèn thành

phố tắt phụt. Công nhân ta đã đặt mìn phá nhà máy đèn Yên Phụ. Toàn thành phố tối om!

Thế là cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp của ta bắt đầu. Ngay tối hôm đó, đài phát thanh của ta đã chuyển vào hang núi Trầm, ở Hà Đông, phát đi Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Bác Hồ:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kỳ người già, người trẻ. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc.

Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm. Không có gươm thì dùng cuốc thuổng gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước. Nhưng với lòng kiên quyết hy sinh, dù phải gian lao kháng chiến, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Hồ Chí Minh

## XVIII

Sau một thời gian di chuyển, tất cả các cơ quan thuộc Trung ương Đảng, Chính phủ, Mặt trận... đều đóng rải rác trong ATK, thuộc đất các huyện Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương (Thái Nguyên); Sơn Dương, Yên Sơn, Chiêm Hóa (Tuyên Quang); Chợ Đồn (Bắc Cạn). Đất huyện Định Hóa là vùng trung tâm của ATK, có thể gọi là “Thủ đô” kháng chiến, toàn rừng núi trùng trùng điệp điệp, hầu hết là đồng bào dân tộc, người thưa thớt, đi lại khó khăn.

Bác Hồ ở và làm việc ở Khuôn Tát (thuộc vùng Núi Hồng, có đèo De). Trụ sở của Tổng Bí thư Đảng ở Nà Môn, gần Khuôn Tát. Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tư lệnh đóng ở Khẩu Quắc. Tỉn Keo là nơi Bộ Chính trị họp, đưa ra những quyết định trọng đại, có tác động đến vận mệnh đất nước, như cuộc họp của Bác và Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Ông Mười Hương theo Văn phòng Tổng Bí thư, lúc đó đồng chí Lê Văn Lương làm Chánh Văn phòng và vẫn có trách nhiệm giúp đỡ cơ quan in sách, Báo Sự Thật và phân phối phát hành đi các nơi.

Từ tháng 2-1947, trên báo Sự Thật, 10 ngày ra một số, dựa trên ý kiến Ban Thường vụ Trung ương đã bàn và đã nhất trí quyết định về cuộc kháng chiến, đồng chí Trường Chinh đã viết một loạt bài liên tiếp, giải thích về đường lối kháng chiến của ta: “Chúng ta đánh ai?”; “Đánh để làm gì?”; “Tính chất cuộc kháng chiến của ta”; Những khó khăn của ta và của Pháp”; “So sánh hơn thua”; “Phát động phong trào dân quân”; “Xây dựng lực lượng vũ trang”; “Động viên toàn dân”... nhằm giúp cho các Đảng bộ, cán bộ và nhân dân nắm vững đường lối, chính sách kháng chiến, hướng dẫn thực hiện, đề ra những khó khăn, trở ngại và tin

tưởng vào thắng lợi cuối cùng. Vào dịp kỷ niệm năm thứ hai ngày Nam bộ kháng chiến 23/9/1947, những bài báo này được tập hợp, chỉnh lý, bổ sung in thành sách *Kháng chiến nhất định thắng lợi* phát hành rộng rãi.

Đồng chí Lê Văn Lương viết mấy bài về cuộc kháng chiến ở Nam bộ, những kinh nghiệm về chiến tranh du kích ở trong đó, vì ông mới từ Nam bộ ra.

Ông Mười Hương và bộ phận in ấn, phát hành đã tích cực phục vụ công tác làm báo, xuất bản sách...

Lúc đó, tác phẩm *Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi* trở thành sách gối đầu giường đối với nhiều cán bộ lãnh đạo chính trị và quân sự của ta. Đọc trong đó, ông Mười Hương thấy nhiều tư tưởng lớn quyết định đến vận mệnh của dân tộc, có cả những điều mà ông được nghe đích thân đồng chí Trường Chinh nói ở trên lầu căn nhà 47 Hàng Chuối.

Lên Việt Bắc vài tháng, khoảng tháng 5/1947, đồng chí Lê Văn Giăng được đồng chí Trường Chinh cho đi làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Khu 14, tức là Khu Tây Bắc gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu.

Các đồng chí Xuân Trường, Thép Mới, Quang Đạm được điều về tăng cường cho Văn phòng. Có lúc thêm đồng chí Đinh Nho Liêm, nhưng chỉ thời gian ngắn lại trở về Hà Tĩnh, vì ốm.

Ở vùng rừng núi, mọi thứ đều thiếu thốn khó khăn, ăn uống rất kham khổ, thêm bệnh sốt rét rừng, hầu như ai cũng bị, làm hao mòn sức khỏe mọi người. Hàng ngày, buổi sáng, buổi chiều ai ai cũng tham gia khai phá đất hoang ngay chỗ cơ quan đóng, trồng rau để cải thiện bữa ăn. Mọi khó khăn không cản trở tinh thần hăng say công tác của mọi người.

Ông Mười Hương thấy đồng chí Trường Chinh rất bận, hay phải đi họp với các nơi, ở nhà thì làm việc tới khuya, nhưng vẫn giữ thói quen đọc sách, nghiên cứu. Ngoài sách từ Hà Nội mang theo (ông Mười Hương đã có ý thức nhắc nhở đôn đốc anh em cố mang những sách kinh điển Mác, Ăng-ghe-n, Lên-in), báo chí hàng ngày từ miền xuôi gửi lên, nay thêm nguồn từ Trung Quốc gửi về. Văn phòng có một bộ phận phiên dịch do ông Minh Tranh (em ông Khuất Duy Tiến) phụ trách.

Sách kinh điển tiếng Pháp, đồng chí Trường Chinh tự đọc; còn sách tiếng Trung Quốc như cuốn *Liên hiệp Chính phủ luận* đồng chí Trường Chinh giao cho cụ Lê Nhuận Chi; cuốn *Bàn về giai đoạn mới* thì giao ông Quang Đạm; cuốn *Trì Cửu chiến* (bàn về Đánh lâu dài của Mao Trạch Đông) giao cho đồng chí Lê Văn Giảng dịch...

Đồng chí Trường Chinh tranh thủ mọi lúc để trao đổi với các nhà văn, nhà báo đang công tác gần Văn phòng, về cách viết tiếng Việt làm sao cho trong sáng, người đọc dễ hiểu, dễ nhớ và nhất là tránh dùng từ nước ngoài, để phục vụ cho việc viết Báo Sự Thật

Báo Sự Thật ngày càng tiến bộ cả về nội dung và hình thức, vì có thêm nhiều người: như họa sĩ Phan Kế An, nhà trình bày Nguyễn Thọ, nhà khắc gỗ Phạm Tăng minh họa làm cho bài viết thêm sinh động; lại có thêm những cây bút khá như Địch Dững, Trần Đình... Nhà văn Nam Cao cũng gửi những bài ký sự đầu tiên về cuộc kháng chiến, đăng lên báo.

Thôi Hữu, nhà văn, nhà báo có tài, mất vào lúc tờ Sự Thật làm tròn nhiệm vụ lịch sử, ra những số cuối cùng. Thật là một mất mát đáng tiếc!

Ngày 25/4/1947, Chính phủ ta vì mục đích hòa bình và nhân đạo gửi một bức thư cho Chính phủ Pháp, qua Bolaert, Thượng sứ của Pháp ở Đông Dương, đề nghị đình chiến để

mở một cuộc đàm phán giảng hòa giữa hai bên. Bức thư này do Bộ trưởng Ngoại giao Hoàng Minh Giám ký, được Hội đồng Chính phủ duyệt.

Ngày 11/5/1947, Bolaert phái Paul Mus làm đại diện để gặp Hồ Chủ tịch và Bộ trưởng Hoàng Minh Giám. Buổi gặp gỡ tổ chức vào chiều tối ở một ngôi nhà đang phá dỡ dang, vì thị xã Thái Nguyên vừa bị nhân dân tự phá hết nhà cửa, để chuẩn bị kháng chiến. Công tác đội có nhiệm vụ bảo vệ đưa Bác từ ATK đến Thái Nguyên, còn khi Bác gặp Paul Mus, thì Bí thư Tỉnh ủy Nhị Quý (Ngô Ngọc Tín) và Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến tỉnh Thái Nguyên Lê Trung Đình, ngồi ngay phòng bên bảo vệ.

Ngay sau cuộc gặp này, ngày 22/5/1947, Thường vụ Trung ương có chỉ thị gửi cho các cấp thông báo nội dung cuộc gặp gỡ.

Paul Mus đại diện cho Bolaert phát biểu: Pháp công nhận nước Việt Nam thống nhất và độc lập, nhưng Việt Nam phải chịu những điều kiện dưới đây:

- 1) Nộp vũ khí cho quân đội Pháp.
- 2) Để quân đội Pháp đi lại và động binh tự do khắp nơi trên đất Việt Nam.
- 3) Giao trả những lính Pháp hay lính lê dương đảo ngũ chạy qua phía Việt Nam.
- 4) Tha những người Pháp và Việt Nam thân Pháp do Chính phủ Việt Nam giam giữ...

Chỉ thị viết: "Xem đó, bọn phản động Pháp thật tham lam hỗn xược. Chúng định bắt ta đầu hàng nhục nhã mà nuốt cái bánh vẽ độc lập và thống nhất giả tạo. Cố nhiên Chính phủ ta cự tuyệt.

Đại diện Bolaert nói miệng, không có công hàm và hứa có thư của Boola xác nhận những điều kiện y nói trên.

Ta đang đòi thư chính thức trả lời của Chính phủ Pháp về việc Chính phủ ta đề nghị đình chiến, thì có tin từ Sài Gòn phát đi “Mặt trận liên hiệp quốc gia” thành lập. Theo đài của Pháp thì Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Trường Tam, Nguyễn Hải Thần và cả Bảo Đại cũng tham gia Mặt trận đó. Tin này chưa lấy gì làm đích xác, nhưng chính thực dân Pháp phóng ra tức là có ý đe dọa Chính phủ ta rằng, nếu không nhận những điều kiện của chúng, thì chúng sẽ vượt qua đầu mà dàn xếp với bọn khác.

Dù sao tin trên kia cũng chỉ rõ ra một sự thật thực dân Pháp định dùng mưu lừa gạt dân ta và dư luận bên Pháp, chúng đang vơ vét những phần tử phản động để lập một mặt trận chống Việt Minh và chống cộng sản, rồi đánh đến một mức nào đó, chúng sẽ lập một chính phủ bù nhìn toàn quốc chống Việt Minh, chống cộng sản, mở một cuộc đàm phán với bọn đó, đặt cho bọn đó những điều kiện bán nước. Cũng có thể chúng mở đàm phán với bọn bù nhìn kia và mời Chính phủ ta tham dự. Khi ấy nếu Chính phủ ta từ chối, chúng sẽ bảo Chính phủ ta không thành thực hòa bình, là “hiếu chiến”, là “khát máu” và nếu Chính phủ ta cử đại biểu đi tham dự thì tự nhiên mất quyền chủ động và giống như không còn là Chính phủ hợp pháp của nước Việt Nam nói chuyện với Chính phủ Pháp nữa.

Thái độ của nhân dân ta và Chính phủ ta là: Kiên quyết giành cho được độc lập và thống nhất. Nếu Pháp không công nhận ta độc lập và thống nhất thì ta tiếp tục kháng chiến đến toàn thắng mà thôi...

Thực dân Pháp có thể mua chuộc một bọn bán nước làm cái trò hề bù nhìn, nhưng chúng sẽ thất bại đau đớn. Vì nước Việt Nam và dân Việt Nam ngày nay khác trước xa. Vô luận chúng dùng cách gì cũng không khắc phục được hay lừa bịp nổi.

Pháp muốn giải quyết vấn đề Việt Nam thì chỉ có một cách là thẳng thắn mở cuộc đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh và công nhận Việt Nam thống nhất và độc lập thật sự trong khối Liên hiệp Pháp...”.

Sau đó, Bôla đọc bài diễn văn tại thị xã Hà Đông, trong đó có hai điều đáng chú ý:

Một là, thực dân Pháp không công nhận nước Việt Nam độc lập và thống nhất, mà chỉ công nhận Việt Nam “tự do trong khối Liên hiệp Pháp”. “Tự do” theo kiểu Bôla, tức là “tự trị”.

Hai là, thực dân Pháp không công nhận Chính phủ Hồ Chí Minh thay mặt chính thức cho nước Việt Nam.

Như thế là lập trường của thực dân Pháp lúc này đối với ta còn phản động hơn cả hồi Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946.

Thái độ của thực dân Pháp càng tỏ ra chúng tham lam, gian dối, khiêu khích, cố chấp, ương ngạnh, trịch thượng. Thái độ ấy chỉ làm cho dân tộc Việt Nam căm ghét và thế giới dân chủ cười thêm.

Được tăng viện thêm quân, đầu tháng 10/1947, giặc Pháp mở cuộc tiến công mùa Đông bằng những cuộc nhảy dù và đổ bộ sau lưng quân ta, bằng những cuộc hành quân đánh thẳng vào Việt Bắc, chiếm đóng các thị xã gần cách Việt Bắc và miền xuôi, với ý đồ:

*Về quân sự:*

Đánh căn cứ địa chính của ta; tìm quân chủ lực của ta để hồng tiêu diệt; tập kích các cơ quan, bắt cán bộ và tài liệu, phá kho tàng, xưởng máy của ta; bao vây vùng Việt Bắc và cản trở việc giao thông liên lạc, tiếp tế giữa Việt Bắc và miền xuôi và giữa Việt Bắc với ngoài.

*Về chính trị:*

Lập một vài chiến công “nổi tiếng” để củng cố lòng tin của các phái đảng người Pháp chủ chiến và do đó, để



vận động tuyên cử bên Pháp hôm 19/10/1947 tới đây; nhân những thắng lợi về quân sự mà xúc tiến việc thống nhất các lực lượng “phản kháng chiến” ở Việt Nam và tiến tới lập chính phủ bù nhìn toàn quốc; cố chiếm đóng vùng biên giới để gạ gẫm câu kết với các lực lượng phản động trên đất Tàu.

*Về kinh tế:*

Phá hoại mùa màng, cướp bóc thóc lúa; triệt đường ngoại thương tiếp tế của ta..

Vào thời điểm này, có mấy sự kiện mà ông Mười Hương không bao giờ quên.

Từ thực tiễn đi vào kháng chiến đồng chí Trường Chinh thấy khả năng đóng góp cho cách mạng của anh em trí thức như Lê Văn Giảng, Quang Đạm... ông đề nghị với Ban Thường vụ Trung ương ra thông tri cho các tỉnh chọn những thanh niên có bằng tú tài trở lên đưa lên Việt Bắc tham gia lớp huấn luyện tập trung của Trung ương, gọi là Trường ngoại ngữ, thực ra là trường Cao học đầu tiên. Lúc khai giảng trường đóng ở bản Thành Cốc, cách thị xã Tuyên Quang khá xa, trung tuần tháng 7/1947, chuyển đến ngôi nhà sàn to nhất của cụ Chu Văn Mãi xóm Cây Thị (nay thuộc xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) cách chân Đèo Khế trung tâm của chiến khu vài kilômét, do ông Nguyễn Khánh Toàn làm hiệu trưởng.

Trong số học viên này có người đã làm kỹ sư, tốt nghiệp trường Đại học Luật hoặc công chức cao cấp..

Chiều ngày 5/10/1947, Hiệu trưởng Nguyễn Khánh Toàn mời đồng chí Trường Chinh đến giảng bài về Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử, để tạo cho anh em trí thức chuyển biến về ý thức hệ, xây dựng niềm tin vào cuộc kháng chiến đang tiến hành và cuộc cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo nhất định thắng lợi. Ông Thép

Mới có tham dự lớp học này kể lại một sự kiện đáng ghi vào lịch sử.

Vừa vào tiết giảng thứ hai, thì 4 chiếc máy bay Xpích-phai đến bay lượn trên bầu trời Yên Lãng, chắc chắn có chỉ điểm, chúng thả bom và lao xuống bắn dữ dội hàng tràng đạn vào lớp học làm nhà sàn bốc cháy, tường đổ từng mảng. Giảng viên và học viên lao ra ngoài tránh bom, đạn. Đồng chí Trường Chinh nép vào một mô đất có bụi cây, hai học viên nằm phủ lên ông, lấy thân mình che đạn cho Tổng Bí thư của Đảng. Một trong hai “Lê Lai” thời kháng chiến chống thực dân Pháp, bị trúng đạn và hy sinh. Đó là Phạm Đức Khang, Bí thư chi bộ nhà trường, sinh viên khoa học, con một vị quan trong chế độ cũ, tham gia phong trào cách mạng từ hồi Mặt trận Dân chủ 1936-1939 ở Nam Định. Hành động dũng cảm đó thể hiện lòng yêu quê hương đất nước không chỉ dành riêng cho ai, giới nào. Đây là đặc điểm của cả một dân tộc kiên cường trong cả quá trình lịch sử lâu dài chống ngoại xâm, bảo vệ quyền làm chủ đất nước.

Khi máy bay địch đã đi xa, nhà sàn làm lớp học bị cháy rụi. Giữa cảnh tan hoang, không tránh khỏi hoang mang dao động trong học viên. Tuy nhiên, ai nấy đều thương tiếc 6 sinh viên hy sinh, trong đó có Phạm Đức Khang. Đồng chí Trường Chinh vô cùng xúc động, nhưng rất bình tĩnh, tự ông đứng ra tổ chức mọi người giải quyết hậu quả trận đánh phá của địch. Chính đồng chí cùng anh em khênh xác người chết và bị thương, với kinh nghiệm dày dặn những lúc gian nguy, đồng chí chỉ ra những việc cần làm, trước hết phải cấp cứu những người đang bị thương, chuyển ngay đi Quân y viện gần đó và tổ chức lại lớp học, làm thế nào hoàn thành khóa học có kết quả tốt.

Đồng chí giao trách nhiệm cho Trung đoàn Thủ đô đóng gần đó, đã chạy đến giúp đỡ lớp học, phải chia sẻ

chăn màn, quần áo cho học viên, cấp cứu săn sóc người bị thương và mai táng người chết.

Ngay đêm đó, đồng chí Trường Chinh họp với Ban Giám hiệu làm mọi việc để khóa học kết thúc tốt, đạt mục tiêu do Trung ương đề ra. Và sáng hôm sau, đồng chí Trường Chinh cùng Ban Giám hiệu họp với toàn thể học viên bên cánh rừng gần trường, đồng viên toàn thể quyết tâm hoàn thành với kết quả cao khóa học.

Cơ quan của Trung ương đóng cách xa lớp học khoảng trên 20km.

Đêm đó, được tin máy bay địch ném bom bắn phá lớp học, các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương bảo ông Mười Hương và Công tác Đội phải tổ chức ngay việc đón đồng chí Trường Chinh về cơ quan. Không một phút nghỉ ngơi, đồng chí Trường Chinh ghi ngay một số ý kiến để văn phòng thảo thành một Thông tri của Trung ương gửi các địa phương về kinh nghiệm đề phòng, đối phó và giải quyết hậu quả những trận ném bom, bắn phá của giặc Pháp bằng máy bay, vì chắc chắn chúng sẽ còn tăng cường phá ta bằng cách này. Toàn dân phải nâng cao cảnh giác tuyệt đối thực hiện “ba không” trong chiến khu, làm cho địch có mắt như mù, có tai như điếc, có bản đồ mà không biết đường đi. Nhân dân trong ATK có ý thức giác ngộ cao đã nghiêm chỉnh triệt để thực hiện những khẩu hiệu đã đề ra nhằm bảo vệ các cơ quan đầu não của Đảng, Chính phủ và Mặt trận, quân đội.

Ngày hôm sau, đồng chí Trường Chinh lại đi dự cuộc hội nghị thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam ở Đại Từ, do Trung ương giao cho đồng chí Tố Hữu chuẩn bị. Ông Mười Hương tháp tùng đồng chí Trường Chinh gặp lại nhiều bạn bè quen biết trong Văn hóa Cứu quốc như Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Công Mỹ (anh ruột ông Lê Văn Lương); gặp cả ông Nguyễn Sơn, cụ Ngô Tất Tố...

Đồng chí Trường Chinh vào cuộc họp rất bình thản như không có việc gì xảy ra hôm trước. Đồng chí không muốn anh em văn nghệ biết chuyện đồng chí bị gặp nạn, để tránh lộn bàn làm lạc mục tiêu của hội nghị.

Xong bữa cơm trưa, Tỉnh ủy Thái Nguyên mời đồng chí Trường Chinh nghỉ ở nhà một cơ sở, ông Thép Mới tranh thủ kể lại rành mạch mọi chi tiết về sự bình tĩnh ứng phó trước sự kiện đau buồn và tình thương của đồng chí Trường Chinh đối với anh chị em sinh viên. Ông Nguyễn Sơn chăm chú lắng nghe, tỏ niềm thán phục. Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng trầm ngâm suy nghĩ; còn ông Nguyễn Công Mỹ nói lên cảm xúc của mình, nên văn học tiến bộ thế giới gọi đó là “chủ nghĩa anh hùng cách mạng”.

Vừa họp xong, ô tô của quân sự đã chờ sẵn để đưa đồng chí Trường Chinh lên thị xã Bắc Cạn, giảng bài cho trường Võ bị lục quân Trần Quốc Tuấn.

Sáng sớm ngày 7/10/1947, giặc Pháp mở đầu cuộc tiến công vào Việt Bắc bằng cuộc nhảy dù xuống ngay cạnh trường, nơi đồng chí Trường Chinh đang nghỉ và chiếm thị xã Bắc Cạn. Học sinh trường Võ bị tổ chức kịp thời cuộc chiến đấu, diệt ngay 80 quân nhảy dù. Còn đồng chí Trường Chinh bình tĩnh, mưu trí, chủ động, xác định đi theo hướng Tây, lách qua đồi cao có nhiều cây cối, vượt khỏi vùng có dân chúng xôn xao, nấp vào một ngách hầm sâu, vắng. Trong hầm chỉ có một bà mẹ đang ôm con nhỏ, thái độ rất run sợ. Người cận vệ của đồng chí bị lạc và hy sinh do đạn lạc. Đồng chí an ủi bà mẹ và khuyên đừng quá sợ hãi, hãy bình tĩnh ôm ấp cháu, đừng để cháu sợ và khóc. Ngoài cửa hầm đã có tiếng la hét của lính Tây gom bắt đồng bào, nhưng chúng không phát hiện ra hầm đồng chí Trường Chinh đang ẩn nấp. Địch tiến hành lùng bắt cán bộ và dân chúng cả ngày. Hôm đó cụ Nguyễn Văn Tố hy sinh anh dũng trước mũi súng của giặc Pháp ở Bắc Cạn.

Cả một ngày dài chờ đợi, trời dần tối, đêm không có trăng, đồng chí Trường Chinh lắng nghe động tĩnh, thấy đã yên yên. Đồng chí cởi chiếc áo đang mặc, khoác cho cháu bé vì cháu vừa đói, lại ngấm lạnh, giúp cho người mẹ ôm con định hướng thoát thân. Còn đồng chí theo đường dốc, xuống khe suối, rồi lần theo đường rừng, ra khỏi vòng vây của địch. Sáng sớm hôm sau, đồng chí nhập vào đoàn dân tản cư chạy giặc, tìm gặp du kích thị xã để bắt liên lạc với Thị ủy và Tỉnh ủy Bắc Cạn. Nguyễn Tấn Đạt đội viên đội Du kích Bắc Cạn là người đã dẫn đồng chí Trường Chinh về gặp lãnh đạo Thị ủy và Tỉnh ủy Bắc Cạn. Qua cuộc này, đồng chí hiểu được tâm tư tình cảm của người dân đối với cuộc kháng chiến, sức chịu đựng của người dân trước muôn vàn khó khăn và chết chóc.

Tham gia Hội nghị của tỉnh để bàn kế hoạch đối phó với địch, đồng chí góp ý kiến với các đồng chí lãnh đạo địa phương kế hoạch và cách tiến hành chiến đấu trong lòng địch, tiến hành chiến tranh nhân dân và phối hợp tác chiến với các địa phương bạn; lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất cải thiện đời sống nhân dân; động viên, trông nom săn sóc nhân dân, khắc phục những hậu quả của chiến tranh... nhằm phá tan âm mưu thâm độc của địch đánh vào căn cứ địa, nơi có cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ đang đóng.

Tại Văn phòng Trung ương, khi nghe tin địch nhảy dù xuống Bắc Cạn, Tổng Bí thư lại đang có mặt ở đó, ai nấy đều băn khoăn lo lắng. Đồng chí Hoàng Quốc Việt có sự trợ giúp của đồng chí Lê Văn Lương đứng ra quán xuyến mọi việc. Để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho Bác Hồ, đồng chí Hoàng Quốc Việt cử người bảo vệ riêng của ông sang tăng cường lực lượng bảo vệ Bác Hồ; điều ông Thép Mới về Văn phòng; giao trách nhiệm cho ông Trần Triệu thay ông Mười Hương làm Trưởng ban Giao thông - Liên lạc

của Văn phòng Trung ương, nhằm bảo đảm đường dây liên lạc chỉ đạo từ Trung ương xuống các Liên Khu, Khu; chuẩn bị kế hoạch di dời cơ quan.

Mấy hôm đó, đồng chí Hoàng Quốc Việt và toàn cơ quan bồn chồn, lo lắng đợi tin về đồng chí Trường Chinh. Bên Chính phủ, đồng chí Lê Văn Hiến được tin không chính thức là có đồng chí lãnh đạo cao cấp của Việt Minh bị địch sát hại ở Bắc Cạn. Nhận được tin đó, đồng chí Hoàng Quốc Việt khóc nức nở, nói: Có lẽ anh Nhân (bí danh đồng chí Trường Chinh) bị giặc Pháp bắt và giết hại rồi chẳng?

Bác Hồ cũng cho người sang luôn, để hỏi tin về đồng chí Trường Chinh.

Sau đó, từ bên Bộ Tổng Tham mưu, đồng chí Hoàng Văn Thái phái người sang cho biết là bộ đội đã bắt được liên lạc với đồng chí Trường Chinh ở quãng đường rừng dưới Chợ Đồn và trên Nghĩa Tá (thuộc Bắc Cạn). Còn, đồng chí Hoàng Văn Thái vội lên ngựa, cùng một đơn vị nhỏ, đêm ngày vượt đường rừng, núi đi đón đồng chí Trường Chinh.

Hai hôm sau, mới rạng sáng, trời còn đặc sương mù, đồng chí Hoàng Văn Thái đưa đồng chí Trường Chinh về cơ quan Trung ương, đồng chí Hoàng Quốc Việt ôm lấy đồng chí Trường Chinh, ứa nước mắt. Việc đầu tiên, đồng chí Trường Chinh bảo Văn phòng làm ngay là giao cho anh Hoàng Yên Bình, đã quen chữ ông, đánh máy bản dự thảo Chỉ thị *Chúng ta hãy phá tan cuộc tiến công Thu Đông của giặc Pháp*, trong lúc đi đường ông đã viết, gửi các đồng chí trong Ban Thường vụ, xin ý kiến. Còn đích thân đồng chí Trường Chinh cưỡi ngựa sang chào Bác Hồ và trình bản dự thảo Chỉ thị, xin ý kiến Bác, để thành văn bản chính thức.

Sau đó, đồng chí Trường Chinh sang thăm Bác Tôn đang ở bản Bắc, trước khi đi Cao Vân dự lễ bế giảng trường Ngoại ngữ, như đồng chí đã hứa hẹn.

Lên Việt Bắc, chỗ ở của Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo chủ yếu của Đảng thường thay đổi luôn, không bao giờ ở một nơi cố định lâu dài, nhất là mấy năm đầu cuộc kháng chiến. Bác Hồ có bài thơ về chọn nơi xây dựng cơ quan, Công tác Đội theo đó mà làm. Bài thơ như sau:

*Trên có núi, dưới có sông,  
Có đất ta trồng, có bãi ta chơi,  
Tiện đường sang Bộ Tổng,  
Thuận lối tới Trung ương,  
Nhà thường ráo, kín mái,  
Gần dân, không gần đường.*

Từ khi lên Việt Bắc, Chính phủ vẫn giữ vững nề nếp mỗi tháng họp một lần. Tháng 4/1947, Chính phủ có hai tin buồn: Cụ Huỳnh Thúc Kháng từ trần ngày 21/4, vì bệnh ở quê; mấy hôm sau, ông Hoàng Hữu Nam (Phan Bội), Thứ trưởng Bộ Nội vụ đi tắm sông, gần cơ quan, bị nước xoáy cuốn mất.

Khi Cụ Huỳnh mất, Chính phủ ra lệnh làm quốc tang và ngày 29/4/1947, Bác Hồ có thư gửi toàn thể đồng bào. Thư viết:

“Cụ Huỳnh là người mà giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sần gan.

Cả đời cụ Huỳnh không cầu danh vị, không cầu lợi lộc, không thèm làm giàu, không thèm làm quan. Cả đời cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân tộc được tự do, nước được độc lập.

Đến ngày nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập, Chính phủ ta mời cụ ra. Tuy đã hơn 71 tuổi, nhưng cụ vẫn

hăng hái nhận lời. Cụ nói: “Trong lúc phục hưng dân tộc, xây dựng nước nhà, thì bất kỳ già, trẻ, trai, gái ai cũng phải ra phụng sự Tổ quốc...”

Cụ Huỳnh tuy tạ thế nhưng cái chí vì nước, vì nòi của cụ vẫn luôn luôn sống mạnh mẽ trong lòng 20 triệu đồng bào chúng ta...”

Kỳ họp Chính phủ gần nhất, Bác Hồ đề nghị và được Chính phủ chấp thuận, cử Bác Tôn Đức Thắng đảm nhiệm chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ và ông Trần Duy Hưng làm Thứ trưởng thay ông Hoàng Hữu Nam.

Cuối tháng 7/1947, lại có cải tổ Hội đồng Chính phủ, mục đích mở rộng cho nhiều người được tham gia, để tăng thêm đoàn kết, tránh sự chia rẽ của Pháp và để lấy ảnh hưởng với quốc tế.

Đồng chí Tôn Đức Thắng từ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ, nhường cho một vị nhân sĩ yêu nước. Đồng chí Võ Nguyên Giáp từ chức để ông Tạ Quang Bửu làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Bộ Kinh tế ông Bùi Công Trừng ra để đồng chí Cù Huy Cận thay chân. Thêm ông Tôn Thất Tùng làm Thứ trưởng Bộ Y tế. Bộ Canh nông ông Nghiêm Xuân Yêm thay Thứ trưởng. Đặt thêm Bộ Thương binh Xã hội do Bác sĩ Vũ Đình Tụng và Cụ Ngô Tử Hạ phụ trách. Bộ Giao thông ông Lê Dung thay ông Đặng Phúc Thông. Cụ Đặng Văn Hượng, trí thức công giáo ở Khu Tư, một vị cựu quan thanh liêm và có khí tiết làm Bộ trưởng.

Tiếp đó, đầu tháng 11/1947, trong phiên họp Chính phủ cụ Phan Kế Toại được cử giữ chức quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Ngay trong lúc quân Pháp mở chiến dịch vào khu căn cứ của ta, Trung ương quyết định chuyển nơi đóng cơ quan, từ Định Hóa lên Đình Cả - Võ Nhai vẫn thuộc tỉnh Thái Nguyên. Đây là một căn cứ địa rất vững mạnh xây dựng từ

hồi chuẩn bị cuộc Cách mạng Tháng Tám. Bộ phận thuộc Trung ương do đích thân đồng chí Trường Chinh chỉ huy, trong đó có các đồng chí Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, Văn phòng. Bác Tôn đi cùng đoàn này. Còn đoàn đưa Bác Hồ từ Diêm Mạc chuyển tới Vang (thuộc Võ Nhại). Nhưng chỉ một thời gian rất ngắn, lại chuyển về núi Hồng (Định Hóa). Ông Mười Hương luôn đi theo đoàn của Văn phòng Trung ương.

Trên đường trở về, lúc đến Quảng Nạp, đoàn nghỉ chân ở một nhà đồng bào. Bác Tôn nói chuyện vui với anh em trong đoàn:

- Các đồng chí có biết tại sao chúng ta cứ phải hành quân theo kiểu “chéo cẳng ngỗng” như thế này không?

Lần đầu tiên ông Mười Hương nghe cụm từ “chéo cẳng ngỗng” rất Nam bộ của Bác Tôn. Bác Tôn từ tốn nói tiếp:

- Chỉ tại cái thằng chó chết Salan đó thôi! Chúng nó cậy có nhiều máy bay, súng ống do Mỹ tiếp viện cho, tung quân lên Việt Bắc hùng đánh thẳng vào cơ quan đầu não của ta. Nhưng quân và dân ta đánh mạnh trên đường số 4, trên sông Lô và Chiêm Hóa, trên mọi ngã đường Việt Bắc, chúng sẽ phải chuốc lấy thất bại thôi. Chúng ta hành quân đi tới đi lui như thế này cũng là để làm lạc hướng sẵn lòng của giặc Pháp quý quýệt đó, các đồng chí ạ!

Bên bếp lửa nhà sàn của đồng bào người dân tộc, ông Mười Hương và ông Thép Mới ngỏ ý Bác kể lại chuyện kéo cờ trên biển Đen, một hành động anh hùng, vừa mang tính quốc tế nổi tiếng, vào lúc Bác Tôn mới ở tuổi 30. Đôi mắt hiền từ của Bác đắm chiêu, nhìn vào bếp lửa hồng ấm cúng. Bác chậm rãi kể lại:

- Câu chuyện của tui chẳng có gì ly kỳ lắm đâu, các đồng chí ạ. Rạng sáng ngày 19/4/1919, chiến hạm France trong hạm đội của Pháp lọt vào biển Đen. Ủy ban cách

mạng trên tàu gồm toàn thủy thủ của Pháp, người to con, bụng bự. Chỉ có tui đang làm thợ máy trên tàu, là người Việt Nam, người tầm thước, chắc đậm, nhỏ con và nhanh nhẹn. Ủy ban cách mạng đã có lệnh bí mật truyền đi: Chiến hạm mình phải làm binh biến, kéo cờ đỏ lên, làm hiệu lệnh cho toàn thủy thủ trên chiếm hạm, nhưng cũng là để báo hiệu cho phía Hồng quân Xô viết biết, phía ta là bạn, ủng hộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa của Nga, chứ không là đối phương địch thủ!

Khi bàn cử người treo cờ, tui xung phong, được tập thể chấp nhận. Tui leo lên boong tàu, bò tới chân cột cờ, tìm cách móc được lá cờ đỏ vào đó, buộc dây rồi kéo lên. Đơn giản chỉ có thế thôi. Nhưng phải làm thật lẹ, trước khi có cuộc mít tinh của toàn thể thủy thủ và sĩ quan trên tàu.

Bác Tôn không muốn kể nhiều về mình. Bác chỉ nói với mọi người ngồi nghe:

- Ở vào địa vị của tui lúc đó, thanh niên như các anh ai ai cũng có thể làm được một việc gì đó, dù nhỏ để tỏ lòng cảm tình với cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga, có phải không các bạn..

Địch thất bại nặng trong chiến dịch Thu Đông đánh vào Việt Bắc, hơn 5 nghìn tên vừa bị chết, bị thương, trong đó nhiều sĩ quan cao cấp, mất nhiều vũ khí. Còn ta, đã đánh địch, thắng lớn trên sông Lô, Chiêm Hóa, Thất Khê, Phủ Thông, Đèo Giàng, Phục Linh, Đèo Khế...; bảo vệ được quân chủ lực, giữ gìn được cán bộ, đuổi địch ra khỏi phần lớn đất Việt Bắc.

Ngay sau chiến thắng này, giữa tháng 1/1948, Hội nghị Trung ương họp mở rộng để đánh giá thắng lợi phá âm mưu của địch và quyết định những công tác mới. Ban Chấp hành Trung ương được bổ sung thêm 4 đồng chí là: Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Lê Văn Lương, Trần Hữu Dực.

Kết thúc Hội nghị Trung ương, Hội đồng Chính phủ họp các ngày 17 – 19/1/1948 quyết định một số việc về ngân sách tài chính, nhân sự và phong quân hàm cho một số tướng lĩnh. Ngay hôm sau Hồ Chủ tịch ký sắc lệnh phong hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp; Trung tướng cho đồng chí Nguyễn Bình; Thiếu tướng cho các đồng chí Nguyễn Sơn, Hoàng Văn Thái, Hoàng Sâm...

## XIX

Đầu năm 1948, ông Mười Hương chính thức bàn giao công việc trong ATK Định Hóa cho ông Trần Triệu, ông được điều động sang công tác bên Đảng Đoàn Chính phủ, cụ thể là giúp việc Bác Tôn đang làm Bí thư Đảng đoàn. Sau Hội nghị Trung ương tháng 1/1948, Trung ương và Chính phủ giao cho Bác Tôn, Ủy viên Trung ương Đảng, làm Trưởng ban Trung ương vận động Thi đua toàn quốc. Ông Hoàng Đạo Thúy được cử giữ chức Tổng thư ký Ban Thi đua Trung ương.

Nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thư kêu gọi toàn thể đồng bào hưởng ứng phong trào Thi đua yêu nước:

“Nước ta kinh tế lạc hậu, nhưng lòng yêu nước và chí quật cường chẳng kém ai.

Nay muốn tự cấp, tự túc, đi kịp người ta, thì chúng ta phải thi đua.

Vì vậy, sĩ, nông, công, thương, binh, gái trai, già trẻ, toàn thể quốc dân ta, vô luận ở địa vị nào, làm công việc gì, phải ra sức tham gia cuộc *thi đua yêu nước*, tức là tăng gia sản xuất.

Như thế thì: Kháng chiến nhất định thắng lợi  
Kiến quốc nhất định thành công.

*Hồ Chí Minh*”

Nhân dịp kỷ niệm 1.000 ngày kháng chiến toàn quốc, ngày 11/6/1948, Bác Hồ lại ra lời kêu gọi, nêu rõ tình hình địch và ta; đẩy mạnh cuộc vận động Thi đua ái quốc. Người viết:

... “Cuộc kháng chiến của ta có những điều kiện thuận tiện, xưa nay chưa dân tộc nào có. Từ Nam đến Bắc, cả nước một lòng, quyết chống ngoại xâm, quyết tranh độc lập. Từ Nam đến Bắc, toàn dân nghe theo mệnh lệnh của Chính phủ Trung ương, một Chính phủ do dân cử ra, và kiên quyết kháng chiến đến cùng để tranh thống nhất và độc lập cho Tổ quốc.

Cuộc kháng chiến của ta ngoài những điều kiện có lợi đó, lại được dân chủ thế giới ủng hộ. Vì vậy mà thắng lợi nhất định về tay ta.

Chúng ta lại xét cho rõ tình hình địch và tình hình ta.

Tình hình địch. *Về quân sự* – Chiến lược chớp nhoáng của chúng đã thất bại rồi. Sau 1.000 ngày chiến tranh, chúng đã chết và bị thương mấy vạn người, hao phí mấy triệu bạc. Mà kết quả chỉ tạm chiếm được mấy chỗ thành thị đã tan hoang.

*Về kinh tế*: Ở đây cũng như ở Pháp, kinh tế của chúng đã kiệt quệ, chỉ sống ngắc ngoải vào sự vay nợ các nước.

*Về chính trị*: Những âm mưu chính trị của chúng để chia rẽ sức kháng chiến của ta, đều bị thất bại. Kết quả cùng đường, chúng phải đưa ra một chính phủ bù nhìn ọp ẹp Nguyễn Văn Xuân, một tên nô lệ Pháp mà toàn thể đồng bào đều phỉ nhổ.

Tình hình ta. Sau 80 năm nô lệ, sau cuộc Thế giới đại chiến thứ hai, sau 1.000 ngày bị thực dân Pháp tàn phá,

dân ta không sao khỏi cực khổ gian nan. Tuy vậy, quân sự cũng như chính trị, kinh tế cũng như văn hóa, vật chất cũng như tinh thần, càng kháng chiến dân ta càng tiến bộ và tiến bộ rất mau.

9 phần 10 đất nước vẫn tự do. Quân đội ngày càng mạnh. Nhân dân ta càng đoàn kết. Oai tín Chính phủ ta càng ngày càng vững.

Từ cuộc vận động tăng gia sản xuất và luyện quân lập công, chúng ta đang tiến đến *phong trào Thi đua ái quốc* khắp mọi mặt. Với lòng nồng nàn yêu nước và lực lượng vô cùng tận của nhân dân ta, cuộc Thi đua ái quốc nhất định sẽ thành công to. Vì vậy, mà thắng lợi nhất định sẽ về tay ta.

Chúng ta đủ điều kiện thắng lợi. Chúng ta chắc thắng lợi. Song chúng ta phải biết rằng, càng gần đến thắng lợi thì càng gay go. Mà gay go càng nhiều, thì thắng lợi càng to. Vì vậy, mỗi một người quốc dân phải tẩy sạch cái thói: khi thì quá lạc quan, khi thì quá bi quan. Phải tẩy sạch cái chứng cầu yên, gặp sao hay vậy, muốn ăn quả mà biếng trồng cây.

Mỗi một người dân phải hiểu có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do. Đã đoàn kết ta phải đoàn kết chặt chẽ rộng rãi thêm. Đã cố gắng, ta phải hăng hái mà cố gắng mãi. Mỗi một người phải lấy việc xung phong trong phong trào Thi đua ái quốc là nhiệm vụ thiêng liêng của mình, phải cố làm cho được.

Như vậy, thì kháng chiến nhất định thắng lợi, kiến quốc nhất định thành công.

Chào thân ái và quyết thắng

Hồ Chí Minh”

Bác Hồ thường mời Bác Tôn đến đàm đạo, trao đổi ý kiến, bàn bạc công việc cụ thể, để đẩy mạnh phong trào thi đua.

Từ khi ở căn cứ Võ Nhai về, Bác Hồ và Thường vụ Trung ương đóng trụ sở và nơi ở trên sườn núi Hồng, gần đèo Khuôn Tát và bản Tỉn Keo, thuộc xã Diêm Mạc, Phú Đình, huyện Định Hóa. Ở Tỉn Keo có một chiếc lán khá rộng. Ngoài cửa lán có một cây dâm bụt, do Bác Hồ trồng khi mới tới đây ở. Sau lán có một đường hầm đào xuyên qua đồi Tỉn Keo, thông ra lối đi lên đèo De. Bác Hồ chỉ ở Khuôn Tát và Tỉn Keo chừng mười ngày, rồi lại chuyển đến nơi ở mới là Khuôn Đào thuộc xã Trung Yên, huyện Sơn Dương, Tuyên Quang; sau đó chuyển đến Bản Ca (Bình Trung, Chợ Đồn, Bắc Cạn)..

Khi Bác Hồ chuyển chỗ làm việc và ở, thì Thường vụ Trung ương cũng chuyển theo ở gần Bác. Thường vụ Trung ương thường đóng ở Tỉn Keo, Diêm Mạc, Phụng Hiền. Bác Tôn hay ở bản Bắc và Diêm Mạc.

Bác Tôn có thư trình bày với Bác Hồ về công việc đã làm của Ban Thi đua. Tháng 11/1948, Bác Hồ viết một bức Thư dài gửi “Cụ Tôn Đức Thắng, Trưởng Ban Trung ương vận động thi đua ái quốc”.

Thư viết:

“Về phong trào thi đua ái quốc, tôi rất đồng ý với Cụ là cần phải có cán bộ được huấn luyện hẳn hoi...”

Khu X đã huấn luyện được 34 cán bộ trong 30 ngày. Rất tốt, nhưng họ huấn luyện những gì, học viên là ai?...

Theo thiếu ý của tôi, chúng ta rất cần huấn luyện cán bộ, mà huấn luyện *cán bộ xã trước hết*. Rồi lựa chọn những cán bộ có năng lực nhất, đưa dần lên làm cán bộ huyện, tỉnh và khu.

Đây là vài ý kiến của tôi về cách huấn luyện

Cần có một chương trình thiết thực

Cần có giáo viên có kinh nghiệm

Cán bộ chuyên nghiệp của Ban Thi đua Trung ương lúc đầu chỉ mười người là đủ.

Thời gian huấn luyện độ mười ngày là đủ. Sau tiếp tục mở lớp khác...

Về việc khen thưởng, tôi có vài ý kiến sơ lược như sau:

Mỗi làng, mỗi nhà máy, mỗi ngành, mỗi huyện sẽ cử ra người khá nhất, sau một cuộc kết thúc thi đua sáu tháng. Những người làm được kết quả đặc biệt, thì khen thưởng ngay. Những người này sẽ được bằng khen, gọi là *Chiến sĩ thi đua*.

Mỗi tỉnh, mỗi khu, mỗi ngành trong toàn khu hoặc toàn quốc cử những người giỏi nhất. Những người này sẽ được bằng khen, gọi là *anh hùng thi đua*, do Chính phủ cấp...

Nói tóm lại, cần có chương trình huấn luyện hẳn hoi, cần có ban huấn luyện cho cán bộ xã ở ngay địa phương. Ban đầu số cán bộ chuyên nghiệp, mười người là đủ. Thiếu ý như thế, xin Cụ và Ban Trung ương xét bàn kỹ.

Kính chúc Cụ mạnh khỏe và gửi Cụ lời chào thân ái và quyết thắng.

Hồ Chí Minh”

Cuối năm 1948, ông Mười Hương bị sốt rét nặng, có lúc thổ ra máu. Nếu cứ ở rừng, tiếp tục bị muỗi anôphen đốt, thì có thể dẫn đến sốt rét ác tính, nguy kịch đến tính mạng. Trung ương cho ông Mười Hương về Ứng Hòa, Hà Đông thuộc vùng giải phóng của Khu ba, điều trị và an dưỡng.

Trước khi đi dưỡng bệnh, ông Mười Hương đã đến chào Bác Hồ, chào ông Trường Chinh, các ông trong Ban Thường vụ Trung ương, Bác Tôn và bạn bè trong Văn phòng Trung ương. Ai cũng mong ông mau khỏi bệnh, phục hồi sức khỏe để về tiếp tục công tác.

Lúc ông Mười Hương đến chào Bác Tôn, Bác giữ lại chơi với Bác và cho ăn bữa cơm rau với mắm rất ngon, do chị Hai Sóc gửi biếu. Hai bác cháu ngồi nói chuyện với nhau bên bếp lửa nhà sàn. Bác mặc bộ quần áo nâu bà ba giản dị. Ông Mười Hương nhận thấy mái tóc và chòm râu của Bác đã bạc trắng. Năm Mậu Tý này (1948) Bác đã bước sang tuổi 60. Bác cười vui rất đôn hậu, nói với ông Mười Hương, vừa rồi Bác sang thăm Bác Hồ, Bác Hồ tặng cho một cái tên mới là Tôn Tất Thắng. Bác kể xong, rồi cười hà hà tỏ vẻ hài lòng.

Nhờ được về an dưỡng ở vùng đồng bằng, được chăm sóc thuốc, bệnh sốt rét giảm nhanh và sức khỏe của ông Mười Hương dần dần hồi phục.

Đầu năm 1949, biết sức khỏe của ông Mười Hương đã khá, Trung ương có quyết định điều ông về bộ phận do ông Trần Đăng Ninh đang giải quyết vụ H.122, gọi là “vụ Hát xăng vanh đơ”. Thế là ông Mười Hương lại rời vùng đồng bằng Khu ba, đi lên Thái Nguyên, Bắc Giang thuộc Liên Khu Việt Bắc làm việc trong bộ phận do ông Trần Đăng Ninh lãnh đạo.

Vì sao lại gọi là vụ Hát xăng vanh đơ (hát một trăm hai mươi hai)?

Tại căn cứ Liên khu Việt Bắc ngoài các cơ quan thuộc Trung ương, Liên khu ủy Việt Bắc, còn có các trung đoàn quân chủ lực đóng. Đơn vị quân báo của quân đội nhận được “tin mật”, Phòng Nhì của Pháp đã cài được một người mang bí số là H.122 vào cơ quan chỉ huy quân đội ở Việt Bắc.

Sau khi bắt vài người, bộ phận quân báo khai thác tìm ra được người tự nhận mình là H.122. Từ đó, lấy lời cung của những người bị bắt, tự khai mình là người của Phòng Nhì, hoặc là người của Quốc dân Đảng, cài vào trong quân đội để phá hoại; dựa vào những lời cung khai đó dần dần bộ phận quân báo đề nghị cho bắt mấy trăm người thuộc 5



trung đoàn chủ lực đang đóng trên đất Việt Bắc. Rồi những lời cung khai đùng tới cả cán bộ chỉ huy cấp trung đoàn, cán bộ tham mưu Liên khu và đến thư ký Bộ Tổng tư lệnh. Một không khí hoang mang xảy ra trong quân đội, cán bộ trong Liên khu Việt Bắc, căn cứ đầu não của cuộc kháng chiến.

Sự việc trở nên thật nghiêm trọng. Thường vụ Trung ương cử ông Trần Đăng Ninh và một số cán bộ giúp việc trong đó có ông Mười Hương đi kiểm tra, xem xét vụ này.

Bắt đầu từ người tự nhận bí số H.122, là một người giám mã (trông coi ngựa) của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc. Người này nhận đã làm hiệu cho máy bay ném bom, bắn phá xuống vùng của ta bằng cách dùng "một cái khăn trắng". Kiểm tra tận nơi anh ta tự nhận đứng để vẫy khăn làm hiệu cho máy bay, chỉ là một cái sân nhỏ, chung quanh toàn cây cối um tùm, đứng trên cao khó nhìn thấy được. Sự việc sáng tỏ dần.

Đồng chí Trần Đăng Ninh và cán bộ giúp việc gặp đảng viên cộng sản, cán bộ, động viên họ khai lại, khai cho đúng sự thật, thì hầu hết đều nói là bị ép phải nhận là người của phòng Nhì hoặc Quốc dân Đảng.

Sau ba tháng kiên trì, kiên nhẫn làm việc với phương châm thật thận trọng, nghiêm túc với từng người, từng địa điểm cụ thể, đồng chí Trần Đăng Ninh và bộ phận giúp việc kết luận: Không có ai là H.122, không vụ H.122 của Phòng Nhì, cũng không tổ chức Quốc dân Đảng chui vào quân đội ta. Báo cáo được gửi lên Bác Hồ, Ban Thường vụ Trung ương.

Đồng chí Trần Đăng Ninh gặp riêng từng đảng viên, cán bộ bị bắt oan thăm hỏi ân cần, đồng thời cũng phê bình họ không giữ vững tinh thần, chí khí của người cán bộ, đảng viên, khai sai sự thật, gây thêm khó khăn cho Đảng. Các cán bộ, đảng viên được giải oan rất xúc động trước sự giải quyết đúng của Trung ương Đảng và sự chỉ

dẫn ân cần của cấp trên. Gia đình những người bị oan sai cũng rất phấn khởi, vì họ quá lo lắng suốt thời gian người thân bị bắt. Có người bị bắt oan, sau đó gọi đồng chí Trần Đăng Ninh là "bao công" Việt Nam.

Ba tháng làm việc trong đoàn đồng chí Trần Đăng Ninh là một lớp học thực tiễn vô cùng quý giá đối với ông Mười Hương. Trong đó bài học đầu tiên là thái độ của người cán bộ, đảng viên cộng sản phải như thế nào trước mọi tình huống phức tạp, kể cả với kẻ địch và với nội bộ ta, phải luôn luôn tỏ ra kiên cường bất khuất, giữ vững lý tưởng, lòng tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Trong công tác, trong làm việc phải luôn luôn kiên nhẫn, thận trọng, vì lợi ích của nhân dân, của Đảng, coi trọng sinh mạng chính trị của mọi người, không vì động cơ cá nhân, lợi ích cá nhân, vì thành tích mà làm hại người khác. Có thể nói, ông Mười Hương trưởng thành và thêm vững vàng trong những công tác thật phức tạp như thế.

Hoàn thành công tác này, có thể một phần do đồng chí Trần Đăng Ninh kiến nghị, mặt khác do nhu cầu của bộ phận mới thành lập cần được tăng cường, Trung ương có quyết định ông Mười Hương về nhận nhiệm vụ ở Cục Tình báo. Ông về đúng lúc Cục có chủ trương phân tổ chức làm hai bộ phận: một bộ phận trở thành Cục 2; một bộ phận về Công an thành Phòng Điệp báo. Ông Mười Hương làm Bí thư Đảng ủy phụ trách Phòng Điệp báo. Công việc thời gian đầu chủ yếu là xây dựng hệ thống tổ chức, lựa chọn cán bộ, huấn luyện nghiệp vụ...

Cuối năm 1949, Cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô rồi lần lượt các nước Mông Cổ, Dân chủ nhân dân Đông Âu chính thức công nhận nước ta về ngoại giao, tạo thành phe Dân chủ xã hội chủ nghĩa, liền một dải với hơn một tỷ dân, làm lệch cán cân so sánh lực

lượng thế giới, có lợi cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Thế và lực của ta mạnh lên.

Năm 1950, với sự trưởng thành và cố gắng vượt bậc của quân và dân ta, lại có thêm viện trợ thiết thực của các nước anh em, ta thắng to trong chiến dịch Biên giới (tháng 9/1950), quân Pháp buộc phải rút bỏ hàng loạt đồn trên đường số 4. Âm mưu ngăn cách cuộc kháng chiến của ta với các nước phe xã hội chủ nghĩa của thực dân Pháp hoàn toàn phá sản.

Ông Mười Hương không tham gia chiến dịch Biên giới, mà tham gia các chiến dịch tiếp theo là chiến dịch Trung Du (Trần Hưng Đạo) tháng 12/1950 và chiến dịch đường số 18 (Hoàng Hoa Thám) ở Đông Bắc tháng 3/1951. Chủ yếu là làm công tác tình báo thu thập âm mưu và hoạt động của quân đội Pháp, phục vụ cho cơ quan chỉ huy quân sự.

Sau đó, ông Mười Hương được cử đi mặt trận Bình Trị Thiên Khu Tư làm nhiệm vụ kiểm tra và xây dựng tổ chức tình báo tại khu vực này.

Giữa năm 1951, có sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng, ngành Tình báo chiến lược được thành lập, lấy tên là Nha Liên lạc thuộc Phủ Thủ tướng. Lúc mới ra đời, tổ chức dành nhiều thời gian nghiên cứu, học tập, trong đó có kinh nghiệm của các nước bạn, có cán bộ nước bạn sang hướng dẫn.

Thành lập xong tổ chức mới, ông Mười Hương lại được cử đi Bình Trị Thiên và Khu năm để xây dựng và củng cố tổ chức của ngành.

Giữa năm 1953, sau một khóa học về Công tác Đảng của Trung ương, ông được cử đi Khu Tả Ngạn, cho đến khi kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ, ông được triệu về và giao nhiệm vụ mới, bước vào thời kỳ mới vô cùng gian khổ, khó khăn, nhưng cũng tạo cho ông được rèn luyện trong môi trường mới và có thêm những đóng góp với cách mạng, có thể gọi là những kỳ tích để đời.



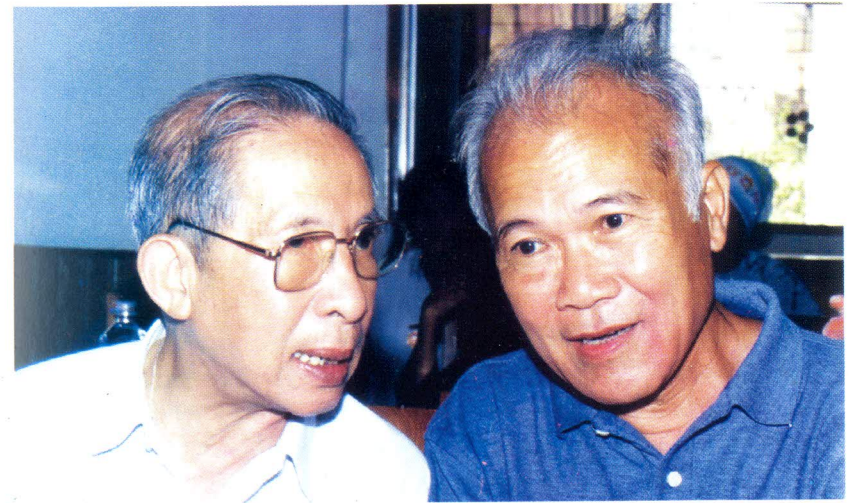
Đồng chí Trần Quốc Hương với Đại tướng Văn Tiến Dũng.



Đồng chí Trần Quốc Hương với đồng chí Tám Cao  
(Tức Đại tướng Mai Chí Thọ).



Đồng chí Trần Quốc Hương với Thủ tướng Phan Văn Khải  
và các đồng chí lãnh đạo thành phố Hồ Chí Minh.



Đồng chí Trần Quốc Hương với đồng chí Sáu Hoàng  
(tức Thượng tướng Cao Đăng Chiếm).

## PHẦN THỨ HAI

### NHIỆM VỤ MỚI, CHIẾN TRƯỜNG MỚI

Ngày 7/5/1954, Quân dân ta đại thắng ở Điện Biên Phủ làm nức lòng nhân dân cả nước ta và bè bạn năm châu bốn biển. Không khí các cơ quan giúp việc Trung ương ở ATK cũng như ở khắp nơi tung bừng hẳn lên ai ai cũng phấn khởi, hồ hởi đón tin thắng trận và chờ đón những thắng lợi quan trọng tiếp theo.

Do thất bại nặng nề ở Điện Biên Phủ và ở các chiến trường khác, cánh thực dân hiếu chiến Pháp và can thiệp Mỹ càng gặp thêm nhiều khó khăn. Phong trào phản chiến ở ngay nước Pháp và trên thế giới lên mạnh. Pháp - Mỹ phải chấp nhận họp bàn với Chính phủ ta ở Genève để giải quyết cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Hàng ngũ quân đội Pháp hoang mang, Bộ Tư lệnh chỉ huy Pháp ở Đông Dương đã buộc phải rút quân khỏi khu phía Nam đồng bằng Bắc bộ, như Nam Định, Ninh Bình... và còn có thể rút thêm nữa. Thực dân Pháp đã kiệt sức và hầu như không còn khả năng tiếp tục đeo đuổi lâu dài cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Giữa lúc Hội nghị Genève đang diễn ra, dưới áp lực của Mỹ có sự đồng tình thỏa thuận của Pháp, ngày 16/6/1954 Bảo Đại phải ký sắc lệnh cử Ngô Đình Diệm đang lưu vong nương tựa ở một nhà Thiên chúa trên đất Mỹ, về làm Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng và Nội vụ. Cũng ngày hôm ấy tại lâu đài Thorence miền nam nước Pháp Ngô Đình Diệm tuyên thệ nhậm chức và hứa hẹn "trung thành" với Quốc trưởng Bảo Đại. Đây là âm mưu của Mỹ chuẩn bị cho con bài Ngô Đình Diệm thay thế Bảo Đại và để quốc Mỹ sẽ thế chân Pháp trực tiếp can thiệp và nắm lấy Việt Nam và Đông Dương.

Ngày 15/7/1954, trước khi ký kết Hiệp định Genève năm ngày, Hội nghị lần thứ Sáu của Ban Chấp hành Trung ương họp. Báo cáo của Hồ Chủ tịch và Trung ương trước Hội nghị nói rõ thực dân Pháp không còn khả năng theo đuổi được cuộc chiến tranh xâm lược nước ta và Đông Dương, nhưng đế quốc Mỹ đang tìm hết cách để phá Hội nghị Genève, vẫn ngoan cố đẩy tới việc thành lập “khối phòng thủ Đông Nam Á”. Mỹ là kẻ thù chính của hòa bình thế giới và “đang biến thành kẻ thù chính và trực tiếp, mũi nhọn của ta phải chĩa vào đế quốc Mỹ. Từ nay đến khi thực hiện hòa bình, ta vẫn tiếp tục đánh Pháp. Nhưng mũi nhọn của ta cùng mũi nhọn của thế giới đều chĩa vào Mỹ”... Trước tình hình mới hiện nay, ta không thể giữ cương lĩnh cũ, khẩu hiệu trước của ta là “kháng chiến đến cùng”, nay vì tình hình mới ta cần nêu khẩu hiệu mới là “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ”.

Dựa vào báo cáo “Tình hình mới và nhiệm vụ mới” của Bác Hồ, Hội nghị Trung ương đề ra ba nhiệm vụ:

- 1) Tranh thủ và củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong cả nước.
- 2) Tăng cường lực lượng quân sự, xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh, thích hợp với yêu cầu mới.
- 3) Tiếp tục thực hiện người cày có ruộng, ra sức phục hồi sản xuất, chuẩn bị điều kiện kiến thiết nước nhà...

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Genève được ký kết, chấm dứt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của nhân dân ta.

Bản Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị ghi rõ “Các bên tham gia hội nghị thừa nhận về nguyên tắc sự độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; trong hai năm, hai miền sẽ hiệp thương để tổng tuyển cử thống nhất cả nước, quyết định lấy vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân

sự tạm thời ở Việt Nam”. Nhưng, phái đoàn của Mỹ từ chối không ký vào bản tuyên bố chung đó.

Bộ phận tình báo chủ yếu phục vụ cho các chiến dịch quân sự của ông Mười Hương, do đồng chí Trần Hiệu phụ trách, bám sát tình hình diễn biến quốc tế và trong nước, đã tổ chức nghiên cứu Nghị quyết mới của Ban Chấp hành Trung ương và mấy bản chỉ thị quan trọng của Ban Bí thư vừa ban hành như Chỉ thị Về nhiệm vụ khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp (ngày 29/6/1954); Về công tác tiếp thu và quản lý các thành phố và thị trấn mới được giải phóng (ngày 1/7/1954); Về việc bảo hộ các thành phố mới giải phóng (ngày 3/7/1954); Chỉ thị của Ban Bí thư Đề phòng “tả” khuynh làm lộ lực lượng, đẩy mạnh phong trào vùng bị tạm chiếm tiến lên từng bước vững chắc (ngày 5/7/1954)... Trong Chỉ thị về việc bảo hộ các thành phố mới giải phóng, Ban Bí thư nói rõ “Phương châm chung của ta đối với các thành phố mới thu hồi là: Giữ gìn thành phố ổn định, duy trì, khôi phục và xây dựng các công tác trong thành phố, phát huy tác dụng của thành phố để giúp vào việc cung cấp cho kháng chiến, giúp cho nền kinh tế vùng tự do của ta được phồn thịnh. Bởi vậy hiện nay ta không áp dụng phương châm tiêu thổ, sơ tán, phá hoại các thành phố. Ta cần giáo dục kỹ cho những bộ đội, cán bộ và nhân viên công tác khi vào thành phố, làm cho mọi người nhận rõ tác dụng quan trọng của việc bảo hộ những thành phố mới thu hồi, xây dựng một quan điểm mới nghiêm chỉnh chấp hành chính sách thành phố của Đảng và Chính phủ và phòng ngừa những hiện tượng sai lầm...”.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ ông Mười Hương đã nhận nhiệm vụ chuyên trách theo dõi tình hình quân sự của địch ở Khu Tả Ngạn, cho nên sau khi làm việc trong Ban lãnh đạo, ông Trần Hiệu đề nghị ông Mười Hương tiếp tục đi Khu Tả Ngạn giúp các cấp ủy địa phương triển

khai công tác bảo vệ an ninh vùng mới tiếp quản, nhất là các thành phố, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng; đặc biệt chú ý sắp tới có vấn đề chuyển quân tập kết của cả hai bên ta và Pháp, về phía ta, bộ phận của chúng ta cần khẩn trương tổ chức, bố trí đưa người vào Nam để nắm tình hình, chủ trương cùng những âm mưu, thủ đoạn mới của địch...

Tại Tả Ngạn, sau khi góp ý những vấn đề cần chú ý và cần làm để thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng và những Chỉ thị của Ban Bí thư; về việc đưa cán bộ đi Nam, ông Mười Hương trao đổi với đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Nam Định, đồng chí cho biết đã chuẩn bị một số người trong đó có chị Đinh Thị Vân, hiện là Huyện ủy viên huyện Xuân Trường, Ủy viên trong Ban Chấp hành Phụ nữ tỉnh, cán bộ tốt thông minh, nhanh nhẹn, rất tháo vát, lại là cháu cùng quê với đồng chí Trường Chinh, rất tin cậy... Kết thúc chiến tranh do hy sinh quyền lợi bản thân, có cống hiến nhiều thành tích, chị Đinh Thị Vân được phong tặng Anh hùng lực lượng vũ trang.

Làm việc với đồng chí Nghĩa Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình, đồng chí cho biết Thường vụ Tỉnh ủy đã lựa chọn, chuẩn bị một số đồng chí trung thành, tin cậy để đánh đi Nam, trong đó có hai Thị ủy viên Thị xã Thái Bình, một người là anh Vũ Hữu Ruật, hiện ta đã tung vào hoạt động trong Việt Nam Quốc dân Đảng ở Hải Phòng và Hà Nội; một người nữa là anh Vũ Ngọc Nhạ năm 1954 đang là Thị ủy viên, nhưng đã lấy được giấy tờ chứng nhận là đã tham gia Tổng bộ tự vệ Phát Diệm từ năm 1952, dưới sự chần dặt của Cha Hoàng Quỳnh và Đức Cha Lê Hữu Từ, là những người rất có uy tín, ảnh hưởng đối với giáo dân vùng Bùi Chu, Phát Diệm của hai tỉnh Ninh Bình và Thái Bình. Pháp, Mỹ có chủ trương vận động đồng bào miền Bắc trong đó phần lớn là giáo dân di cư vào Nam. Hiện anh Vũ

Ngọc Nhạ đã lọt vào tiểu đoàn Công binh của quân đội Pháp chuẩn bị rút đi Nam bộ...

Ông Mười Hương đang làm việc ở Tả Ngạn, thì được các đồng chí địa phương trao cho bức điện hỏa tốc yêu cầu về gấp Văn phòng Trung ương, không cần qua cơ quan cũ. Ông vội thu xếp lên đường về ATK.

Khi tới Lương Cổ, cách Phủ Lý, tỉnh lỵ tỉnh Hà Nam, khoảng 5 kilômét, ông Mười Hương gặp ông Bùi Lâm lúc đó đang phụ trách Tòa án quân sự Liên Khu Ba. Đối với ông Mười Hương, ông Bùi Lâm là bậc đàn anh, cả về tuổi đời lẫn quá trình hoạt động cách mạng và cương vị công tác. Ông Mười Hương rất quý trọng ông Bùi Lâm. Ông Mười Hương biết rõ ông Bùi Lâm trước đây đã làm thủy thủ tàu biển đi nhiều nước trên thế giới, đã tham gia Đảng Cộng sản Pháp từ những năm 1920, làm việc với Bác Hồ từ hồi đó ở Paris; đã học Trường Đại học Phương Đông ở Mátxcova, thường được gọi là trường Staline. Chính ông Bùi Lâm là người đã sắp xếp bố trí cho đồng chí Trần Phú đi tàu biển từ cảng Marseille về nước làm Tổng Bí thư Đảng. Năm 1930, về Sài Gòn ông Bùi Lâm tham gia Xứ ủy Nam kỳ, phụ trách công tác Công vận. Năm 1931, sau cuộc biểu tình kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Yên Bái ở Sài Gòn chiều ngày 8/2/1931, ông bị bắt và bị tòa Đại hình Sài Gòn kết án ngày 9/5/1933, 5 năm tù, 5 năm quản thúc. Ra tù ông tiếp tục hoạt động. Ông Mười Hương đã gặp ông Bùi Lâm ở ATK Trung ương hồi chuẩn bị cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945. Tháng 7/1945 ông Bùi Lâm được đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Đảng cử vào Nam để giao cho Đảng bộ Nam bộ những tài liệu về đường lối, chủ trương của Đảng, trong đó có bản Chỉ thị *Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* và bản việc thống nhất hai tổ chức Đảng "Tiền Phong và Giải Phóng" cùng nhau chuẩn bị khởi nghĩa.

Ông Bùi Lâm hỏi ông Mười Hương đi đâu, làm gì? Ông Mười đáp lại “Chưa rõ các anh có việc gì gấp mà gọi về thẳng Văn phòng, không cần qua cả cơ quan đang làm việc”.

Ông Bùi Lâm nói bây giờ cũng chiều rồi, hãy về cơ quan của ông ăn cơm và nghỉ, ông có chuyện cần trao đổi.

Tối hôm đó, ông Bùi Lâm và ông Mười Hương nói chuyện với nhau tới khuya. Ông Bùi Lâm nói nhiều và dài, như muốn dặn dò ông Mười Hương, người đồng chí trẻ tuổi của mình. Ông Bùi Lâm nói:

- Theo tao, sau thắng lợi trên chiến trường và kết quả của Hội nghị Genève, với tình hình đất nước bị tạm thời chia cắt như thế này, có thể mày được cử đi Nam công tác, mà cần đi sớm, cho nên Văn phòng mới điện gọi mày về gấp như thế.

Vào Nam lần này là đấu tranh với Mỹ. Về bản chất, Mỹ cũng là nước đế quốc như Pháp, Anh, cũng đi xâm lược thống trị các nước khác. Nhưng giữa bọn đế quốc, chúng có đôi chút khác nhau. Theo tao, thực dân Pháp khi đi xâm chiếm và thống trị các nước khác, như nước ta chẳng hạn, chúng dùng giới thày tu đi truyền đạo trước chuẩn bị, rồi đưa quân sang xâm chiếm sau, tức là “Ông cha đi trước, lính tập kéo sau”. Để phòng sự chống đối của ta, đế quốc Pháp nắm chặt hệ thống cai trị từ Toàn quyền, Thống sứ đến quận, huyện, châu đều do người Pháp trực tiếp nắm, dần dần về sau quận, huyện, châu nó mới giao cho người Việt là những người do chúng đào tạo, tỏ ra trung thành với chúng. Cho đến trước ngày đảo chính của Nhật 9/3/1945, tất cả những người cầm quyền cai trị cấp tỉnh, các cơ quan quan trọng như tòa án, công an, mật thám cho đến quan thuế, Nhà Đoan... đều do người Pháp trực tiếp nắm.

Đế quốc Anh có thuộc địa nhiều nhất thế giới, chúng tự hào nói “mặt trời không lặn trên đế quốc Anh”, thường

cho những công ty buôn bán đi trước, rồi đưa quân sang xâm chiếm sau, như đối với Ấn Độ, Mã Lai... tức là kinh tế đi trước rồi quân đội theo sau; bộ máy cai trị của Anh cũng không công kênh, nặng nề, chỉ toàn người chính quốc như của Pháp. Đế quốc Anh cai trị thuộc địa nắm lấy cấp cao, có lực lượng quân sự lớn và mạnh, và nhất là nắm chặt lấy kinh tế, còn cấp cai trị bên dưới chúng dùng người địa phương.

Mỹ lại khác nữa. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ trở thành cường quốc mạnh nhất thế giới, cả về kinh tế, tiềm năng quân sự cùng vũ khí hiện đại, trong đó có bom nguyên tử. Không kể đế quốc phát xít Đức, phát xít Nhật đã thua, phải đầu hàng Mỹ, dựa vào Mỹ, ngay cả đế quốc Anh, Pháp bây giờ cũng lệ thuộc vào Mỹ, phải vay nợ, nhận viện trợ của Mỹ. Việc thống trị các nước khác, như thống trị Trung Quốc chẳng hạn, đế quốc Mỹ chỉ nắm và thông qua mấy gia đình tài phiệt lớn: Tống (có Tống Tử Văn làm Bộ trưởng Bộ Tài chính), Tưởng (có Tưởng Giới Thạch làm Tổng thống, Khổng (có Khổng Tường Vy làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng), Trần (có Trần Thành làm Thủ tướng). Bốn họ này nắm tới 80% tài sản đất nước Trung Hoa. Vì thế trong giới nghiên cứu có người gọi Pháp là “thực dân kiểu cũ”, còn Anh, Mỹ là “thực dân kiểu mới”, gọi như thế cũng chưa thật đúng lắm, nhưng cần thấy những khác biệt ấy.

Vào Nam bây giờ là đấu tranh, chiến đấu với Mỹ, tiềm năng quân sự, kinh tế của Mỹ lớn, uy thế của Mỹ đang cao, nhiều nước đang sợ Mỹ, nể Mỹ, chiến đấu với Mỹ khó khăn và phức tạp đấy, không phải như đánh nhau với Pháp đâu.

Khởi nghĩa Tháng Tám thành công, Pháp quay lại xâm lược, chính quyền cách mạng còn non trẻ, chưa vững, ta phải rút nhiều nơi, nhưng nhân dân có tinh thần yêu nước

rất cao, quyết tâm chiến đấu hy sinh bảo vệ thành quả cách mạng, lại thêm có số cán bộ nhiều kinh nghiệm bị giam ngoài Côn Đảo được rước về, tham gia lãnh đạo cuộc kháng chiến theo đường lối trường kỳ kháng chiến, toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính của Trung ương, cho nên đã vượt qua nhiều khó khăn, giữ vững được cuộc chiến đấu.

Mày cần cân nhắc, nếu các anh cử mày đi, mày thấy nhận được thì nhận, còn thấy khó thì báo cáo thật với các anh. Ông Mười Hương chăm chú lắng nghe những điều hiểu biết và những lời nhắc nhở dặn dò chân tình của bậc đàn anh Bùi Lâm. Ông không nói lại ngay ý kiến của ông với ông Bùi Lâm, nhưng trong thâm tâm ông đã có hướng giải quyết “Đã theo cách mạng, đã đi làm cách mạng, thì các anh lãnh đạo thay mặt cho Đảng cử mình làm việc gì dù khó khăn đến đâu, phức tạp đến đâu, kể cả nguy hiểm đến tính mạng cũng phải chấp nhận và phải tìm mọi cách để hoàn thành nhiệm vụ. Công việc khó khăn, phức tạp mà Đảng vẫn tin và giao cho mình thì mình không thể từ chối.

Sáng sớm hôm sau ông Mười Hương về thăm gia đình, cả nhà đều mừng rỡ, vì lâu lâu ông mới có dịp ghé qua nhà. Ông nói với cả nhà, cấp trên gọi về có thể giao cho nhiệm vụ công tác mới, chưa biết việc gì, cho nên ông tranh thủ về thăm nhà trước khi về cơ quan.

Đêm đó, mẹ ông Mười Hương không ngủ, ngồi bên cạnh ông, luôn nắm tay, sờ chân con. Bà từ tốn nói trong niềm xúc động:

- Trước kia khó khăn, Tây cai trị, chúng luôn luôn bắt bớ, tù đầy mẹ không giữ được con. Bây giờ khác trước, ta đánh Tây thua, yên rồi, mẹ cũng chẳng dám giữ con. Lúc nhỏ “con là con mẹ con cha, lớn lên là con Vua con Chúa, con Nhà nước, con của cách mạng”, con đi làm việc, làm

sao mà mẹ giữ được, thỉnh thoảng con cố về thăm nhà... Nói rồi mẹ ông khóc, ông cũng không cầm được nước mắt.

Ông nhớ lại, cả nhà nói cho ông biết mẹ ông đã khóc nhiều khi ông bị Pháp bắt và bị bỏ tù hơn một năm hồi năm 1942.

Sáng hôm sau, sau khi ăn cơm xong, ông chào từ biệt gia đình, cha ông Mười Hương mở hầu bao rút ra tờ bạc con công (năm đồng tiền Đông Dương) đưa cho ông và nói:

- Con đi theo nghĩa lớn, thế là được, thầy rất vui, nhưng con phải cẩn trọng, đừng dễ làm, khó bỏ, không nên như người ta thường nói “Khi vui thì vỗ tay vào đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai!”. Thôi, con sớm lên đường cho được việc.

Đối với ông Mười Hương đây là những lời căn dặn dạy bảo của bố ông về đạo lý cuộc sống, đối với nhiệm vụ cách mạng ông đang làm và cũng là cách “đối nhân xử thế” trong đời sống hàng ngày, luôn luôn ông ghi lòng tạc dạ. Đây cũng là lần chia tay cuối cùng, sau đó ông Mười Hương không bao giờ gặp lại người cha thân yêu nữa. Cha ông mất năm 1958, thọ 78 tuổi, khi ông đang công tác tận ở miền Nam xa xôi.

Về tới Văn phòng ông được gặp Tổng Bí thư Trường Chinh. Sau khi nghe ông Mười Hương báo cáo tình hình và công tác vừa làm ở Khu Tả Ngạn, đồng chí Trường Chinh tỏ vẻ vui mừng và cho ông Mười Hương biết tháng 8 vừa rồi Xứ ủy Nam kỳ họp bàn nhiều việc trong đó có công tác quan trọng là xây dựng lực lượng an ninh và bảo vệ cơ quan Cấp ủy. Xứ ủy đề nghị Trung ương tăng cường cán bộ làm công tác này, nhất là cần người có kinh nghiệm hoạt động đô thị lớn. Đồng chí Trường Chinh nói tiếp:

- Các anh Lê Duẩn, Lê Đức Thọ nhất trí xin Trung ương cho anh vào giúp Xứ ủy, vì anh Lê Đức Thọ đã biết rõ anh hồi anh làm việc ở ATK giúp cho Trung ương chuẩn bị



Cách mạng Tháng Tám 1945. Anh Lê Đức Thọ vừa ra Bắc báo cáo và chính thức đề nghị như vậy. Anh Thọ còn đề nghị nếu có thể thì anh thu xếp cùng anh Lê Đức Thọ vào Nam ngay. Vì vậy Văn phòng điện cho anh về gấp. Lúc này vào Nam tình hình đang biến chuyển mạnh, nhiều khó khăn đấy, đi không biết bao giờ về. Anh cần suy nghĩ cho kỹ, nếu không đi được thì cứ báo cáo với Trung ương. Trung ương không ép. Nếu anh xem có thể thu xếp gia đình ổn thỏa và đảm nhận được nhiệm vụ thì cho Trung ương biết để trả lời Xứ ủy. Phải giữ bí mật tuyệt đối!

Đồng chí Trường Chinh nắm lấy tay ông Mười Hương và chỉ xuống đất, rồi nói tiếp “Phải bí mật từ đây này”.

Đồng chí Trường Chinh nhắc ông phải thu xếp gia đình chu đáo, vì ông biết ông Mười Hương vừa có thêm con gái thứ ba mới mấy tháng tuổi.

Đã có chuẩn bị, ông Mười Hương vội thưa ngay với Tổng Bí thư:

- Thưa anh, việc khó mấy Trung ương giao tôi cũng xin nhận và hết sức cố gắng hoàn thành.

Ông Mười Hương về cơ quan làm việc với ông Trần Hiệu, trong đó báo cáo việc đánh người đi Nam của các Tỉnh ủy Nam Định, Thái Bình. Ông báo cáo với ông Trần Hiệu ý kiến của Trung ương, theo đề nghị của Xứ ủy Nam bộ, muốn ông vào trong ấy hoạt động, ông đã chấp nhận. Ông Trần Hiệu tỏ ý vui mừng người cộng tác thân cận của mình nay được Trung ương tin cậy, giao nhiệm vụ làm công tác an ninh, bảo vệ ở phía Nam. Ông cũng cho ông Mười Hương biết về trường hợp của anh Lê Hữu Thúc. Trong kháng chiến chống Pháp, anh Thúc làm cán bộ Công an, anh đã đỡ Cử nhân văn chương, vừa có trình độ văn hóa lại làm việc tốt, tin cậy được. Ông Trần Hiệu nói:

- Tôi thấy anh Thúc là cán bộ có năng lực, nhưng tổ chức của ta đưa ra ngoài ngành vì thành phần gia đình rất

dễ được địch tin dùng, anh ấy có thể đóng góp tốt cho cách mạng, cho nên tôi đã móc nối và tung anh đi theo đoàn dân di cư vào Nam cùng thời gian với Vũ Ngọc Nhạ và một số anh nữa. Anh ấy đã chấp nhận. Vào trong ấy anh tìm cách liên lạc và sử dụng.

Ông Mười Hương rất đồng tình cách nhìn nhận đánh giá phẩm chất con người và dám sử dụng người của ông Trần Hiệu đối với anh Lê Hữu Thúc.

Mấy hôm sau, ông Mười Hương đến văn phòng, Tổng Bí thư cho ông biết việc của ông đã được báo cáo với Bác Hồ. Bác nhắc:

- Nếu miền Nam xin chú Hương vào hoạt động, trong ấy còn đang xây dựng tổ chức, cho nên không phong chức tước gì cả. Tùy tình hình trong đó bố trí nhiệm vụ.

Bữa ông Mười Hương đến chào Bác, Bác nói: Công việc của chú thì các đồng chí Trung ương đã giao và dặn kỹ rồi. Xem nhận được thì nhận và đã nhận đừng để phụ lòng Trung ương. Bác có nghe ý kiến của chú Bùi Lâm, chú Lâm là người đi nhiều, biết rộng, có kinh nghiệm quốc tế. Bác cũng nhắc lại ý kiến của Bác đã nói với Trung ương cử chú đi vào Nam không phong chức tước gì cả, tùy trong ấy phân công, việc gì tuy nhỏ mà có lợi cho cách mạng cũng nhận và làm cho tốt. Phải chú ý đến vấn đề đoàn kết Trung Nam Bắc, không được coi thường việc chia ba miền gần 100 năm của thực dân Pháp.

Trước khi chia tay Bác thân tình nhắc ông Mười Hương: Khổng Tử có bảy mươi hai người học trò giỏi, trong đó Nhan Hồi là học trò yêu đã nói: “Ngô nhất nhật, tam tỉnh ngô thân”, mỗi ngày phải để ba lần sửa mình, tu thân. Chủ nghĩa Mác - Lênin lấy tự phê bình và phê bình làm quy luật phát triển. Hàng ngày chú phải cố dành ra thời giờ để kiểm điểm công việc đã làm xem việc gì làm tốt, thành công, việc gì làm chưa tốt, có khuyết điểm để rút kinh